

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

PHÁT TRIỂN NHÀ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 08 năm 1992, thay đổi lần thứ 12 ngày 26 tháng 05 năm 2009)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

▪ **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ TP.HCM**

Địa chỉ trụ sở chính: 58 Nguyễn Đình Chiểu- P. Đa Kao- Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 62 915 916 – Fax: (84.8) 62 915 900

▪ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59, phố Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 39 445 888 – Fax: (84.4) 39 445 889

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Bà Lê Thị Băng Tâm** – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 62 915 916

Fax: (84.8) 62 915 900

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11 tháng 08 năm 1992, thay đổi lần thứ 12 ngày 26 tháng 05 năm 2009)

CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--------------------------------|--|
| Tên cổ phần | : Cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh |
| Mệnh giá | : 10.000 đồng/cổ phần. |
| Giá bán | : 10.000 đồng/cổ phần. |
| Tổng số lượng chào bán dự kiến | : 145.000.000 cổ phần |

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 140.000.000 cổ phần
- Phát hành cho Cán bộ Công nhân viên : 5.000.000 cổ phần

Tổng giá trị đăng ký : 1.450.000.000.000 VND (Một nghìn bốn trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

 **ERNST & YOUNG**

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Cao ốc Sài Gòn Riverside, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84.8) 3 824 5252 Fax: (84.8) 3 824 5250 Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

 **VISEcurities**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

Trụ sở chính: Tầng 3, Số 59, Quang Trung, phường Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3944 58 88 Fax: 04. 3944 58 89 Website: www.vise.com.vn

MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 4 |
| 1. | Rủi ro về lãi suất..... | 4 |
| 2. | Rủi ro về tín dụng..... | 4 |
| 3. | Rủi ro về ngoại hối | 5 |
| 4. | Rủi ro về thanh toán | 5 |
| 5. | Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng..... | 6 |
| 6. | Rủi ro luật pháp | 6 |
| 7. | Rủi ro của đợt phát hành, của dự án sử dụng vốn từ đợt phát hành..... | 7 |
| 8. | Rủi ro pha loãng giá cổ phần..... | 7 |
| 9. | Rủi ro trong hoạt động ngân hàng..... | 8 |
| 10. | Rủi ro khác | 9 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 9 |
| 1. | Tổ chức phát hành | 9 |
| 2. | Tổ chức tư vấn..... | 9 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM | 9 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 10 |
| 1. | Giới thiệu chung về tổ chức phát hành..... | 10 |
| 2. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 11 |
| 3. | Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi | 11 |
| 4. | Cơ cấu tổ chức Ngân hàng | 12 |
| 5. | Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng | 14 |
| 6. | Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ | 17 |
| 7. | Danh sách cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ..... | 18 |
| 8. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành | 19 |
| 9. | Hoạt động kinh doanh | 19 |
| 10. | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất | 40 |
| 11. | Vị thế của HDBank so với các ngân hàng khác trong cùng ngành..... | 44 |
| 12. | Chính sách đối với người lao động | 45 |

| | | |
|-------|--|----|
| 13. | Chính sách cổ tức | 46 |
| 14. | Tình hình tài chính | 47 |
| 15. | Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng | 48 |
| 16. | Tài sản | 67 |
| 17. | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 69 |
| 18. | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 72 |
| 19. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành | 73 |
| 20. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới HDBank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành | 73 |
| V. | CỔ PHẦN PHÁT HÀNH THÊM | 73 |
| 1. | Loại cổ phần | 73 |
| 2. | Mệnh giá | 73 |
| 3. | Tổng số cổ phần đăng ký phát hành dự kiến | 73 |
| 4. | Giá dự kiến chào bán | 76 |
| 5. | Phương pháp tính giá | 76 |
| 6. | Phương thức phân phối | 76 |
| 7. | Thời gian phân phối | 76 |
| 8. | Đăng ký mua cổ phần | 77 |
| 9. | Phương thức thực hiện quyền | 78 |
| 10. | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 78 |
| 11. | Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng | 79 |
| 12. | Các loại thuế có liên quan | 79 |
| 13. | Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu | 79 |
| V. | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 79 |
| 1. | Nhu cầu khách quan của việc tăng vốn điều lệ | 79 |
| 2. | Phương án sử dụng vốn | 81 |
| VI. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 82 |
| VII. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN | 82 |
| 1. | Tổ chức kiểm toán | 82 |
| 2. | Tổ chức tư vấn phát hành | 82 |
| VIII. | PHỤ LỤC | 83 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng. Rủi ro lãi suất xảy ra sẽ dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh sụt giảm, ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh khác trong Ngân hàng.

Tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VNĐ, USD, EUR... Rủi ro lãi suất được đo lường và theo dõi thông qua sự kết hợp giữa Khối Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ với Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ. Căn cứ vào việc theo dõi hàng ngày và nhận định diễn biến, xu hướng biến động lãi suất trên thị trường, các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có, Ban Điều hành được tổ chức nhằm đưa ra các quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro lãi suất, HDBank đã áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất như sau:

- Từng bước áp dụng các công cụ quản lý rủi ro, bao gồm: Biểu đồ lệch kỳ hạn tái định giá (repricing gap); Thời lượng của tài sản nợ và tài sản có (duration) và Hệ số nhạy cảm (factor sensitivity).
- Thực hiện tốt việc điều hành lãi suất cho toàn hệ thống, sử dụng tốt nhất các nguồn vốn huy động, xây dựng các mô hình, chỉ số quản lý rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo kịp thời những rủi ro lãi suất tiềm tàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo xuyên suốt và khoa học từ từng phòng ban tại Hội sở đến hệ thống các chi nhánh. Do vậy, mỗi biến động về lãi suất trên thị trường tài chính ngân hàng đều được Ngân hàng nắm bắt và xử lý kịp thời.
- Nghiên cứu thực hiện áp dụng các dịch vụ được cho phép theo quy định của pháp luật trong hoạt động lãi suất như: hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai về lãi suất. Đây là các giải pháp giúp cho Ngân hàng ngăn ngừa được biến động về lãi suất cũng như bù đắp các rủi ro về lãi suất.

2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

Cũng như các NHTMCP khác của Việt Nam, hoạt động tín dụng đóng góp nguồn thu quan trọng trong hoạt động của HDBank. Vì vậy, HDBank rất chú trọng đến hoạt động quản lý rủi ro tín dụng nhằm đảm bảo sự an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, HDBank đã đưa ra cơ chế xét duyệt và cấp tín dụng bao gồm 03 cấp: Ban tín dụng tại các chi nhánh, Ban tín dụng Hội sở và Hội đồng tín dụng. Các trường hợp hồ sơ vay của khách hàng vượt hạn mức tín dụng của chi nhánh, Ban tín dụng chi

nhánh sẽ trình về Ban tín dụng Hội sở; trường hợp vượt hạn mức phán quyết của Tổng Giám đốc, hồ sơ sẽ được trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua Hội đồng tín dụng.

Ngoài ra, HDBank thành lập Khối Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ, gồm các Phòng Quản lý rủi ro, Ban định giá, Phòng Pháp chế, Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ và Phòng xử lý nợ, có nhiệm vụ theo dõi chất lượng tín dụng cũng như nghiên cứu các chính sách ảnh hưởng đến công tác tín dụng của Ngân hàng. Đặc biệt, HDBank còn thành lập Hội đồng Xử lý rủi ro với các thành viên là thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng, thiết lập nhiều công cụ nhằm tối thiểu hóa rủi ro tín dụng, như:

- Các quy định về hoạt động thẩm định và phê duyệt, dựa trên nguyên tắc độc lập và theo mức thẩm quyền từ cấp cơ sở đến các cấp ở Hội sở.
- Các quy định về bảo đảm tiền vay, danh mục các tài sản được chấp nhận, các thủ tục pháp lý cần thiết, và các biện pháp quản lý tài sản bảo đảm.
- Các quy định về thẩm định và phê duyệt, hướng dẫn phân tích phương án kinh doanh, định giá tài sản đảm bảo, xếp hạng Khách hàng, đánh giá toàn diện về tài chính, đưa ra các điều kiện cấp tín dụng trước khi giải ngân.
- Các hạn mức cho vay, tỷ lệ tài trợ so với giá trị tài sản bảo đảm áp dụng cho từng loại sản phẩm, loại tài sản, đối tượng Khách hàng.
- Các hạn chế về cấp tín dụng tập trung áp dụng theo từng loại tiền vay, kỳ hạn vay, sản phẩm, ngành nghề, Khách hàng.
- Các quy định chặt chẽ về thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát và xử lý trong suốt quá trình xem xét cấp tín dụng.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, về loại tiền tệ của các khoản ngoại hối nắm giữ, rủi ro từ các hợp đồng ngoại hối, rủi ro từ kiểm soát trạng thái ngoại hối qua đêm, vì thế làm cho Ngân hàng có thể gánh chịu lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động.

Đối với HDBank, hoạt động ngoại hối chủ yếu nhằm phục vụ thanh toán quốc tế cho các khách hàng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, từ năm 2007, HDBank cũng thực hiện hoạt động kinh doanh vàng. Trong quá trình hoạt động, HDBank luôn tuân thủ nghiêm túc việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN (*không duy trì trạng thái dương hoặc âm quá 30% vốn tự có của Ngân hàng*). HDBank duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì tình trạng ngoại hối ròng ở mức hợp lý, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao và có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền và ra quyết định mua, bán các hợp đồng ngoại tệ đúng đắn. Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ bên cạnh hoạt động kinh doanh sẽ báo cáo thường xuyên về các rủi ro ngoại hối. Hội đồng Quản lý Tài sản nợ và có (ALCO) cũng thiết lập những quy định và nguyên tắc để phòng tránh các rủi ro này. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp cận việc sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro như các hợp đồng Forwards, Swap ...trong hoạt động kinh doanh ngoại hối.

4. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh toán đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của Ngân hàng khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của Khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đề cập đến khả năng chi trả và thực hiện các

nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ, Khối Quản lý Rủi ro và Kiểm soát tuân thủ, Khối Khách hàng Cá nhân, Khối Khách hàng Doanh nghiệp của HDBank phối hợp thường xuyên xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm để thực hiện dự trữ hợp lý nhằm hạn chế lãng phí vốn, giảm lợi nhuận hoạt động. Ngân hàng cũng xây dựng danh mục đầu tư hợp lý với tỷ trọng đầu tư vào các loại chứng khoán, giấy tờ có giá, các loại tài sản có khả năng chuyển đổi nhanh sang tiền mặt với chi phí thấp, dự báo kịp thời nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ để có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu. Hội đồng Quản lý Tài sản nợ và có (ALCO) họp định kỳ thường xuyên để đảm bảo đối phó với các rủi ro trong thanh toán.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, HDBank luôn tuân thủ các quy định sau:

- Duy trì tỷ lệ tối thiểu 25% giữa giá trị các tài sản Có có thể thanh toán ngay và các tài sản Nợ sẽ đến hạn thanh toán trong thời gian một tháng tiếp theo;
- Duy trì tỷ lệ tối thiểu bằng một (01) giữa tổng tài sản Có có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian bảy (07) ngày tiếp theo và tổng tài sản nợ phải thanh toán trong khoảng thời gian bảy (07) ngày tiếp theo;
- Tuân thủ các hạn mức thanh khoản quy định trong chính sách quản lý rủi ro thanh khoản do HDBank quy định: Tỷ lệ giữa tồn quỹ/vốn huy động; Tỷ lệ giữa dư nợ/Vốn huy động; Tỷ lệ giữa dư nợ có tài sản đảm bảo/tổng dư nợ.
- Tổng hợp và phân tích động thái của khách hàng gửi tiền, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động có rủi ro vốn.

Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, HDBank vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn thanh khoản, dự trữ bắt buộc, đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng phát sinh chủ yếu ở hoạt động cấp L/C.

Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, HDBank đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận các khách hàng. Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yêu tố sau:

- Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với HDBank trong nhiều lĩnh vực hoạt động.
- Phương án kinh doanh khả thi.
- Tỷ lệ ký quỹ an toàn.
- Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường.
- Vay thanh toán L/C có tài sản bảo đảm.

6. Rủi ro luật pháp

Khung pháp lý cho các hoạt động tài chính và ngân hàng đã và đang được hoàn thiện dần do đây là lĩnh vực nhạy cảm và gặp nhiều rủi ro, có thể ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt hoạt động của xã hội. Sự không ổn định về khung pháp lý là một yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến

hoạt động của HDBank. Hiện nay Luật chứng khoán đã được ban hành và có hiệu lực vào ngày 01/01/2007, tuy nhiên các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật chứng khoán vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Để ngăn ngừa rủi ro về luật pháp, HDBank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời HDBank có Phòng Pháp chế với chức năng quản lý rủi ro pháp lý trong toàn bộ hoạt động của Ngân hàng, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Điều hành về các hoạt động của Ngân hàng nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

7. Rủi ro của đợt phát hành, của dự án sử dụng vốn từ đợt phát hành

Đợt phát hành được coi là không thành công khi các nhà đầu tư không đăng ký hết số lượng cổ phần được phép phát hành. Trong đợt phát hành này, cổ phần dự kiến được phân phối dành cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên. Tổng khối lượng phát hành cho đối tượng là cổ đông hiện hữu chiếm 96,6% của tổng khối lượng cổ phần phát hành thêm, khối lượng phát hành cho cán bộ công nhân viên chiếm 3,4%. Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là những người đã gắn bó và am hiểu tình hình hoạt động của Ngân hàng nên khả năng các đối tượng này không mua cổ phần là nhỏ. Do vậy, khả năng rủi ro phát hành không thành công là rất thấp.

Đối với số cổ phần cổ đông hiện hữu hoặc cán bộ công nhân viên từ chối mua và số cổ phần lẻ do làm tròn sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng phù hợp với nguyên tắc không thuận lợi hơn điều kiện phát hành cho cổ đông hiện hữu nên rủi ro liên quan đến phân phối không hết chứng khoán phát hành là hầu như không có.

Những rủi ro phát sinh trong việc sử dụng vốn từ đợt phát hành có thể bắt nguồn từ việc quản lý không tốt nguồn vốn huy động hoặc sự triển khai chậm tiến độ của các kế hoạch đã định. Để đối phó với rủi ro này, các Hội đồng (bao gồm Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Quản lý Tài sản nợ và có (ALCO)) sẽ thường xuyên giám sát và quản lý số vốn huy động thêm và việc triển khai các dự án sử dụng vốn.

8. Rủi ro pha loãng giá cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành của HDBank là 155.000.000 cổ phần (tương ứng với 1.150 tỷ đồng). HDBank dự kiến phát hành thêm 145.000.000 cổ phần, bằng 93,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Ngân hàng (trong đó: chào bán 140.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, 5.000.000 cổ phần cho cán bộ công nhân viên). Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phần như trên sẽ dẫn đến điều chỉnh giảm của giá cổ phần do tác động pha loãng.

Tính giá cổ phần HDBank sau khi phát hành thêm với mức độ pha loãng:

- *Giá cổ phần HDBank sau khi phát hành 45.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu (đợt 1) theo tỷ lệ 4: 1,16129032258065 (Cổ đông hiện hữu nắm giữ 4 cổ phần thì được quyền mua 1,16129032258065 cổ phần mới) với giá bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).*

Trong trường hợp mọi hoạt động của Ngân hàng vẫn duy trì ổn định thì giá cổ phần của Ngân hàng là:

$$\begin{aligned}C_1 &= (P_0 \times Q_0 + P_1 \times Q_1) / (Q_0 + Q_1) \\&= (12.000 \times 155.000.000 + 10.000 \times 45.000.000) / (155.000.000 + 45.000.000) \\&= 11.550 \text{ đồng/cổ phần}\end{aligned}$$

- Giá cổ phần sau khi phát hành 95.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu (đợt 2) theo tỷ lệ 3:1,425 (Cổ đông hiện hữu nắm giữ 3000 cổ phần thì được quyền mua 1425 cổ phần mới) với giá bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

$$C_2 = (C_1 \times Q_0 + C_1 \times Q_1 + P_2 \times Q_2) / (Q_0 + Q_1 + Q_2)$$

$$= (11.550 \times 155.000.000 + 11.550 \times 45.000.000 + 10.000 \times 95.000.000) / (155.000.000 + 45.000.000 + 95.000.000)$$

$$= 11.051 \text{ đồng/cổ phần}$$

- Giá cổ phần sau khi phát hành 5.000.000 cổ phần cho cán bộ công nhân viên với mức giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần

$$C_3 = (C_2 \times Q_0 + C_2 \times Q_1 + C_2 \times Q_2 + P_3 \times Q_3) / (Q_0 + Q_1 + Q_2 + Q_3)$$

$$= (11.051 \times 155.000.000 + 11.051 \times 45.000.000 + 11.051 \times 95.000.000 + 10.000 \times 5.000.000) / (155.000.000 + 45.000.000 + 95.000.000 + 5.000.000)$$

$$= 11.033 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ghi chú các ký hiệu:

P_0 : Giá cổ phần HDBank trước thời điểm phát hành.

Q_0 : Khối lượng cổ phần HDBank lưu hành trước thời điểm phát hành.

P_1 : Giá cổ phần HDBank phát hành cho cổ đông hiện hữu đợt 1, $P_1 = 10.000$ đồng/cổ phần.

Q_1 : Khối lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu đợt 1, $Q_1 = 45.000.000$ cổ phần.

C_1 : Giá cổ phiếu đã pha loãng sau khi phát hành đợt 1 cho cổ đông hiện hữu.

P_2 : Giá cổ phần HDBank phát hành cho cổ đông hiện hữu đợt 2, $P_2 = 10.000$ đồng/cổ phần.

Q_2 : Khối lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu đợt 2, $Q_2 = 95.000.000$ cổ phần.

C_2 : Giá cổ phiếu đã pha loãng sau khi phát hành đợt 2 cho cổ đông hiện hữu.

P_3 : Giá phát hành cho cán bộ công nhân viên, $P_3 = 10.000$ đồng/cổ phần.

Q_3 : Khối lượng phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên, $Q_3 = 5.000.000$ cổ phần.

C_3 : Giá cổ phiếu đã pha loãng sau khi phát hành thêm 140.000.000 cổ phần cho Cổ đông hiện hữu (đợt 1 và đợt 2) và 5.000.000 cổ phần cho CBCNV.

Sau đợt phát hành toàn bộ 145.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên, giá cổ phiếu HDBank là 11.033 đồng/cổ phần. Sau đợt phát hành, rủi ro pha loãng cổ phần này sẽ giảm đi nếu HDBank sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành một cách hiệu quả.

9. Rủi ro trong hoạt động ngân hàng

Rủi ro trong hoạt động ngân hàng bao gồm các rủi ro phát sinh từ cách thức mà một ngân hàng điều hành các hoạt động của mình như cấu trúc hạn mức không phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn, quản trị không tốt các quy trình quản lý tín dụng, cán bộ tham ô, thiếu các kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh trong trường hợp xảy ra thảm họa, vvv...

HDBank luôn thực hiện những biện pháp cơ cấu và tái cơ cấu bộ máy nhằm thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và khắc phục những điểm yếu kém hiện tại hoặc mới phát sinh trong quá trình hoạt động. Khối Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ và hệ thống phần mềm quản lý rủi ro hiện có luôn hỗ trợ trong việc theo dõi hoạt động của Ngân hàng, giúp

cho Ngân hàng kiểm soát rủi ro và tiếp tục đề ra các biện pháp và lập các chỉ tiêu đánh giá trên toàn hệ thống Ngân hàng.

10. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của HDBank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, tổ chức là Khách hàng của HDBank.

Bên cạnh đó, phải kể đến các rủi ro khi lạm phát gia tăng, tình trạng thất nghiệp, diễn biến biến động của nền kinh tế trong nước và kinh tế thế giới.....có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế các rủi ro này, HDBank áp dụng nhiều chính sách dự báo nhằm ứng phó kịp thời với những thay đổi trong hoạt động kinh doanh.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh

| | | |
|---------------------------|----------|----------------------------|
| Bà Lê Thị Băng Tâm | Chức vụ: | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Bà Đặng Thị Quý | Chức vụ: | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Chức vụ: | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Đầu | Chức vụ: | Giám đốc Tài Chính |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam

| | |
|----------|-----------------|
| Đại diện | : Ông Phạm Linh |
| Chức vụ | : Tổng Giám đốc |

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:


| | |
|--------|-------------------------------|
| NHNN | : Ngân hàng Nhà nước |
| UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

| | |
|--------------------|--------------------------------------|
| UBND | : Ủy Ban Nhân dân |
| TMCP | : Thương mại cổ phần |
| HDQT | : Hội đồng Quản trị |
| BKS | : Ban Kiểm soát |
| QLRR | : Quản lý rủi ro |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| KHDN | : Khách hàng Doanh nghiệp |
| KHCN | : Khách hàng Cá nhân |
| Giấy CNĐKKD | : Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh |
| TSCĐ | : Tài sản cố định |
| TP.HCM | : Thành phố Hồ Chí Minh |

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2007 và các văn bản pháp luật khác liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

| | |
|----------------------|--|
| Tên Ngân hàng | : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH |
| Tên giao dịch | : HOUSING DEVELOPMENT BANK (HDBANK) |
| Địa chỉ trụ sở chính | : 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Điện thoại: | : (84.8) 62 915 916 - Fax: (84.8) 62 915 900 |
| Website | : www.hdbank.com.vn |
| Logo: |  |
| Vốn điều lệ | : 1.550.000.000.000 đồng Việt Nam (<i>Một nghìn năm trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam</i>). |
| Giấy phép thành lập | : Số 365/GP-UB do UBND TP.HCM cấp ngày 27/07/1992 |
| Giấy phép hoạt động | : Số 19/NH-GP do NHNN Việt Nam cấp ngày 06/06/1992 (được cấp theo Quyết định số 102/QĐ-NH5 của NHNN ngày 06/06/1992 của Thống đốc NHNN; và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 90/QĐ-NHNN của NHNN ngày 19/01/2010). |
| Giấy CNĐKKD | : Số 059025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 26/05/2009. |
| Lĩnh vực kinh doanh | : Huy động vốn; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; Cho vay; Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế.... |

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (HDBank) được thành lập ngày 04/01/1990 theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 của UBND Tp.HCM với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng và là một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên của cả nước. Đến nay, vốn điều lệ của HDBank đã đạt 1.550 tỷ đồng. Lấy sứ mệnh “phát triển nhà ở và chỉnh trang đô thị, góp phần xây dựng TP. Hồ Chí Minh văn minh hiện đại” làm mục tiêu hoạt động và phát triển, HDBank có chức năng thực hiện kinh doanh tổng hợp, đa dạng trong lĩnh vực nhà ở; kinh doanh tiền tệ, tín dụng thông qua việc đầu tư vốn, cung ứng tín dụng và dịch vụ nhà; tập trung huy động vốn và quản lý tất cả các nguồn vốn để phục vụ chương trình phát triển nhà ở và chỉnh trang đô thị; tư vấn cho UBND Tp.HCM về chương trình, kế hoạch phát triển nhà và chỉnh trang đô thị.

Trong xu thế hội nhập của ngành tài chính ngân hàng Việt Nam để phát triển và hội nhập kinh tế toàn cầu, HDBank đã thực hiện thành công giai đoạn 1 (2009 – 2010) của dự án Tái cấu trúc (2009 – 2012) nhằm mục tiêu xây dựng HDBank thành một ngân hàng bán lẻ, đa năng, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế trong quản lý; tăng cường năng lực tài chính; phát triển công nghệ hiện đại; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực vững mạnh, chuyên nghiệp; cung cấp các sản phẩm đa dạng, trọn gói với chất lượng cao đáp ứng thỏa mãn yêu cầu của mọi đối tượng khách hàng. Song song với việc xây dựng ngân hàng bán lẻ, HDBank bước đầu xây dựng mô hình ngân hàng đầu tư để tối đa hóa hiệu quả kinh doanh vốn.

3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn:

- HDBank mong muốn trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam với năng lực quản trị và quản lý mạnh để xây dựng thành một tập đoàn tài chính theo các chuẩn mực quốc tế.
- HDBank xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm và có tài với phong cách phục vụ chuyên nghiệp. HDBank phát triển năng lực công nghệ hiện đại, mang lại những sản phẩm tiện ích với chất lượng dịch vụ cao nhất, đem lại sự an tâm và phồn vinh đến cho khách hàng.
- HDBank mang lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần cho mọi thành viên trong ngôi nhà chung HDBank.

Sứ mệnh:

- Đối với khách hàng: Cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói sáng tạo nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và người dân.
- Đối với cổ đông: Đảm bảo và luôn gia tăng các giá trị doanh nghiệp hấp dẫn và bền vững.
- Đối với nhân viên: Xây dựng môi trường làm việc tích cực, năng động, sáng tạo; tạo cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên.
- Đối với cộng đồng: Đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm công dân đối với đất nước

Giá trị cốt lõi:

- Xác định “Yếu tố con người” là giá trị cốt lõi, HDBank luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, quan tâm đào tạo cán bộ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, năm

2009 HDBank đã có gần 1.300 cán bộ, chuyên viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, tận tâm với khách hàng và luôn đề cao giá trị đạo đức nghề nghiệp.

4. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng

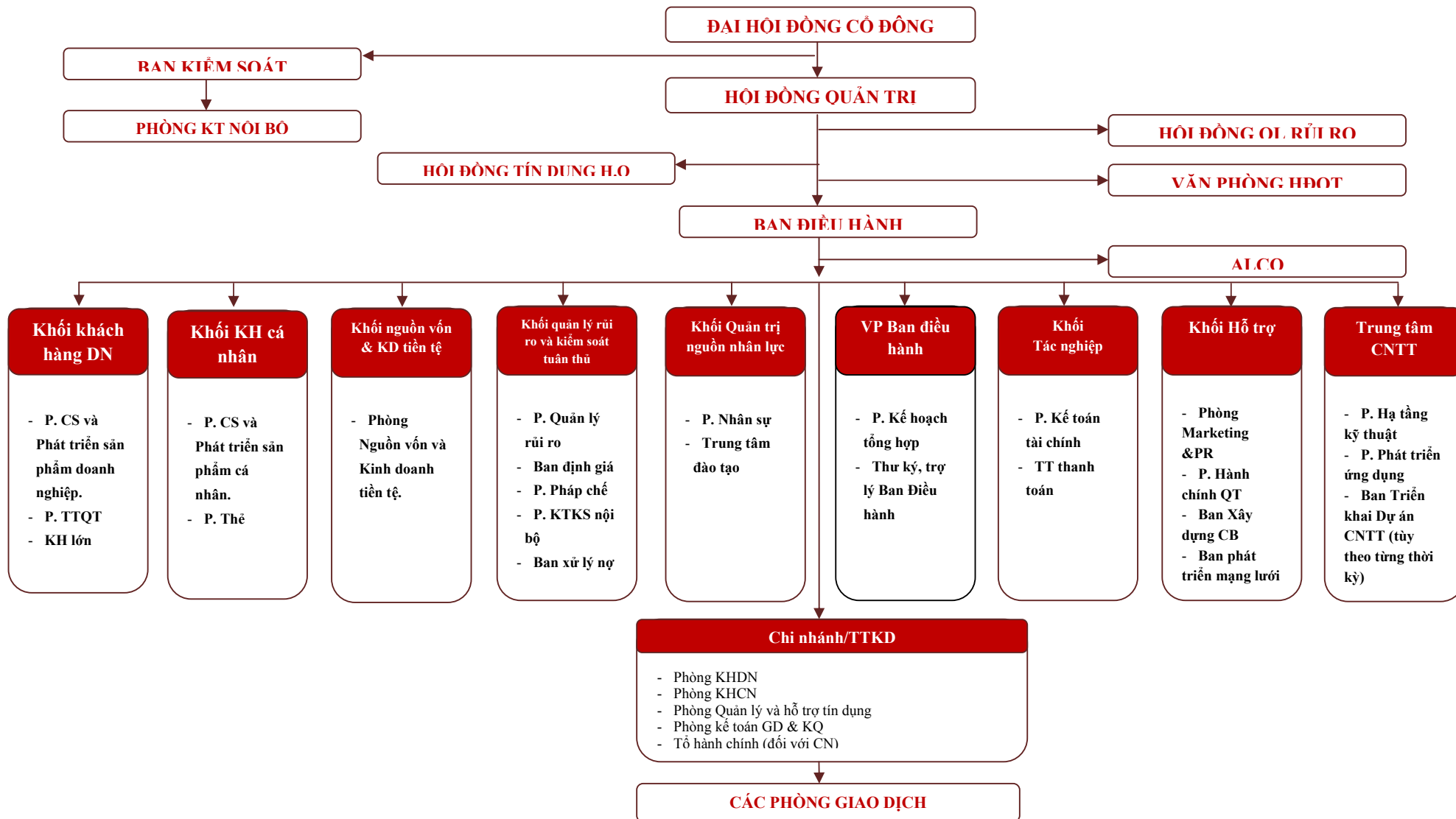
Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng bao gồm 09 Khối chức năng, cụ thể:

- Khối Khách hàng Doanh nghiệp.
- Khối Khách hàng Cá nhân.
- Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ.
- Khối quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- Khối Quản trị nguồn nhân lực.
- Khối tác nghiệp.
- Khối hỗ trợ.
- Trung tâm Công nghệ thông tin.
- Văn phòng Ban điều hành.

Các Khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc.

Mỗi Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ Khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

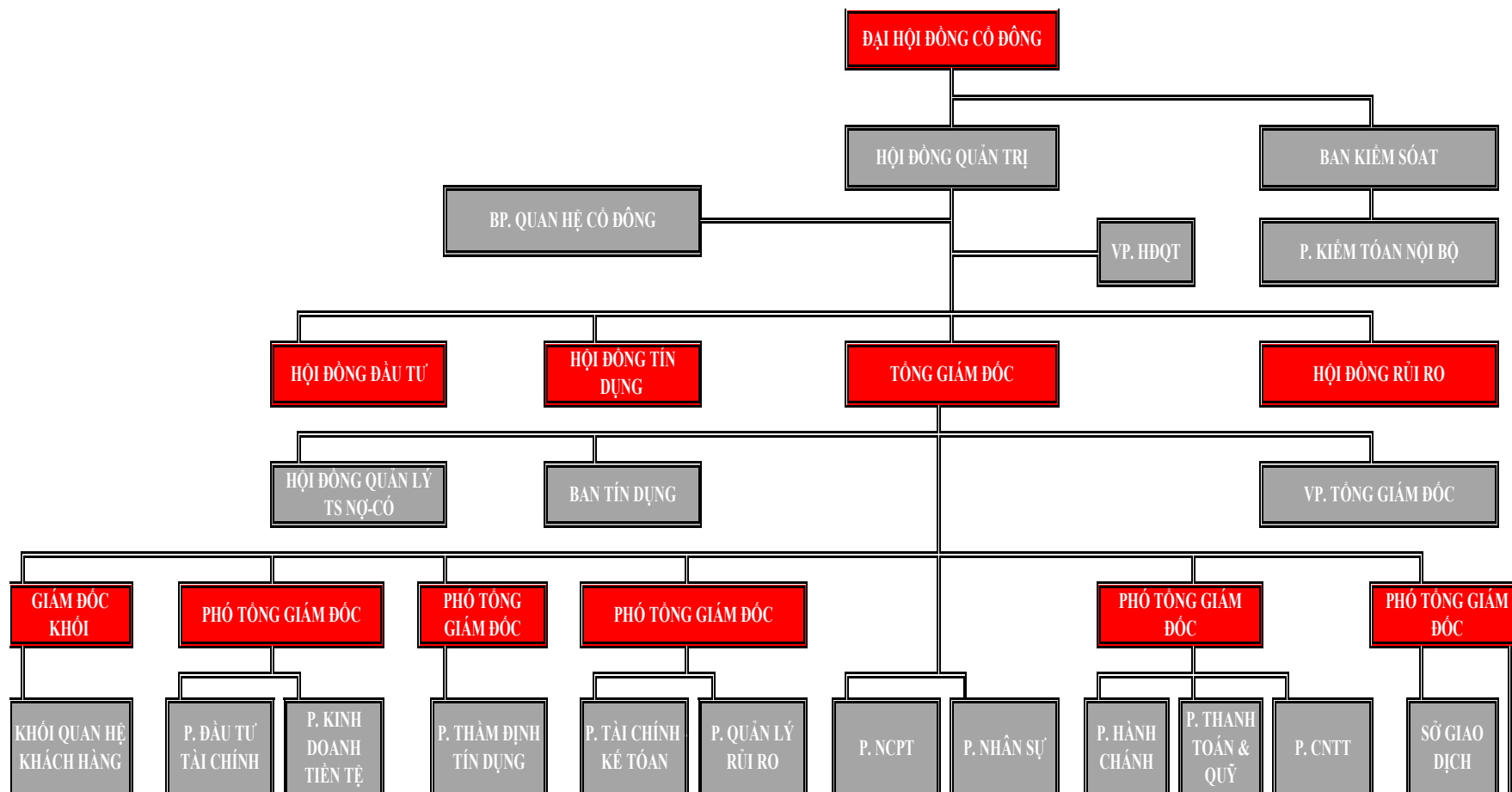
Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng *(xem trang bên)*



5. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng

Bộ máy quản lý của HDBank được tổ chức một cách hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng ổn định và đảm bảo quyền lợi cho toàn bộ các Cổ đông.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



5.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại Hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của HDBank, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ HDBank quy định.

5.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của HDBank, có toàn quyền nhân danh HDBank để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của HDBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị đặt ra các quy định, các chính sách về quản lý rủi ro tín dụng và một số lĩnh vực kinh doanh quan trọng của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị còn thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị tại HDBank gồm 08 thành viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị HDBank:

| | |
|------------------------------|-------------------|
| 1. Bà Lê Thị Băng Tâm | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Diệp Dũng | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Thành | Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Đỗ Thị Hồng Dung | Thành viên HĐQT |
| 6. Ông Lưu Đức Khánh | Thành viên HĐQT |

5.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của HDBank, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của HDBank. Ban Kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn. Ban Kiểm soát báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát HDBank:

| | |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Bà Đặng Thị Quý | Trưởng BKS |
| 2. Bà Nguyễn Thị Phụng | Thành viên BKS |
| 3. Ông Đào Duy Tường | Thành viên BKS bán chuyên trách |

5.4 Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc quản lý điều hành các Khối nghiệp vụ của Ngân hàng. Giám đốc Tài chính thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống HDBank. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính HDBank

| | |
|-------------------------------------|--------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Tổng Giám đốc |
| 2. Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Hữu Đặng | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Mạnh Quân | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Lê Hồng Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. Ông Nguyễn Minh Đức | Phó Tổng Giám đốc |
| 7. Ông Lê Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| 8. Ông Phạm Văn Đầu | Giám đốc tài chính |

5.5. Ban Tín dụng

Ban Tín Dụng có các chức năng:

- Nghiên cứu, đánh giá và tư vấn cho Tổng Giám đốc các hồ sơ ủy thác cho vay, hợp vốn cho vay và vay bảo lãnh của Ngân hàng.
- Tham vấn cho Tổng Giám đốc các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh khác nhằm đưa ra những quyết định chính xác, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro.

5.6. Hội đồng Quản lý tài sản Nợ và Có

Hội đồng Quản lý tài sản nợ và có tham mưu, đề xuất với Tổng Giám đốc các vấn đề sau:

- Quyết định biện pháp giải quyết tồn tại hiện tại hoặc thực hiện bất cứ thay đổi cần thiết để phân bổ Tài sản và Nợ trên bảng cân đối kế toán dựa trên nhận định xu hướng thị trường nhằm khai thác rủi ro vì mục tiêu lợi nhuận hoặc quản lý các tác động xấu tiềm tàng (rủi ro) có thể ảnh hưởng đến kinh doanh. Thông qua đó, Hội đồng có trách nhiệm đề xuất cập nhật, chỉnh sửa các chính sách rủi ro thị trường hiện hành hoặc thực hiện đối sách tức thời phù hợp mà chính sách rủi ro thị trường chưa chi phối.
- Quyết định biện pháp giải quyết tồn tại hiện tại hoặc thực hiện bất cứ thay đổi cần thiết để phân bổ Tài sản và Nợ trên bảng cân đối kế toán nhằm phù hợp với chiến lược của HDBank, hoặc đạt mục tiêu đa dạng hóa một cách hợp lý trên mọi khía cạnh quản lý Tài sản và Nợ. Để thực hiện việc này Hội đồng cần đánh giá, phân tích việc huy động và sử dụng Tài sản và Nợ trên toàn bảng cân đối kế toán và chi tiết từng sản phẩm, phân tích vấn đề theo khía cạnh Quản lý Tài sản và Nợ.
- Phê duyệt hạn mức rủi ro chi tiết cho các đơn vị và cá nhân thực hiện chức năng kinh doanh.
- Quyết định điều chỉnh giá, lãi suất của các sản phẩm để đạt được một cơ cấu cân đối Tài sản và Nợ cần thiết cũng như mức lãi tổng thể cao nhất cho HDBank. Để thực hiện việc này, Hội đồng cần phân tích chênh lệch lãi suất của các sản phẩm, có thể phân tích dưới góc độ từng đơn vị kinh doanh, dự đoán diễn biến của đường cong lãi suất.
- Quyết định hiệu chỉnh giá chuyển vốn nội bộ và phương pháp sử dụng hệ thống định giá vốn nội bộ (Fund Pricing System) như là một công cụ thực hiện chính sách quản lý Tài sản và Nợ.
- Thông qua các chính sách về quản lý rủi ro thanh khoản và lưu chuyển tiền tệ.

- Rà soát việc tuân thủ các chính sách do Hội đồng ban hành, bao gồm: Tuân thủ hạn mức rủi ro chi tiết của các đơn vị và cá nhân được giao.

5.7. Hội đồng nhân sự

Hội đồng nhân sự tham vấn cho Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề:

- Công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực; về tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;
- Lao động - tiền lương và các chính sách chế độ đối với cán bộ nhân viên nhằm bảo đảm thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động.
- Xem xét, đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật, giải quyết các khiếu nại của nhân viên liên quan đến các vấn đề nội bộ Ngân hàng.

6. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Các mốc tăng vốn điều lệ

| Năm | Vốn điều lệ (VNĐ) | % tăng (giảm) vốn điều lệ | Số lượng cổ đông |
|---------|-------------------|---------------------------|------------------|
| 1989 | 5.000.000.000 | - | 58 |
| 1994 | 21.616.000.000 | 332% | 72 |
| 1998 | 49.726.000.000 | 130% | 633 |
| 2001 | 59.726.000.000 | 20% | 615 |
| 2002 | 70.026.000.000 | 17% | 589 |
| 2004 | 150.023.000.000 | 114% | 567 |
| 08/2005 | 200.259.000.000 | 33% | 567 |
| 12/2005 | 300.000.000.000 | 50% | 630 |
| 12/2006 | 500.000.000.000 | 67% | 896 |
| 01/2008 | 1.000.000.000.000 | 100% | 1.328 |
| 12/2008 | 1.550.000.000.000 | 55% | 1.326 |

Nguồn: HDBank

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2010

| TT | Cổ đông | Số lượng (người hoặc tổ chức) | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | Giá trị cổ phần nắm giữ (VNĐ) | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%) |
|--|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| I. Phân loại theo yếu tố nắm giữ của nước ngoài | | | | | |
| 1 | Cổ đông trong nước, trong đó: | 1.059 | 155.000.000 | 1.550.000.000.000 | 100,00% |
| | - Cổ đông cá nhân | 1.033 | 66.870.563 | 668.705.630.000 | 43,14% |

| TT | Cổ đông | Số lượng (người hoặc tổ chức) | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | Giá trị cổ phần nắm giữ (VND) | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%) |
|---|--------------------|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|---|
| | - Cổ đông tổ chức | 26 | 88.129.437 | 881.294.370.000 | 56,86% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 1.059 | 155.000.000 | 1.550.000.000.000 | 100,00% |
| II. Phân loại theo tính chất pháp lý | | | | | |
| 1 | Pháp nhân | 26 | 88.129.437 | 881.294.370.000 | 56,86% |
| 2 | Thể nhân | 1.033 | 66.870.563 | 668.705.630.000 | 43,14% |
| | Tổng cộng | 1.059 | 155.000.000 | 1.550.000.000.000 | 100,00% |

Nguồn: HDBank

7. Danh sách cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

7.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Ngân hàng

Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Ngân hàng (tại thời điểm 30/06/2010)

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị sở hữu (nghìn đồng) | Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ |
|-----|---|---|-------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Chứng khoán NHNO & PTNT VN | Tầng 4, Nhà C3, Phường Phương Liệt, Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội | 23.020.504 | 230.020.504 | 14,85% |
| 2 | Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn | 41 Sương Nguyệt Ánh, Quận 1, TP. HCM | 17.050.000 | 170.500.000 | 11,00% |
| 3 | Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM | 33 – 39 Pasteur, Quận 1, TP. HCM | 14.851.604 | 148.516.040 | 9,58% |
| 4 | Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam | 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 9.313.413 | 93.134.130 | 6,01% |
| | Tổng cộng | | 64.235.521 | 642.355.210.000 | 41,44% |

Nguồn: HDBank

7.2 **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

HDBank được sáng lập bởi 57 cổ đông. Do đã hoạt động được 21 năm, nên cho đến nay, toàn bộ các cổ phần của cổ đông sáng lập đều được chuyển nhượng tự do theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng.

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Giá trị cổ phần nắm giữ tại thời điểm sáng lập (VND) | Tỷ lệ cổ phần nắm giữ |
|-----------|--------------------|----------------------------------|---|------------------------------|
| 1 | Phạm Ngọc Côn | 91 Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM | 650.000.000 | 13% |
| 2 | 56 cổ đông khác | | 4.350.000.000 | 87% |
| | Tổng cộng | | 5.000.000.000 | 100% |

Nguồn: HDBank

8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có.

9. Hoạt động kinh doanh

9.1 *Nghành nghề kinh doanh của Ngân hàng*

Theo Giấy CNĐKKD số 059025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 26/05/2009, theo Giấy phép hoạt động NHTM cổ phần số 19/NH-GP do NHNN cấp và theo Điều lệ của HDBank, các nghiệp vụ mà HDBank được phép tiến hành kinh doanh bao gồm: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của mọi tổ chức và dân cư thuộc các thành phần kinh tế với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; Vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng vay vốn; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; Hùn vốn và liên doanh (chủ yếu trong lĩnh vực nhà) theo pháp luật hiện hành; Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng, kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc theo tiêu chuẩn quốc tế ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài; Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép; Nhập vàng miếng, vàng nguyên liệu; Bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán (trong đó bao gồm bảo lãnh phát hành trái phiếu và lưu ký trái phiếu).

9.2 *Dịch vụ sản phẩm chính*

Hoạt động với vai trò của ngân hàng bán lẻ, sản phẩm, dịch vụ của HDBank được thiết kế và cung ứng phù hợp với nhu cầu của khách hàng cá nhân cũng như doanh nghiệp. Nhìn tổng thể,

HDBank hiện đang hoạt động với 03 mảng chính: Huy động vốn, Sử dụng vốn và Dịch vụ thanh toán.

Trong năm 2009, HDBank đã hợp tác với các đối tác lớn và uy tín như: VietinBank, VinaMotor, ThuDuc House, Bảo hiểm Bảo Việt, ACE Life, Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa TP.HCM,...nhằm phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ, gia tăng tiện ích cho khách hàng, hỗ trợ và cung cấp nguồn vốn cho nền kinh tế.

9.2.1. Huy động vốn:

* **Tiền gửi tiết kiệm:** Sản phẩm tiền gửi tiết kiệm cho các khách hàng cá nhân của HDBank được thiết kế đa dạng, phong phú, tiêu biểu gồm các sản phẩm như sau: Tiết kiệm không kỳ hạn; Tiết kiệm có kỳ hạn; Tiết kiệm vàng; Tiết kiệm bậc thang theo tiền gửi; Tiết kiệm bậc thang theo thời gian

* **Tiền gửi có kỳ hạn:** HDBank cung cấp sản phẩm “Tiền gửi có kỳ hạn tổ chức” cho khách hàng doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận trên số vốn nhàn rỗi với các hình thức gửi tiền trả lãi đáo hạn hoặc trả lãi thỏa thuận phù hợp và linh hoạt của HDBank.

9.2.2. Sử dụng vốn

* **Tín dụng:** Sản phẩm tín dụng của HDBank được chia theo loại khách hàng như sau:

- Dịch vụ cho vay đối với khách hàng cá nhân: bao gồm: Cho vay mua nhà, nền nhà; Cho vay đầu tư kinh doanh bất động sản; Cho vay tiêu dùng; Cho vay mua xe hơi trả góp; Tín dụng du học; Cho vay sản xuất kinh doanh dịch vụ & đời sống; Cho vay cầm cố chứng từ có giá; Chiết khấu thẻ tiết kiệm;
- Dịch vụ cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp: Cho vay sản xuất - kinh doanh dịch vụ và đời sống; Cho vay thực hiện dự án nhà đất – khu dân cư

* **Liên kết và đầu tư tài chính**

* **Kinh doanh ngoại hối, kinh doanh vốn**

9.2.3. Dịch vụ thanh toán

* **Chi trả định kỳ:** dịch vụ thanh toán nhanh chóng, chính xác các khoản chi phí theo định kỳ như: điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, dịch vụ điện thoại, dịch vụ internet, trả lãi tiền vay, trả tiền thuê nhà – đất, trả góp tiền mua nhà – đất,....

* **Chi trả lương:** dịch vụ thanh toán lương nhằm cung cấp cho các cán bộ – công nhân viên có cơ hội tiếp cận với phương thức chi – nhận lương chuyên nghiệp, an toàn, sinh lời, đồng thời giúp doanh nghiệp tiết kiệm được khoản chi phí đáng kể so với cách chi trả lương thông thường, đảm bảo tính bảo mật, an toàn và chính xác.

9.2.4. Các dịch vụ khác

Ngoài các sản phẩm, dịch vụ trên, HDBank thực hiện cung cấp nhiều dịch vụ đa dạng khác nhằm đáp ứng nhu cầu phong phú của khách hàng:

* **Dịch vụ mua bán vàng, ngoại tệ**

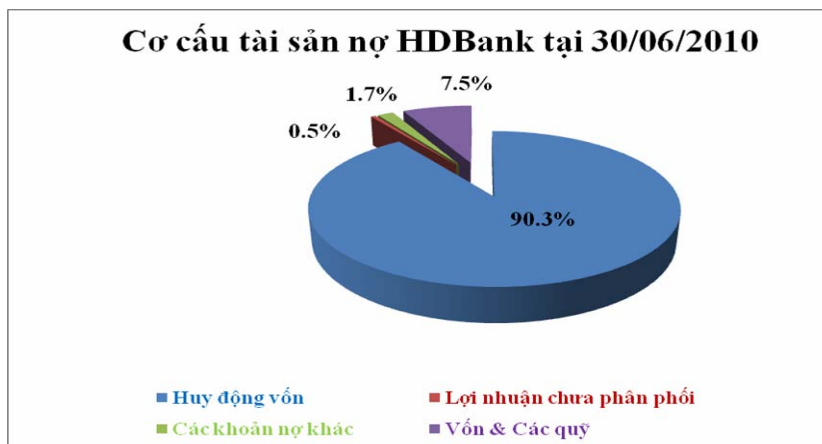
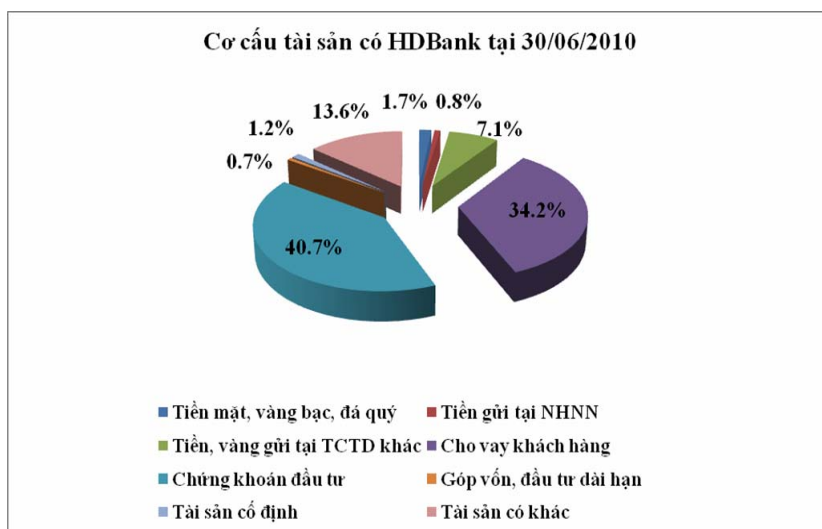
*** Dịch vụ bảo lãnh**

....

9.3 Hoạt động kinh doanh trong những năm vừa qua

9.3.1 Hoạt động kinh doanh nói chung

Tổng nguồn vốn của Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2009 đạt 19.127,43 tỷ đồng, gấp đôi so với thời điểm 31/12/2008, thể hiện sự lớn mạnh trong quy mô hoạt động của HDBank. Kết thúc Quý II/2010, tổng nguồn vốn của Ngân hàng đạt 21.753,21 tỷ đồng. Trong hoạt động kinh doanh, HDBank luôn chú trọng công tác thanh khoản, cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của HDBank, đảm bảo thực hiện đúng các quy định về an toàn vốn, các tỉ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, dự trữ bắt buộc...do NHNN và HDBank quy định. Với sự theo sát diễn biến của thị trường tài chính, các chính sách của NHNN, HDBank đã có những biện pháp kinh doanh hiệu quả thông qua việc điều chỉnh lãi suất huy động và cho vay phù hợp với mặt bằng chung trên thị trường, tăng trưởng các hoạt động dịch vụ nhằm tăng dần tỷ trọng các khoản thu có độ an toàn cao trong tổng thu, tận dụng các cơ hội biến động về tỷ giá nhằm tăng thêm thu nhập cho các hoạt động kinh doanh ngoại hối, tiền tệ và các dịch vụ tài chính phái sinh.



Nguồn: BCTC Quý II/2010 của HDBank

9.3.2 Hoạt động huy động vốn

Như các NHTM Việt Nam khác, huy động vốn là hoạt động truyền thống của HDBank từ những ngày đầu thành lập. Trong các năm vừa qua, mạng lưới Chi nhánh của HDBank đã được mở rộng, chất lượng phục vụ đã được nâng cao và thương hiệu được nhiều người tin cậy. Đây là nền tảng cho công tác huy động vốn ngày càng phát triển mạnh mẽ. Hoạt động huy động vốn của HDBank được phân loại và quản lý theo loại tiền huy động, theo đối tượng huy động và theo kỳ hạn huy động.

Cơ cấu vốn huy động của HDBank

(Đơn vị tính giá trị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | | 31/12/2009 | | 30/06/2010 | |
|-------------------------------------|-----------------|-------------|------------------|-------------|------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Các khoản nợ Chính phủ & NHNN | 97,62 | 1,26% | 105,53 | 0,62% | 346,82 | 1,77% |
| Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác | 2.072,85 | 26,67% | 5.215,06 | 30,46% | 5.258,19 | 26,78% |
| Phát hành giấy tờ có giá | 1.264,86 | 16,27% | 2.339,31 | 13,66% | 2.811,89 | 14,32% |
| Tiền gửi của khách hàng | 4.336,88 | 55,80% | 9.459,24 | 55,26% | 11.219,33 | 57,13% |
| Tổng cộng | 7.772,21 | 100% | 17.119,14 | 100% | 19.636,23 | 100% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Sau khi hoàn thiện chương trình CoreBanking, ứng dụng phần mềm ngân hàng lõi để phát triển sản phẩm mới, trong năm 2009 HDBank đã đưa vào hoạt động 7 sản phẩm huy động mới: Tiết Kiệm Siêu lãi suất, Tiết kiệm tiền lãi trao tay, Tiết kiệm Lộc phát, Chứng chỉ tiền gửi, Tiền gửi – Tiết kiệm Nhân văn, Tiền gửi – Tiết kiệm Quyền chọn, Tiết kiệm “Kỷ niệm sinh nhật – Tri ân khách hàng”. Bên cạnh đó, HDBank nâng cao chất lượng quản trị hệ thống; triển khai thành công 3 sản phẩm dịch vụ: Internet Banking và SMS Banking và sản phẩm thẻ ATM. Nhờ đó, tổng số dư huy động vốn cuối năm 2009 của HDBank đạt 17.119,14 tỷ đồng, gấp 2,2 lần so với cuối năm 2008, chủ yếu do tăng tiền gửi của khách hàng và tiền gửi, tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác. Trong tổng nguồn vốn huy động của HDBank, nguồn vốn huy động từ Thị trường 1 (tiền gửi của Khách hàng) giai đoạn 2008 – Quý II/2010 luôn chiếm khoảng 55%-57%, nguồn vốn huy động từ Thị trường 2 (tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác) thường chiếm tỷ trọng cao thứ 2 (bình quân khoảng 24,38%).

Phân loại vốn huy động

Đơn vị: tỷ đồng

| | Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/06/2010 |
|-----------|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| I | Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 97,62 | 105,53 | 346,82 |
| <i>1</i> | <i>Vay NHNN</i> | <i>97,62</i> | <i>105,53</i> | <i>346,82</i> |
| <i>2</i> | <i>Vay Bộ Tài chính</i> | <i>0,00</i> | <i>0,00</i> | <i>0,00</i> |
| <i>3</i> | <i>Các khoản nợ khác</i> | <i>0,00</i> | <i>0,00</i> | <i>0,00</i> |
| II | Tiền gửi và tiền vay của các Tổ chức tín dụng khác | 2.072,85 | 5.215,06 | 5.258,19 |

| | Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/06/2010 |
|------------|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tiền, vàng gửi không kỳ hạn | 5,88 | 4,09 | 1,77 |
| | - Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ | 0,53 | 0,57 | 1,65 |
| | - Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 5,35 | 3,52 | 0,12 |
| 2 | Tiền, vàng gửi có kỳ hạn | 2.066,97 | 5.210,97 | 5.256,42 |
| | - Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ | 2.041,50 | 5.019,00 | 4.765,00 |
| | - Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 25,47 | 191,97 | 491,42 |
| 3 | Vay các TCTD khác | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| III | Tiền gửi của Khách hàng | 4.336,88 | 9.459,24 | 11.219,33 |
| 1 | Tiền, vàng gửi không kỳ hạn | 681,80 | 1.554,45 | 1.298,42 |
| | - Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ | 664,91 | 1.428,94 | 1.242,41 |
| | - Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 16,89 | 125,51 | 56,01 |
| 2 | Tiền, vàng gửi có kỳ hạn | 3.223,93 | 4.157,08 | 6.517,29 |
| | - Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ | 2.955,05 | 3.517,81 | 5.417,03 |
| | - Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 268,88 | 639,27 | 1.100,26 |
| 3 | Tiền gửi vốn chuyên dùng | 44,12 | 35,44 | 51,41 |
| 4 | Tiền gửi ký quỹ | 31,82 | 109,57 | 139,94 |
| 5 | Các khoản phải trả khách hàng khác | 355,21 | 3.602,70 | 3.212,27 |
| IV | Phát hành giấy tờ có giá | 1.264,86 | 2.339,31 | 2.811,89 |
| 1 | - Chứng chỉ tiền gửi dưới 12 tháng | 1.157,42 | 1.993,57 | 2.452,72 |
| 2 | - Chứng chỉ tiền gửi từ 12 tháng đến 2 năm | 107,44 | 345,74 | 359,17 |
| | Tổng cộng | 7.772,21 | 17.119,14 | 19.636,23 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Đối với tiền gửi của khách hàng, khoản mục tiền, vàng gửi có kỳ hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân đạt 81,8% tổng tiền gửi của khách hàng. Điều này tạo cho HDBank sự ổn định và chủ động trong việc điều hành và quản lý khả năng thanh toán. Về loại tiền khách hàng gửi tại HDBank, tỷ trọng giá trị Việt Nam Đồng chiếm ưu thế, bình quân chiếm tới 90% tổng tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của các tổ chức kinh tế và dân cư trong giai đoạn 2008-quý II/2010.

9.3.3 Hoạt động tín dụng

Theo đặc thù của ngành ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, hoạt động tín dụng là mảng hoạt động đem lại lợi nhuận chủ yếu của HDBank.

Trong bốn năm trở lại đây, hoạt động tín dụng của HDBank có sự phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sự tăng trưởng ấn tượng của dư nợ tín dụng trong năm 2007 (*dư nợ cho vay của HDBank tính đến 31/12/2007 tăng hơn 3 lần so với cùng thời điểm năm trước, đạt hơn 8.912 tỷ đồng*). Đến năm 2008, trước những khó khăn của nền kinh tế và các chính sách thắt chặt tiền tệ của NHNN ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động ngân hàng, tăng trưởng tín dụng và phát triển khách hàng của HDBank trong năm này đều bị hạn chế. Sang năm 2009, cùng với chính sách kích thích kinh tế, cơ chế hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ làm cho tăng trưởng tín dụng diễn ra khá nhanh đã gây sức ép tăng lãi suất, dẫn đến hệ quả là tăng chi phí vốn, làm tăng giá thành. Do đó, chênh lệch lãi suất đầu ra, đầu vào bị thu hẹp, thu nhập từ hoạt động tín dụng năm 2009

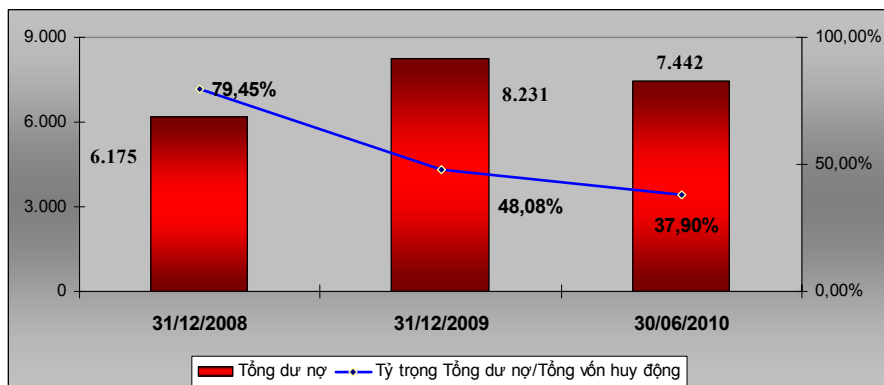
giảm xấp xỉ 23% so với năm trước. Đến Quý II/2010, tình hình được cải thiện hơn, thu nhập từ hoạt động tín dụng lũy kế trong quý này đạt 539,06 tỷ đồng, bằng 79,44% so với cả năm 2009.

Thu nhập từ hoạt động tín dụng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | | 30/06/2010 |
|----|--|---------------|---------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | Giá trị | ±% so với 2008 | Giá trị |
| 1 | Thu nhập lãi cho vay khách hàng | 818,94 | 630,00 | -23,07% | 415,19 |
| 2 | Thu khác từ hoạt động tín dụng | 61,95 | 48,55 | -21,63% | 123,87 |
| | Tổng thu nhập từ hoạt động tín dụng | 880,89 | 678,55 | -22,97% | 539,06 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Trong bối cảnh hoạt động cho vay có nhiều khó khăn, để tăng hiệu quả sử dụng vốn, HDBank giảm tỷ trọng vốn sử dụng phục vụ cho hoạt động tín dụng, tăng tỷ trọng vốn sử dụng cho các hoạt động kinh doanh, dịch vụ có thu nhập an toàn hơn. Điều này dẫn đến tỷ trọng tổng dư nợ trên tổng vốn huy động giảm đáng kể tại thời điểm cuối năm 2009 so với thời điểm cuối 2008. Tuy nhiên, xét về quy mô, tổng dư nợ cuối năm 2009 vẫn đạt 8.230,88 tỉ, vượt 7% so với kế hoạch năm 2009, tăng 33,28% so năm 2008. Sang năm, 2010, dư nợ tín dụng cuối Quý II đã đạt ở mức 7.442,40 tỷ đồng.



Để thuận lợi trong công tác quản lý và hoạch định chiến lược phát triển, các sản phẩm tín dụng của HDBank được phân loại và quản lý theo thời hạn, đối tượng vay và mục đích của khoản vay theo quy định chung của Ngân hàng.

Phân loại tổng dư nợ

Đơn vị tính giá trị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | | 30/06/2010 |
|---|-----------------|-----------------|---------------|-----------------|
| | Giá trị | Giá trị | ± so với 2008 | Giá trị |
| Tổng dư nợ | 6.175,40 | 8.230,88 | 33,28% | 7.442,40 |
| 1. Cho vay đối với tổ chức tín dụng | 0 | 0 | - | 0 |
| 2. Cho vay đối với khách hàng | 6.175,40 | 8.230,88 | 33,28% | 7.442,40 |
| 2.1. Phân theo chất lượng nợ cho vay | | | | |
| * Nợ đủ tiêu chuẩn | 5.946,39 | 8.096,06 | 36,15% | 7.295,37 |
| * Nợ cần chú ý | 110,09 | 44,14 | -59,91% | 42,98 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | | 30/06/2010 |
|--|------------|------------|---------------|------------|
| | Giá trị | Giá trị | ± so với 2008 | Giá trị |
| * <i>Nợ dưới tiêu chuẩn</i> | 51,17 | 7,56 | -85,23% | 24,44 |
| * <i>Nợ nghi ngờ</i> | 36,09 | 7,48 | -79,28% | 14,56 |
| * <i>Nợ có khả năng mất vốn</i> | 31,67 | 75,65 | 138,88% | 65,05 |
| 2.2 Phân theo thời hạn cho vay | | | | |
| * <i>Ngắn hạn</i> | 3.159,59 | 5.352,35 | 69,40% | 4.687,02 |
| * <i>Trung hạn</i> | 1.586,54 | 1.184,18 | -25,36% | 1.132,26 |
| * <i>Dài hạn</i> | 1.429,27 | 1.694,35 | 18,55% | 1.623,12 |
| 2.3. Phân theo loại cho vay | | | | |
| * <i>Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước</i> | 5.703,08 | 7.614,56 | 33,52% | 7.216,98 |
| * <i>Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá</i> | 472,32 | 616,32 | 30,49% | 225,42 |
| * <i>Cho vay theo chỉ định của Chính Phủ</i> | 0,00 | 0,00 | - | 0 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Cơ cấu tổng dư nợ

| Phân loại nợ | Tỷ trọng các loại nợ trong tổng dư nợ | | |
|--|---------------------------------------|-------------|-------------|
| | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/06/2010 |
| 2.1. Phân theo chất lượng nợ cho vay | | | |
| * <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i> | 96,29% | 98,36% | 98,02% |
| * <i>Nợ cần chú ý</i> | 1,78% | 0,54% | 0,58% |
| * <i>Nợ dưới tiêu chuẩn</i> | 0,83% | 0,09% | 0,33% |
| * <i>Nợ nghi ngờ</i> | 0,58% | 0,09% | 0,20% |
| * <i>Nợ có khả năng mất vốn</i> | 0,52% | 0,92% | 0,87% |
| 2.2 Phân theo thời hạn cho vay | | | |
| * <i>Ngắn hạn</i> | 51,16% | 65,03% | 62,98% |
| * <i>Trung hạn</i> | 25,69% | 14,39% | 15,21% |
| * <i>Dài hạn</i> | 23,15% | 20,58% | 21,81% |
| 2.3. Phân theo loại cho vay | | | |
| * <i>Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước</i> | 92,35% | 92,51% | 96,97% |
| * <i>Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá</i> | 7,65% | 7,49% | 3,03% |
| * <i>Cho vay theo chỉ định của Chính Phủ</i> | 0,00% | 0,00% | 0,00% |
| Tổng dư nợ | 100% | 100% | 100% |

Xét theo thời hạn cho vay, HDBank chú trọng cho vay đối với khách hàng vay ngắn hạn (dư nợ ngắn hạn trên tổng dư nợ của HDBank trong giai đoạn 2008-quý II/2010 luôn đạt trên 50% và có xu hướng tăng dần).

Trong các loại cho vay, dư nợ cho vay của HDBank đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước chiếm tỷ trọng chủ yếu, bình quân đạt 93,94% trong tổng dư nợ tín dụng. Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của HDBank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp

nhân thuộc mọi loại hình kinh tế. HDBank tập trung đa dạng hóa danh mục khách hàng và ngành nghề với chủ trương phát triển khách hàng có tiềm năng, uy tín thông qua việc phân tích, đánh giá, xếp loại khách hàng.

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, HDBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Trong giai đoạn 2006-2007, dư nợ tín dụng đối với hoạt động cho vay cá nhân có sự tăng trưởng vượt bậc (dư nợ tại thời điểm 31/12/2007 gấp khoảng 5 lần dư nợ tại thời điểm 31/12/2006). Khủng hoảng kinh tế cùng với biến động lãi suất, chính sách thắt chặt tín dụng của NHNN năm 2008 đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động tín dụng của HDBank, số dư nợ tín dụng cho các khách hàng cá nhân, kinh tế tập thể đều giảm mạnh. Tỷ trọng dư nợ cho vay cá nhân trên tổng dư nợ giảm mạnh qua từng năm: nếu như năm 2007 đạt 74,19% thì 2008 chỉ còn 57,49% và 2009 giảm xuống còn 50,21%.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Dư nợ cho vay đối với các đối tượng là công ty TNHH tư nhân và công ty cổ phần (có vốn Nhà nước dưới 50%) chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng dư nợ và có xu hướng tăng trưởng mạnh trong các năm gần đây (2008: cho vay đối với 2 đối tượng này chiếm 37,31% tổng dư nợ và đến 2007, tỷ trọng này đã lên tới 45,7%). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được HDBank đặc biệt chú trọng, nhất là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (với tỷ trọng khoảng trên 20% tổng dư nợ của Ngân hàng). Theo đó, ngày 08/06/2009, HDBank đã ký kết hợp tác về việc cấp tín dụng và bảo lãnh tín dụng với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa TP.HCM (HCGF) trong việc cho vay và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn TP.HCM. Việc hợp tác giữa HDBank và HCGF sẽ mở ra cơ hội tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động theo chủ trương kích cầu của Chính phủ. Tiêu biểu có thể kể đến việc hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp nằm trong KCN Hiệp Phước II (Nhà Bè), KCN Việt Hương (Bình Dương), cụm công nghiệp Huyện Đức Hòa (Long An),...

Xét theo ngành cho vay, hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng được HDBank dành mức tài trợ tín dụng lớn nhất trong cơ cấu dư nợ của Ngân hàng (chiếm trên 50% tổng dư nợ). Tiếp đến là ngành xây dựng với tỷ trọng dư nợ cho vay thường đạt trên 20% tổng dư nợ của HDBank. HDBank đã liên kết với các ngân hàng, tổ chức tài chính khác trong việc triển khai hoạt động cho vay đồng tài trợ các dự án lớn như dự án giàn khoan biển 112m nước (đồng tài trợ với Công ty Tài chính dầu khí), dự án đầu tư tàu biển chở hàng khô trọng tải 60.000 DWT (Ngân hàng VIB – Chi nhánh Sài Gòn), dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cao cấp Vũng Tàu Plaza (Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam – PVFC, chi nhánh Vũng Tàu)...

Song song với việc phát triển tín dụng, chất lượng và an toàn tín dụng vẫn là tiêu chí hàng đầu trong hoạt động tín dụng tại HDBank. HDBank chú trọng công tác kiểm soát, duyệt giải ngân, theo dõi hiệu quả sử dụng vốn của HDBank đối với từng khách hàng vay nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả đồng vốn cho vay; có biện pháp kiểm soát và hạn chế rủi ro, đặc biệt là các khoản cho vay vàng, mua nhà có nguồn trả nợ bằng VND; các khoản cho vay được cầm cố, thế

chấp bằng cổ phiếu; quản lý chặt chẽ cho vay kinh doanh chứng khoán và bất động sản. Việc kiểm soát tỷ lệ nợ và công tác trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện chặt chẽ.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005, Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31/12 của mỗi năm được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30/11 của năm đó. Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của NHNN cho phép các ngân hàng trích lập dự phòng chung trên danh mục cho vay và các khoản cam kết ngoại bảng trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5/2005). HDBank đã trích lập đủ dự phòng chung cho các khoản cho vay và các cam kết ngoại bảng theo quy định trong tháng 05/2010.

Dự phòng các khoản cho vay khách hàng và cho công nợ tiềm ẩn & cam kết ngoại bảng

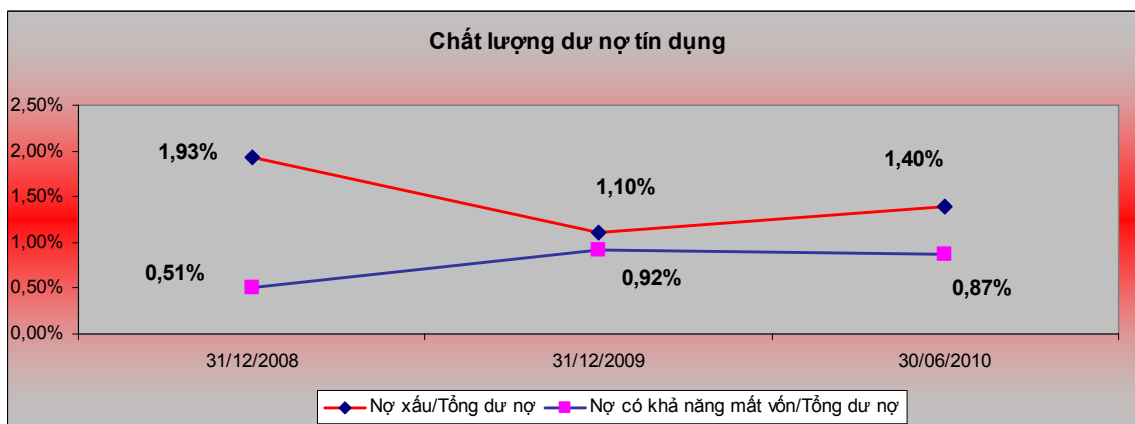
Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Dự phòng cụ thể | Dự phòng chung¹ | Tổng cộng |
|---|------------------------|-----------------------------------|------------------|
| Năm 2008 | | | |
| Số dư đầu kỳ | 10,13 | 28,66 | 38,79 |
| Dự phòng rủi ro trích lập trong năm | 14,29 | 13,69 | 27,98 |
| Số hoàn nhập trong năm | (1,09) | (24,76) | (25,85) |
| Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 31/11 | 23,33 | 17,59 | 40,92 |
| Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| Số dư cuối kỳ | 23,33 | 17,59 | 40,92 |
| Năm 2009 | | | |
| Số dư đầu kỳ | 23,33 | 17,59 | 40,92 |
| Dự phòng rủi ro trích lập trong năm | 9,39 | 33,57 | 42,97 |
| Số hoàn nhập trong năm | (4,14) | (1,55) | (5,69) |
| Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 31/11 | 28,58 | 49,62 | 78,20 |
| Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12 | (5,81) | (0,00) | (5,81) |
| Số dư cuối kỳ | 22,77 | 49,62 | 72,39 |
| Quý II/2010 | | | |
| Số dư đầu kỳ | 22,77 | 49,62 | 72,39 |
| Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ/(Hoàn nhập dự phòng trong kỳ) | 0,00 | 20,48 | 20,48 |
| Dự phòng giảm do xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng | (0,36) | (0,20) | (0,56) |
| Số dư cuối kỳ | 22,41 | 69,90 | 92,31 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Đến cuối Quý II/2010, tỷ lệ nợ đủ tiêu chuẩn của HDBank vẫn được duy trì ở mức an toàn (đạt 98,02% tổng dư nợ của Ngân hàng), nợ xấu chiếm 1,40% tổng dư nợ. Công tác thu hồi nợ quá hạn và nợ xấu, hạn chế phát sinh nợ quá hạn và nợ xấu mới được HDBank đặc biệt chú trọng.

¹ Dự phòng chung bao gồm cả: dự phòng chung rủi ro cho vay khách hàng và dự phòng chung cho công nợ tiềm ẩn & cam kết ngoại bảng



9.3.4 Hoạt động đầu tư tài chính

Nhằm đa dạng hóa cơ cấu sử dụng vốn và tăng thêm thu nhập, hiện nay, HDBank đang tích cực tìm kiếm các doanh nghiệp, tổ chức có tiềm năng để góp vốn, đầu tư chứng khoán. Nhờ vậy, tỷ trọng lợi nhuận ròng từ hoạt động đầu tư tài chính chiếm trong tổng thu nhập của HDBank có xu hướng ngày càng tăng.

Hoạt động đầu tư tài chính (giai đoạn 2008-Quý II/2010)

Đơn vị tính giá trị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | | 30/06/2010 |
|------------|---|--------------|--------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | Giá trị | ±% so với 2008 | Giá trị |
| I | Chứng khoán kinh doanh (CKKD) | | | | |
| 1 | Tổng CKKD | 0 | 0 | - | 0 |
| - | Chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | - | 0 |
| - | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | - | 0 |
| 2 | Thu nhập từ mua bán CKKD | 0 | 0 | - | 0 |
| 3 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán CKKD | 0 | 0 | - | 0 |
| II | Góp vốn, đầu tư dài hạn | | | | |
| 1 | Giá trị góp vốn, đầu tư dài hạn | 253,15 | 70,27 | -72,24% | 142,74 |
| - | Đầu tư dài hạn khác | 254,09 | 70,27 | -72,34% | 142,74 |
| - | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | -0,94 | 0,00 | - | 0,00 |
| 2 | Thu nhập từ mua bán đầu tư dài hạn khác | 50,00 | 90,00 | 80,00% | 0,00 |
| 3 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán đầu tư dài hạn khác | 7,38 | 44,00 | 496,21% | 0,00 |
| III | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 9,08 | 15,28 | 68,28% | 2,51 |
| IV | Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ | 62,63 | 95,66 | 52,75% | 264,32 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Về góp vốn đầu tư dài hạn: Trong giai đoạn 2008-Quý II/2010, HDBank chỉ tham gia góp vốn đầu tư dài hạn vào các tổ chức kinh tế, không có công ty con cũng như các công ty liên doanh, liên kết. Giá trị góp vốn, đầu tư dài hạn năm 2009 giảm mạnh so với năm 2008 (tỷ lệ giảm 72,24%) là do Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại từ khoản mục Đầu tư dài hạn khác sang

khoản mục Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Tính đến hết Quý II/2010, hoạt động góp vốn đầu tư dài hạn tăng trưởng mạnh với giá trị bằng 2,03 lần so với cuối năm 2009.

Giải thích điểm ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán năm 2008 (liên quan đến các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác)

Vào ngày 31/12/2008, giá trị các khoản “góp vốn, đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác” do HDBank nắm giữ là 114.542 triệu đồng (được trình bày tại Thuyết minh số 9.1 – Thuyết minh các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008). Cụ thể, phần danh mục cổ phiếu mà Ernst&Young (E&Y) đã lưu ý là 106.100 triệu đồng, chiếm 92,62% giá trị các khoản “góp vốn, đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác”, tương đương 1,11% tổng tài sản của HDBank vào ngày 31/12/2008. Đây là các khoản đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu chưa niêm yết của HDBank.

Một số cổ phiếu này có khả năng bị suy giảm về mặt giá trị do sự giảm sút của thị trường chứng khoán trong năm. Tuy nhiên, HDBank chưa tiến hành đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết này tại ngày 31/12/2008 theo quy định của Thông tư số 13/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/2/2006 do thiếu thông tin tin cậy về giá trị thị trường của các cổ phiếu này và do thiếu các hướng dẫn chi tiết của cơ quan chức năng cũng như các qui trình nội bộ của HDBank để xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu này. Do những hạn chế về thông tin như nêu ở trên, E&Y không thể xác định được số tiền dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết này, nếu có, để phản ánh giá trị có thể thu hồi được của các khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2008. Vì thế, E&Y đã có ý kiến ngoại trừ nhằm lưu ý đến người đọc và người sử dụng báo cáo tài chính của HDBank về các khoản đầu tư này.

Đến thời điểm 30/06/2009, HDBank đã thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng đối với những khoản đầu tư nói trên. Cụ thể, đến thời điểm 30/06/2009, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nói trên vẫn là 106.100 triệu đồng và HDBank đã tham chiếu giá của thị trường của chứng khoán nói trên tại ngày 30/06/2009 làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Theo đó mức dự phòng cho chứng khoán nói trên tại ngày 30/06/2009 là 46.100 triệu đồng. Khoản mục trích lập dự phòng này được thể hiện trên Báo cáo kết quả kinh doanh Quý II/2009 của Ngân hàng, phần “Lãi/(Lỗ) từ hoạt động chứng khoán đầu tư” và được thể hiện tại Thuyết minh số 16. Như vậy, khoản mục ngoại trừ đã được giải quyết ở mức tối đa và không gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

9.3.5 Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối (Treasury)

Ngoài việc cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, đảm bảo an toàn tuyệt đối thanh khoản cho ngân hàng và cân đối trạng thái ngoại hối, vàng đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng, HDBank còn thực hiện nghiệp vụ tự doanh nguồn vốn, ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng và kinh doanh vàng dưới các hình thức mang lại hiệu quả cao, góp phần tích cực vào kết quả kinh doanh chung của ngân hàng.

Hoạt động treasury (giai đoạn 2008-Quý II/2010)

Đơn vị tính giá trị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | | Lũy kế Quý II/2010 |
|--|---------|---------|----------------|--------------------|
| | Giá trị | Giá trị | ±% so với 2008 | Giá trị |
| Hoạt động kinh doanh nguồn vốn | | | | |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 141,36 | 264,97 | 87,44% | 149,81 |
| Hoạt động kinh doanh ngoại hối (HĐKDNH) | | | | |
| Thu nhập từ HĐKDNH | 550,26 | 296,51 | -46,11% | 29,50 |
| Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay | 532,83 | 213,88 | -59,86% | 22,10 |
| Thu từ kinh doanh vàng | 12,44 | 80,94 | 550,64% | 7,20 |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 4,98 | 1,70 | -65,86% | 0,20 |
| Chi phí HĐKDNH | 534,53 | 233,10 | -56,39% | 56,88 |
| Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay | 528,85 | 202,16 | -61,77% | 11,94 |
| Chi về kinh doanh vàng | 0,86 | 22,67 | 2.536,05% | 27,50 |
| Chi về các công cụ phái sinh tiền tệ | 4,82 | 8,28 | 71,78% | 17,44 |
| Lãi/lỗ thuần từ HĐKDNH | 15,72 | 63,41 | 303,37% | -27,38 |
| Tỷ lệ lãi (lỗ) thuần từ HĐKDNH/Tổng thu nhập hoạt động | 7,33% | 12,87% | - | -9,49% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Năm 2008 và 2009 là các năm thị trường tiền tệ có nhiều biến động phức tạp về tỷ giá và lãi suất. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối của HDBank trong các năm này đã đạt được những kết quả khả quan. Các sản phẩm kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối ngày càng đa dạng và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng, các công cụ giao dịch được trang bị đầy đủ và hiện đại. Việc xử lý các nghiệp vụ treasury đã thực hiện theo mô hình cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ mới của HDBank, nhằm tăng cường tính hiệu quả và kiểm soát rủi ro trong hoạt động theo thông lệ hoạt động của các ngân hàng hiện đại.

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng bao gồm USD, EUR,... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của doanh nghiệp và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng.

Hoạt động kinh doanh vàng của HDBank trong những năm gần đây được thực hiện khá hiệu quả. Việc nhập khẩu vàng nguyên liệu được thực hiện tốt, tranh thủ tối đa những thời điểm có biến động giá giữa trong nước và thế giới. Lợi nhuận ròng từ kinh doanh vàng năm 2009 đạt 58,28 tỷ đồng, chiếm tới 92% lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại hối.

Hoạt động treasury đã trở thành một mũi nhọn trong hoạt động kinh doanh năm 2009 cũng như trong kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2010 của HDBank.

9.3.6 Hoạt động thanh toán và ngân quỹ

Hoạt động thanh toán trong nước và ngân quỹ

Từ năm 2007, HDBank đã đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước và ngân quỹ như chuyển tiền thanh toán, thu – chi hộ, chi lương qua tài khoản, tài khoản Nostro,... đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của đội ngũ nhân viên của toàn hệ thống, mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch được bố trí hợp lý. Kết quả đạt được giúp HDBank không chỉ duy trì được các khách hàng cũ mà còn thu hút thêm lượng lớn các khách hàng mới.

Năm 2008 là năm đầu tiên HDBank chính thức vận hành chương trình Symbols. Tận dụng các tính năng ưu việt của Symbols, HDBank đã đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ (tài khoản linh hoạt, tài khoản lũy tiến, tiết kiệm đa lợi, tiết kiệm dự thưởng, dịch vụ thông báo số dư tài khoản bằng email,...). Bên cạnh đó, hoạt động thanh toán và ngân quỹ cũng có nhiều cải tiến phù hợp với công cuộc hiện đại hóa ngân hàng: cải tạo bộ mặt quầy giao dịch; cơ cấu và bố trí lại nhân sự; đào tạo và hướng dẫn nghiệp vụ tại chỗ; hoàn thiện một số quy trình, quy định phù hợp với tính năng của Symbols và nhu cầu kinh doanh của HDBank; tăng thêm thời gian giao dịch với khách hàng (giao dịch buổi sáng thứ 7 hàng tuần); giao dịch trực tiếp trên tài khoản khách hàng trên toàn hệ thống; các hoạt động chuyển tiền trong và ngoài hệ thống HDBank cũng được thực hiện nhanh chóng, rút ngắn thời gian và tăng tiện ích cho khách hàng (chuyển, nhận trong ngày).

Do đó, mặc dù năm 2008 có nhiều biến động không thuận lợi trong hoạt động kinh doanh, cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra khốc liệt nhưng doanh số thanh toán trong nước đạt gần 102 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2007 và thu chi tiền mặt đạt 31,6 tỷ, tăng 75% so với năm 2007.

Năm 2009 HDBank từng bước ứng dụng các tính năng ưu việt của Symbols nhằm tăng tiện ích cho khách hàng. HDBank triển khai thành công ba dịch vụ SMSBanking, E-Banking và phát hành thẻ ATM (thẻ ghi nợ) đưa máy ATM vào hoạt động tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng và TP.HCM. Bên cạnh đó, các giao dịch chuyển tiền trong và ngoài hệ thống theo kênh truyền thống cũng được thực hiện nhanh chóng, xuyên suốt và tự động hóa: thời gian xử lý lệnh chuyển tiền trong vòng 1 – 2 giờ đồng hồ, tối đa là 01 ngày, các Chi nhánh của HDBank tại các tỉnh/thành trên cả nước hầu hết tham gia mạng thanh toán điện tử liên ngân hàng CITAD, E-bank (với Vietcombank) và thanh toán trực tuyến trên toàn hệ thống.

Song song với công nghệ hiện đại, đổi mới cơ cấu hoạt động, bộ mặt khang trang và chuyên nghiệp hơn, hoạt động thanh toán và ngân quỹ theo cấu trúc mới cũng được cải tiến phù hợp, phục vụ theo khối khách hàng doanh nghiệp – cá nhân, ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ. Tổng lợi nhuận ròng từ hoạt động thanh toán trong nước và ngân quỹ năm 2009 đạt 7,97 tỷ, tăng 204% so với năm 2008.

Hoạt động thanh toán quốc tế

Từ năm 2008 các hoạt động thanh toán quốc tế của HDBank đạt những tăng trưởng khả quan do HDBank đã đồng bộ hóa được các sản phẩm và dịch vụ để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm trọn gói về Thanh toán quốc tế, từ các dịch vụ mở và thanh toán L/C, nhờ thu, chuyển tiền, bảo lãnh thanh toán,... đến việc tài trợ xuất nhập khẩu với những chính sách linh hoạt và được triển khai cho các hoạt động đa dạng của khách hàng doanh nghiệp. Trong năm 2008, tổng giá trị thanh toán của HDBank đạt 108 triệu USD, giảm 44,6% so với năm 2007 nhưng tổng thu các dịch vụ thanh toán quốc tế đạt 5,99 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2007. Cụ thể, mức tăng trưởng của các hoạt động tài trợ xuất – nhập khẩu năm 2008 là 28%; tổng thu dịch vụ Thanh toán quốc tế tăng trưởng 33%.

Trong năm 2008, HDBank được ngân hàng Wachovia Bank New York biểu dương là “Ngân hàng đạt chất lượng về lập điện thanh toán quốc tế chính xác”, giải thưởng “Ngân hàng thực hiện xuất sắc nghiệp vụ thanh toán quốc tế” do Citi Bank trao tặng và bằng khen “Certificate of Excellence for outstanding performe in international payments with straight – through” do Standard Chartered Bank trao tặng về chất lượng những hoạt động điện thanh toán quốc tế vượt trội, nhanh chóng và chuẩn xác.

Trong năm 2009, hoạt động thanh toán quốc tế của HDBank tiếp tục đạt được những kết quả khả quan với tổng thu nhập các dịch vụ thanh toán tăng tới 224,63% so với cả năm 2008.

Hoạt động thanh toán và ngân quỹ (giai đoạn 2008-Quý II/2010)

Đơn vị tính giá trị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | | Lũy kế Quý II/2010 |
|---|--------------|--------------|----------------|--------------------|
| | Giá trị | Giá trị | ±% so với 2008 | Giá trị |
| Thu nhập từ hoạt động thanh toán và ngân quỹ (HĐTT&NQ) | 8,62 | 26,89 | 211,95% | 13,28 |
| Dịch vụ thanh toán | 7,55 | 24,49 | 224,37% | 8,83 |
| Dịch vụ ngân quỹ | 1,07 | 2,40 | 124,30% | 4,45 |
| Chi phí HĐ TT&NQ | 2,93 | 3,35 | 14,30% | 2,36 |
| Dịch vụ thanh toán | 1,75 | 1,79 | 2,29% | 1,08 |
| Dịch vụ ngân quỹ | 1,18 | 1,56 | 32,20% | 1,28 |
| Lãi/lỗ thuần từ HĐ TT&NQ | 5,69 | 23,54 | 313,71% | 10,92 |
| Tỷ lệ lãi (lỗ) thuần từ HĐ TT&NQ/Tổng thu nhập hoạt động | 2,65% | 4,78% | - | 3,79% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

9.3.7 Tình hình quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Công tác QLRR luôn được Ngân hàng chú trọng, quan tâm và đặt lên hàng đầu. Với mục tiêu tăng trưởng bền vững, HDBank luôn chú trọng thực hiện tốt các quy định của NHNN về đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn luôn được kiểm soát chặt chẽ.

Tình hình thực hiện một số tỷ lệ đảm bảo an toàn

Đơn vị tính giá trị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2009 | 30/06/2010 |
|------------|---|---------------|-----------------|
| I | Vốn tự có | 1.515 | 1.569,57 |
| 1 | Vốn cấp I | 1.601 | 1.634,46 |
| 2 | Vốn cấp II | 50 | 69,91 |
| 3 | Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có | 135 | 134,80 |
| II | Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%) | 15,67% | 12,40% |
| 1 | Giá trị tài sản Có rủi ro nội bảng tương ứng của các cam kết bảo lãnh, tài trợ cho Khách hàng | 619 | 867,90 |
| 2 | Giá trị tài sản Có rủi ro nội bảng tương ứng của các hợp đồng giao dịch lãi suất, hợp đồng giao dịch ngoại tệ | 0 | 0 |
| 3 | Giá trị tài sản Có rủi ro ngoại bảng | 9.052 | 11.786,18 |
| III | Tỷ lệ về khả năng chi trả (%) | 54% | 57% |
| 1 | Tổng tài sản Có có thể thanh toán ngay | 3.014 | 3.969,83 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2009 | 30/06/2010 |
|-----------|--|---------------|---------------|
| 2 | Tổng tài sản Nợ phải thanh toán trong vòng 1 tháng | 5.533 | 7.020,14 |
| | Tỷ lệ về khả năng chi trả (%) | 242% | 131% |
| 3 | Tổng tài sản Có có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian 07 ngày tiếp theo | 5.348 | 5.137,36 |
| 4 | Tổng tài sản Nợ phải thanh toán ngay trong khoảng thời gian 07 ngày tiếp theo | 2.211 | 3.922,88 |
| IV | Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung, dài hạn (%) | 15,35% | 14,26% |
| 1 | Tổng nguồn vốn trung, dài hạn | 574 | 1.303 |
| 2 | Số tiền đã đầu tư trung, dài hạn dưới các hình thức khác ngoài hình thức cho vay | 1.267 | 1.620 |
| 3 | Tổng Dư nợ cho vay trung và dài hạn | 2.879 | 2.755 |
| 4 | Nguồn vốn ngắn hạn | 16.546 | 19.329 |

Nguồn: HDBank

Để kiểm soát rủi ro hiệu quả, HDBank đã thành lập Khối QLRR. Khối QLRR hiện nay bao gồm các phòng/ban: Phòng QLRR, Phòng Pháp Chế, Phòng Xử Lý Nợ, Ban Định Giá, Phòng Kiểm Tra và Kiểm Soát Nội Bộ. Trong đó một số phòng/ban chỉ mới thành lập và hoạt động từ 2009 và 2009 cũng là năm bản lề đánh dấu những thay đổi trong công tác QLRR của HDBank. Theo đó, Công tác QLRR đã phân tách rõ thành 2 bộ phận là QLRR tín dụng và QLRR phi tín dụng. Không chỉ tập trung vào công tác tái thẩm định các hồ sơ tín dụng lớn, QLRR tín dụng còn bao hàm việc đánh giá và đưa ra các nhận định về xu hướng, điều chỉnh về chính sách tín dụng, thay đổi quy trình. Một loạt các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng đã phát huy tác dụng tốt như quản lý tổng hạn mức ngành kinh doanh, hoạt động liên quan đến cho vay vàng và kinh doanh vàng. QLRR phi tín dụng được hình thành nhằm hướng tới kiểm soát tốt hơn các nhóm rủi ro thị trường (market risk), rủi ro vận hành (operational risk)... Bước đầu đã gạt hái những thành công nhất định như xếp hạng cấp hạn mức cho 58 tổ chức tín dụng và định chế tài chính, xây dựng hệ thống báo cáo thanh khoản, quản lý giao dịch Treasury.

Phòng Pháp chế, trong năm 2009, đã tham gia soạn thảo 195 quyết định, trên 130 hợp đồng kinh doanh, cung cấp dịch vụ và hợp tác, chuẩn hóa hàng trăm mẫu biểu, có 120 lượt tư vấn pháp lý cho khách hàng nội bộ, đóng vai trò cốt yếu trong chương trình tái cấu trúc HDBank khi hiệu chỉnh và chấp bút cho hàng chục quy chế, quy định và quy trình. Tuy chỉ thực sự hoạt động trong nửa sau của 2009, Phòng Pháp chế đã được đánh giá cao khi dịch chuyển từ mô hình cung cấp dịch vụ thụ động sang mô hình chủ động với 2 bộ phận là pháp lý chứng từ và tư vấn. Pháp chế cũng đã hỗ trợ nhiệt thành và hiệu quả đối với Phòng Xử lý nợ khi Phòng này gặp khó khăn, nhờ đó mà kết quả thu hồi nợ xấu trong năm 2009 đã đạt kết quả cao (thu hồi tổng cộng 175 tỉ đồng nợ quá hạn, trong đó nợ xấu 105 tỉ đồng).

Ban định giá độc lập được thành lập và hoạt động trong 6 tháng cuối năm.

Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ được thành lập từ quý I năm 2009. Tuy là bộ phận hoàn toàn mới nhưng Kiểm tra kiểm soát nội bộ đã rất nhanh chóng tiếp cận công việc và đã có được

những thành quả nhất định và nhận được những biểu dương từ một số địa bàn do đã giúp được những địa bàn này củng cố và giải quyết nhiều vướng mắc trong hoạt động. Bên cạnh đó, Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ cũng đã có những phát hiện kịp thời giúp cho Ban điều hành có được những quyết định chính xác và hiệu quả.

Công tác QLRR đang trong chặng đường phát triển mạnh mẽ và bước đầu đã có những đóng góp nhất định cho hoạt động ổn định, an toàn trong năm qua. Khối QLRR là kết quả của quá trình tái cấu trúc nhưng chính sự lớn mạnh của khối QLRR lại là yếu tố không thể thiếu để khẳng định sự thành công và bền vững của công cuộc tái cấu trúc nói riêng và HDBank nói chung.

9.4 Thị trường hoạt động

9.4.1 Mạng lưới chi nhánh

Mạng lưới hoạt động của HDBank đang được mở rộng về cả quy mô và vùng địa lý. Đến thời điểm 30/06/2010, ngoài Hội sở chính tại TP.HCM, HDBank có 18 Chi nhánh và 51 Phòng giao dịch tại các tỉnh thành trên cả nước, tập trung tại các trung tâm kinh tế năng động và có nhiều tiềm năng về dịch vụ tài chính.

Mạng lưới giao dịch của HDBank được phân bố như sau:

Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của HDBank (tính đến 30/06/2010)

| STT | Tên chi nhánh/PGD | Địa chỉ | Tel | Fax |
|---------------|----------------------|--|-----------------|-----------------|
| Tp.HCM | | | | |
| 1 | Hội sở chính | 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q.1 | (08) 62 915 916 | (08) 62 915 900 |
| 2 | CN Sài Gòn | 33-39 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1 | (08) 38 299 344 | (08) 38 299 371 |
| 3 | CN Nguyễn Trãi | 207-209 Nguyễn Trãi, Q.5 | (08) 38 363 522 | (08) 39 234 679 |
| 4 | CN Hiệp Phú | 199 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9 | (08) 37 309 616 | (08) 37 309 617 |
| 5 | CN Vạn Hạnh | 557-559 Sư Vạn Hạnh, P.13, Q.10 | (08) 39 797 999 | (08) 38 683 040 |
| 6 | CN Lãnh Binh Thăng | 281B Lãnh Binh Thăng, Q.11 | (08) 39 627 407 | (08) 39 627 408 |
| 7 | CN Phú Nhuận | 174 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận | (08) 39 954 554 | (08) 39 955 310 |
| 8 | CN Cộng Hòa | 440A Cộng Hòa, P.13, Q. Tân Bình | (08) 38 123 750 | (08) 38 123 749 |
| 9 | CN Tân Bình | 657-659 Lạc Long Quân, P.10, Q. Tân Bình | (08) 39 753 644 | (08) 39 753 641 |
| 10 | PGD CMT8 | 81 Cách Mạng Tháng 8, P. Bến Thành, Q.1 | (08) 39 259 577 | (08) 39 259 580 |
| 11 | PGD Tân Định | 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Q.1 | (08) 38 209 485 | (08) 38 209 480 |
| 12 | PGD Nguyễn Duy Trinh | 201 Nguyễn Duy Trinh, Q.2 | (08) 62 807 035 | (08) 62 807 021 |
| 13 | PGD Đông Sài Gòn | 260 Trần Nãi, P. Bình An, Q.2 | (08) 37 402 407 | (08) 37 402 976 |
| 14 | PGD Duy Tân | 69 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3 | (08) 38 202 849 | (08) 38 202 845 |
| 15 | PGD NKKN | 201E Nam Ky Khởi Nghĩa, P.7, Q.3 | (08) 39 322 736 | (08) 39 322 746 |
| 16 | PGD Chợ Lớn | 210-212 Hải Thượng Lãn Ông, P.14, Q.5 | (08) 62 610 350 | (08) 62 610 351 |
| 17 | PGD Phú Lâm | 136 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6 | (08) 37 522 055 | (08) 37 520 911 |
| 18 | PGD Phú Mỹ | 1485 Nguyễn Văn Linh, Mỹ Toàn 1, Q.7 | (08) 54 122 734 | (08) 54 122 735 |

| STT | Tên chi nhánh/PGD | Địa chỉ | Tel | Fax |
|---------------|----------------------|---|-----------------|-----------------|
| | Hưng | | | |
| 19 | PGD Huỳnh Tấn Phát | 705 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q.7 | (08) 37 738 647 | (08) 37 738 646 |
| 20 | PGD Ngô Gia Tự | 378-380 Ngô Gia Tự, P.4, Q.10 | (08) 39 273 606 | (08) 39 273 605 |
| 21 | PGD Hòa Hưng | 475Bis Cách Mạng Tháng 8, P.13, Q.10 | (08) 38 685 676 | (08) 38 683 228 |
| 22 | PGD 3-2 | 604 Đường 3 Tháng 2, P.14, Q.10 | (08) 38 683 230 | (08) 38 685 675 |
| 23 | PGD Phú Thọ | 305 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11 | (08) 38 642 535 | (08) 38 642 518 |
| 24 | PGD Lạc Long Quân | 205 Lạc Long Quân, P.3, Q.11 | (08) 39 637 053 | (08) 39 637 054 |
| 25 | PGD Công Lý | 102A2 Huỳnh Văn Bánh, P.15, Q.Phú Nhuận | (08) 38 424 434 | (08) 38 424 432 |
| 26 | PGD Bạch Đằng | 204 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh | (08) 62 581 652 | (08) 62 581 651 |
| 27 | PGD Nguyễn Oanh | 40 Nguyễn Oanh, P.7, Q.Gò Vấp | (08) 39 897 270 | (08) 39 897 271 |
| 28 | PGD Thái Sơn | 222 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp | (08) 39 940 295 | (08) 39 940 296 |
| 29 | PGD Âu Cơ | 516 Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình | (08) 39 753 565 | (08) 39 753 566 |
| 30 | PGD Lê Văn Sỹ | 236A Lê Văn Sỹ, P.1, Q.Tân Bình | (08) 39 918 985 | (08) 39 918 983 |
| 31 | PGD Hòa Bình | 173 Hoà Bình, P.Hiệp Tân, Q.Tân Phú | (08) 39 616 523 | (08) 39 616 521 |
| 32 | PGD Tân Phú | 21A Gò Dầu, P. Tân Quý, Q. Tân Phú | (08) 38 473 270 | (08) 38 473 271 |
| 33 | PGD Bình Thợ | 354 Võ Văn Ngân, P.Bình Thợ, Q.Thủ Đức | (08) 37 225 422 | (08) 37 225 423 |
| 34 | PGD Tam Bình | 141A1 QL1A, Kp5, P. Tam Bình, Q.Thủ Đức | (08) 37 296 192 | (08) 37 296 193 |
| Hà Nội | | | | |
| 1 | CN Hà Nội | 91 Nguyễn Thái Học, Q.Ba Đình | (04) 37 474 393 | (04) 37 474 394 |
| 2 | CN Hoàn Kiếm | 14-16 Hàm Long, Q. Hoàn Kiếm | (04) 39 446 633 | (04) 39 446 611 |
| 3 | CN Thăng Long | Nhà M1, Nguyễn Thị Định, P.TH, Q.Cầu Giấy | (04) 62 816 189 | (04) 62 816 190 |
| 4 | PGD Nguyễn Trường Tộ | 27 Nguyễn Trường Tộ, Q. Ba Đình | (04) 39 275 448 | (04) 39 275 449 |
| 5 | PGD Trần Hưng Đạo | 98B Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm | (04) 39 410 177 | (04) 39 410 174 |
| 6 | PGD Phố Huế | Số 8 Phố Huế, Q. Hoàn Kiếm | (04) 39 448 895 | (04) 39 448 891 |
| 7 | PGD Hồng Hà | 885 Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm | | |
| 8 | PGD Đồng Đa | 200 Nguyễn Lương Bằng, P.QT, Q.Đồng Đa | (04) 35 132 344 | (04) 35 132 346 |
| 9 | PGD Thái Thịnh | 85 Thái Thịnh, Q.Đồng Đa | (04) 35 625 641 | (04) 35 626 814 |
| 10 | PGD Hai Bà Trưng | 337 Phố Huế, Q.Hai Bà Trưng | (04) 39 765 524 | (04) 39 765 520 |
| 11 | PGD Hà Thành | 288 phố Lạc Trung, Q. Hai Bà Trưng | (04) 39 878 487 | |
| 12 | PGD Cầu Giấy | 12 Nguyễn Phong Sắc, Q.Cầu Giấy | (04) 37 688 806 | (04) 37 688 805 |
| 13 | PGD Tây Đô | Lô B1DN 12/3 Nguyễn Khánh Toàn, Q. Cầu Giấy | (04) 62 813 576 | (04) 62 813 571 |
| 14 | PGD Tây Hồ | 22 Xuân La, Q.Tây Hồ | (04) 37 586 062 | (04) 37 586 064 |
| 15 | PGD Lê Trọng | 160 Lê Trọng Tấn, Q.Thanh Xuân | (04) 35 667 037 | (04) 35 667 040 |

| STT | Tên chi nhánh/PGD | Địa chỉ | Tel | Fax |
|--------------------------|---------------------|--|------------------|------------------|
| | Tấn | | | |
| 16 | PGD Trung Hòa | 144 Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân | (04) 62 816 189 | (04) 62 862 528 |
| 17 | PGD Linh Đàm | BT1, Ô Sô 7, Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, P. Đại Kim, Q. Hoàn Mai | (04) 35 401 006 | (04) 35 401 005 |
| 18 | PGD Hà Đông | 127 Quang Trung, Hà Đông | (04) 33 553 888 | (04) 33 552 882 |
| 19 | PGD Đông Đô | 52 Nguyễn Siêu, P. Hàng Buồm, Q. Hoàn Kiếm | (04) 39 291 666 | (04) 39 290 797 |
| 20 | PGD Vạn Xuân | 11 Lò Rèn, P. Hàng Bồ, Q. Hoàn Kiếm | (04) 39 233 939 | (04) 39 233 954 |
| Vinh | | | | |
| 1 | CN Vinh | 78 Nguyễn Thị Minh Khai - TP Vinh | (038) 8603 777 | (038) 8 601 599 |
| Đà Nẵng | | | | |
| 1 | CN Đà Nẵng | Lô 500A Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê | (0511) 3 720 777 | (0511) 3 720 960 |
| 2 | PGD Lê Duẩn | 227 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê | (0511) 3 752 762 | (0511) 3 752 767 |
| 3 | PGD Hải Châu | 46 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu | (0511) 6 251 222 | (0511) 6 251 595 |
| 4 | PGD Hòa Cường | 376 Núi Thành, Q. Hải Châu | (0511) 6 254 666 | (0511) 6 254 656 |
| 5 | PGD Nguyễn Văn Linh | 150-152 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê | (0511) 6 252 666 | (0511) 6 252 656 |
| Bình Dương | | | | |
| 1 | CN Bình Dương | 558 Đại Lộ BD, TX. Thủ Dầu Một | (0650) 38 72 861 | (0650) 3 872 860 |
| 2 | PGD Dĩ An | 4A/19 Đường Mũi, KP Thống Nhất, Dĩ An | (0650) 37 96 077 | (0650) 3 796 078 |
| Đồng Nai | | | | |
| 1 | CN Biên Hòa | 318B Phạm Văn Thuận, P. Thống Nhất, Tp. Biên Hòa | (061) 39 18 789 | (061) 3 918 370 |
| 2 | PGD Long Bình Tân | G1, QL 51, KP1, P Long Bình Tân, Biên Hoà | (061) 8 826 688 | (061) 8 826 699 |
| Bà Rịa – Vũng Tàu | | | | |
| 1 | CN Vũng Tàu | Số 7 Nguyễn Thái Học, TP Vũng Tàu | (064) 3 576 757 | (064) 3 576 758 |
| 2 | PGD Lý Thường Kiệt | 48 - 50 Lý Thường Kiệt - phường 1 - TP, Vũng Tàu | (064) 3 513 363 | |
| Nha Trang | | | | |
| 1 | CN Nha Trang | 12 Trần Quý Cáp - P. Vạn Thành, Nha Trang - Khánh Hoà | (058) 3 826 222 | (058) 3 810 222 |
| Cần Thơ | | | | |
| 1 | CN Cần Thơ | 162-162B Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều | (0710) 3734 250 | (0710) 3 734 251 |
| 2 | PGD Tân An | 53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. Ninh Kiều | (0710) 38 15 807 | (0710) 3 815 806 |
| Long An | | | | |
| 1 | PGD Long Hậu | Ấp 3, Xã Long Hậu, H. Cần Giuộc | (08) 38 734 243 | (08) 38 734 246 |

Nguồn: HDBank

Tất cả các Chi nhánh mới trong hệ thống của HDBank đều nhanh chóng ổn định tổ chức, phát triển cơ sở khách hàng, triển khai hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả và toàn diện, góp phần vào kết quả thành công chung của toàn Ngân hàng trong đó đặc biệt là tăng trưởng huy động vốn và dư nợ với chất lượng tốt.

9.4.2 Mạng lưới Khách hàng và các loại dịch vụ cho Khách hàng

Với mạng lưới gồm 01 Hội Sở và 18 Chi nhánh và 51 Phòng giao dịch trên các tỉnh thành, HDBank có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của HDBank tăng lên nhanh chóng. Các Khách hàng chính của Ngân hàng bao gồm các Cá nhân có tiềm lực tài chính tốt và các tổ chức là các Tổng Công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, HDBank xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước

Thị trường hoạt động của HDBank là các thành phố lớn, các tỉnh thành và các khu kinh tế trọng điểm của đất nước, trong đó chú trọng vào 02 Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Trong thời gian tới, HDBank sẽ thực hiện mở rộng mạng lưới Chi nhánh tới khắp tất cả các tỉnh thành trong cả nước.

9.4.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh

Năm 2009 với nhiều thách thức cho nền kinh tế nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng, HDBank đã thực hiện đổi mới thành công và đạt được những kết quả khả quan: hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh, mở rộng mạng lưới giao dịch lên 65 điểm tăng gấp đôi so với năm trước, đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại (core banking), liên tục ra mắt nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa năng, hiện đại, thành lập Trung tâm đào tạo quy mô lớn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... HDBank là một trong 120 doanh nghiệp được đánh giá là những thương hiệu mạnh trong năm 2009, đón nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Giải thưởng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế, Cờ thi đua xuất sắc của Liên đoàn lao động.... Bước sang năm 2010, HDBank đã hoạch định các chiến lược kinh doanh hiệu quả, dự kiến tăng trưởng khoảng 50%-60% so với năm trước, xây dựng thương hiệu bền vững và đồng bộ toàn hệ thống...

Với kế hoạch tăng vốn và các dự án phát triển kinh doanh trong thời gian tới, HDBank sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng Ngân hàng hiện đại theo chuẩn mực quốc tế với trọng tâm phát triển là các sản phẩm công nghệ hiện đại với chất lượng dịch vụ tốt nhất. Nhờ đó, HDBank sẽ ngày càng nâng cao được khả năng cạnh tranh trong điều kiện nền kinh tế hội nhập toàn cầu.

9.5 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, HDBank đã và đang triển khai một số dự án chính sau:

9.5.1. Xây dựng mô hình ngân hàng bán lẻ và phát triển thương hiệu

HDBank triển khai chiến lược ngân hàng bán lẻ. Với mục tiêu phát triển thương hiệu trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, HDBank cũng đang thực hiện dự án xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp, đồng bộ trên toàn hệ thống.

9.5.2. Tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy hoạt động, củng cố hệ thống quản trị trong toàn Ngân hàng

HDBank đang thực hiện tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy hoạt động giai đoạn 2009-2010 nhằm đảm bảo hệ thống vận hành theo chiều hướng thông suốt, quản lý tập trung theo ngành dọc và theo dòng sản phẩm. Đồng thời, HDBank xây dựng và củng cố hệ thống hành lang pháp lý cho hoạt động HDBank, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với cơ cấu mô hình tổ chức mới, định hướng và chiến lược phát triển của ngành; xây dựng các hệ thống quản trị nội bộ với sự hỗ trợ của các ứng dụng công nghệ thông tin, trên nguyên tắc an toàn, đúng pháp luật và tuân thủ các qui định hiện hành.

Bên cạnh đó, để phát triển hoạt động kinh doanh một cách toàn diện, cân đối và vững chắc, HDBank sẽ ban hành chính sách cụ thể đối với từng khối nghiệp vụ theo lộ trình tái cấu trúc mô hình tổ chức đã được HĐQT thông qua. Trong đó, phân tích rõ chương trình hành động, chi tiết nhiệm vụ, thời gian thực hiện, quyền hạn đến từng vị trí, mối liên hệ mật thiết giữa các khối nghiệp vụ.

9.5.3. Hiện đại hóa công nghệ tin học ngân hàng

Ngày 18/07/2008 HDBank đã công bố chính thức sự thành công hệ thống CoreBanking trên toàn hệ thống sau hơn 2 tháng triển khai. Tổng số vốn đầu tư cho hệ thống CoreBanking lên đến 5 triệu USD. Hệ thống CoreBanking được áp dụng tại HDBank với tên gọi phần mềm Symbols - được phát triển dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay, công nghệ Oracle, được thiết kế định hướng dịch vụ (Service Oriented Architecture – SOA), thuộc bộ phận giải pháp ngân hàng lõi đa năng, cho phép HDBank sử dụng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại để tối ưu hóa các nghiệp vụ kinh doanh lĩnh vực tài chính – ngân hàng với đầy đủ chức năng ngân hàng bán buôn, bán lẻ, ngân hàng online và hệ thống quản lý khách hàng hiện đại, nhanh chóng, an toàn. Hệ thống này đảm bảo phục vụ cho quá trình hiện đại hóa và phát triển lâu dài của HDBank với các tiêu chí:

- Khả năng tích hợp các hệ thống phần mềm tiện ích khác trong tương lai như hệ thống thẻ, hệ thống ngân hàng điện tử, hệ thống quản lý rủi ro,...
- Cung cấp khả năng mở rộng, linh hoạt cao hỗ trợ việc mở rộng mạng lưới chi nhánh trong tương lai;
- Cung cấp khả năng xử lý giao dịch thông suốt, trực tuyến, toàn diện và thời gian thực hiện nhanh;
- Tăng cường khả năng quản trị ngân hàng tập trung và giảm thiểu rủi ro. Nâng cao hiệu suất lao động và tính chuyên nghiệp của nhân viên, tạo nên hình ảnh mới cho HDBank;

- Tăng cường khả năng quản lý dữ liệu và hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Trong thời gian qua, đội dự án Core Banking đã vận hành hệ thống Symbols của HDBank an toàn, ổn định và đạt hiệu quả khả quan:

- Đã tạo thêm các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng như: tiết kiệm đa lợi, tài khoản lũy tiến, phát hành 2 đợt chứng chỉ tiền gửi, 2 đợt tiết kiệm dự thưởng trúng vàng,...
- Quản lý thông tin khách hàng đầy đủ, chi tiết, online toàn hệ thống, tạo thuận lợi cho khách hàng khi giao dịch ở tất cả các chi nhánh và phòng giao dịch của HDBank;
- Quản lý thông tin hệ thống chung như: chi nhánh, hệ thống tài khoản, tiền tệ, tỷ giá, lãi suất, thông tin tài sản đảm bảo,...
- Cập nhật dữ liệu thông tin giao dịch chi tiết, đầy đủ hơn, các bút toán kế toán được hạch toán tự động;
- Truy vấn thông tin online toàn hệ thống giúp cho người sử dụng dễ dàng truy cập thông tin phục vụ cho việc xử lý nghiệp vụ cũng như kiểm soát, quản lý;
- Kết nối tự động với hệ thống SWIFT nên nhất quán về mặt số liệu. Việc thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế và chuyển tiền quốc tế nhanh hơn, chính xác hơn;
- Tăng khả năng bảo mật nhờ tính an toàn cao của hệ thống truyền dẫn;
- Thiết lập hệ thống giám sát và cảnh báo hoạt động cho thiết bị mạng, đường truyền.

Với việc triển khai thành công hệ thống CoreBanking sẽ là nền tảng vững chắc giúp HDBank nâng cao vị thế cạnh tranh của mình trên thương trường và đáp ứng kịp thời nhu cầu đa dạng của khách hàng với nhiều tiện ích tốt hơn.

HDBank đang khai thác hiệu quả thế mạnh công nghệ Core Banking trong việc phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại như SMS Banking và Internet Banking và đã đưa vào sử dụng trong tháng 06/2009. Việc đầu tư thêm 2 dịch vụ SMS Banking và Internet Banking nhằm đem lại sự dễ dàng, thuận tiện hơn và cung cấp cho khách hàng nhiều tiện ích hơn nữa trong giao dịch với HDBank.

Để phục vụ cho hệ thống Symbols, HDBank đã đầu tư xây dựng một hệ thống hạ tầng mạng đồng bộ với toàn bộ các điểm giao dịch trong hệ thống được trang bị với thiết bị Cisco - nhà cung cấp giải pháp mạng hàng đầu thế giới.

Hệ thống hạ tầng mạng của HDBank được phân chia thành nhiều vùng miền khác nhau, được kết nối hoàn toàn bằng leased lined (kênh riêng), đảm bảo cho tính toàn vẹn dữ liệu và bảo mật các giao dịch của Ngân hàng.

Mỗi chi nhánh kết nối về trung tâm dữ liệu với hai đường truyền được cân bằng tải trên thiết bị Cisco, đảm bảo sự thông suốt, độ tin cậy và vẹn toàn dữ liệu cho mỗi giao dịch phát sinh trong hệ thống HDBank.

Trong năm 2007, Ngân hàng cũng đã đầu tư trung tâm dữ liệu và năm 2008 hoàn thiện trung tâm dữ liệu dự phòng. Tổng chi phí duy trì hàng năm khoảng 20% cho toàn hệ thống. Trung tâm dữ liệu của HDBank được trang bị hệ thống máy chủ với công nghệ Itanium 64 bits của dòng máy chủ Interity của nhà cung cấp HP được bảo vệ bởi hệ thống Firewall Nokia – Check Point hàng đầu thế giới, và hệ thống chống tấn công và đột nhập của nhà cung cấp sản phẩm Tipping Point.

9.5.4. *Phát hành thẻ HDBank*

Dựa trên hệ thống CNTT Core banking, HDBank đã triển khai việc cung ứng sử dụng thẻ trong năm 2010 với mục tiêu sau:

- Tham gia liên minh thẻ cục bộ;
- Chia sẻ phí giao dịch với các ngân hàng;
- Phát triển dịch vụ tiền ứng trước tại POS, chia sẻ phí dịch vụ với các điểm đặt POS;
- Dịch vụ cung cấp thẻ ATM, chấp nhận thẻ quốc tế Visa, Master, thanh toán tiền điện, nước, điện thoại,...

9.5.5. *Kế hoạch đào tạo tổng thể đến năm 2011*

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của HDBank, số lượng CBNV toàn ngân hàng không ngừng tăng nhanh, gần 1.300 người tính đến 31/12/2009. Với định hướng chiến lược xây dựng nguồn nhân lực *năng động - chuyên nghiệp - hiệu quả* cho HDBank để đảm bảo vận hành hoạt động kinh doanh hiện tại và đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển trong tương lai, Trung tâm đào tạo HDBank sẽ triển khai những chương trình nằm trong chuỗi kế hoạch đào tạo tổng thể đến năm 2011 như: *Kỹ năng quản lý, Hiểu biết về sản phẩm, Pháp lý & Kỹ năng tác nghiệp*,... Bên cạnh đó, Trung tâm cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo “*Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng*” cho các chuyên viên thường xuyên tiếp xúc với khách hàng từ Hội sở đến các chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn hệ thống nhằm xây dựng nét văn hóa giao tiếp riêng HDBank theo chuẩn mực quốc tế.

9.5.6. *Phát triển mạng lưới của HDBank*

HDBank đang thực hiện đẩy mạnh tiến độ mở rộng mạng lưới hoạt động tại các vùng kinh tế trọng điểm và thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới, nhằm nâng cao thị phần hoạt động và năng lực cạnh tranh cho HDBank. Việc phát triển mạng lưới dự kiến sẽ tập trung tại các thành phố lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vinh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Biên Hòa, Đà Nẵng, Chu Lai, Nha Trang, Vũng Tàu, Phan Thiết, Long An,...

10. **Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất**

10.1 ***Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của HDBank trong các năm gần nhất***

Trong giai đoạn 2008-quý II/2010, hoạt động của HDBank đạt nhiều kết quả tốt trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế năm 2009 đạt tới 217,54% so với năm 2008, cao gấp 2,5 lần so với tốc độ tăng của tổng tài sản. Lũy kế quý II/2010, Ngân hàng đạt lợi nhuận sau thuế là 100,09 tỷ đồng, bằng 51,54% so với cả năm 2009. Trong cơ cấu thu nhập hoạt động của HDBank, thu nhập lãi thuần (*thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ kinh doanh đầu tư chứng khoán nợ*) vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, bình quân chiếm 59,27% tổng thu nhập hoạt động thuần. Tiếp đến là thu nhập từ hoạt động dịch vụ, bình quân chiếm 27,69% tổng thu nhập hoạt động thuần. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động ngoại hối và kinh doanh tài chính trong tổng thu nhập hoạt động thuần tuy không lớn nhưng đang có xu hướng tăng lên khá nhanh trong năm

2009 so với năm 2008, thể hiện sự dịch chuyển trong cơ cấu lợi nhuận của HDBank từ các hoạt động truyền thống của ngân hàng sang các hoạt động khác.

Về chi phí, trong giai đoạn 2008-2009, việc tái cấu trúc hệ thống bộ máy và chuẩn hóa các quy trình hoạt động đã tác động tích cực đến việc quản lý chi phí của Ngân hàng. Tỷ trọng hầu hết các loại chi phí (trừ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng) trong thu nhập tương ứng năm 2009 đều có xu hướng giảm so với năm 2008.

Một số chỉ tiêu hoạt động của HDBank (giai đoạn 2008-Quý II/2010)

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2008 | 2009 | | Quý II/2010 |
|--------------------------|-------------|----------|-----------|----------------|-------------|
| | | Giá trị | Giá trị | ±% so với 2008 | Giá trị |
| Tổng tài sản | Tỷ đồng | 9.557,92 | 19.127,43 | 100,12% | 21.753,21 |
| Tổng thu nhập hoạt động | Tỷ đồng | 214,40 | 492,64 | 129,77% | 288,44 |
| Tổng chi phí hoạt động | Tỷ đồng | 132,00 | 200,46 | 51,87% | 156,69 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 80,28 | 254,91 | 217,54% | 131,75 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 59,94 | 194,21 | 224,00% | 100,09 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND/cổ phần | 594 | 1.253 | 110,94% | 646 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

Cơ cấu thu nhập hoạt động thuần (giai đoạn 2008-Quý II/2010)

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Quý II/2010 |
|--|-------------|-------------|-------------|
| Thu nhập lãi thuần | 53,26% | 47,64% | 76,90% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 33,98% | 28,50% | 20,58% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 7,33% | 12,87% | -9,49% |
| Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, mua bán đầu tư dài hạn khác | 0,79% | 7,89% | 10,22% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 4,24% | 3,10% | 0,87% |
| Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | 0,40% | -0,01% | 0,92% |
| Tổng thu nhập hoạt động | 100% | 100% | 100% |

Tỷ trọng các loại chi phí chiếm trong thu nhập tương ứng

Đơn vị tính giá trị: tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | ±% 2009 so với 2008 | Lũy kế Quý II/2010 |
|----|--|--------|--------|---------------------|--------------------|
| 1 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 970,68 | 804,46 | -17,12% | 731,37 |
| | Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 89,47% | 77,41% | | 76,73% |
| 2 | Chi phí hoạt động dịch vụ | 7,18 | 11,39 | 58,61% | 6,42 |
| | Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ | 8,97% | 7,50% | | 9,76% |
| 3 | Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác) | 132,00 | 200,46 | 51,87% | 136,77 |

| TT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | ±% 2009 so với 2008 | Lũy kế Quý II/ 2010 |
|----|--|--------|--------|---------------------|---------------------|
| | <i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động</i> | 61,56% | 40,69% | | 47,42% |
| 4 | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 2,13 | 37,28 | 1.647,73% | 19,92 |
| | <i>Tỷ trọng trong lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i> | 2,59% | 12,76% | | 13,13% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)

10.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

10.2.1 Các nhân tố bên ngoài

* Tình hình kinh tế thế giới

Năm 2008, kinh tế thế giới chứng kiến một sự suy giảm. Khủng hoảng tài chính bùng phát tại Mỹ và lan rộng toàn cầu, kéo theo sự sụp đổ đồng loạt của nhiều định chế tài chính khổng lồ, thị trường chứng khoán biến động. Năm 2008 cũng chứng kiến nỗ lực chưa từng có của các nền kinh tế để chống chọi với khủng hoảng tài chính.

Năm 2009, mặc dù còn bị ảnh hưởng nhiều từ cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra trong năm trước, tuy nhiên kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu khởi sắc nhờ những nỗ lực giải cứu ngành tài chính ngân hàng và các gói chính sách kích thích tăng trưởng của các quốc gia.

* Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP năm 2008 đạt 6,23%, thấp hơn 2,25% so với năm 2007 và thấp hơn 0,77% so với kế hoạch điều chỉnh. Năm 2009 tốc độ tăng trưởng của Việt Nam đạt 5,32% - tiếp tục giảm sút so với các năm trước. Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2008-2009 đạt được như vậy cũng là một thành tựu lớn, tạo điều kiện thuận lợi để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội đối với Việt Nam.

Bước sang năm 2010, nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu khả quan. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, GDP quý 1/2010 đã tăng 5,83% so với cùng kỳ năm 2009, tăng cao hơn nhiều so với tốc độ tăng GDP của cùng kỳ năm 2009, tới 2,73 điểm %, và cũng cao hơn GDP quý 2/2009 tới 1,37 điểm %. Trong đó, lĩnh vực dịch vụ đạt cao nhất, tăng tới 6,64% - với tỷ trọng tương đối lớn trong đóng góp vào GDP, đây cũng là khu vực tạo ra mức tăng trưởng cao hơn trong quý I/2010, dù chênh lệch so với cùng kỳ năm ngoái không nhiều (Quý I/2009 tăng 5,4%). Với kết quả này có thể cho rằng, sản xuất thực đã phục hồi mạnh mẽ so với giai đoạn đáy suy giảm vào quý 1/2009².

* Sự phát triển của ngành ngân hàng

Năm 2008 được đánh giá là một năm đầy sóng gió với ngành ngân hàng khi phải đối mặt với nhiều rủi ro và biến động khó lường của lãi suất tăng cao, rồi hạ nhanh kéo dài gần cả năm. Những biến động của lãi suất và những chính sách liên quan của NHNN diễn ra nhanh trong

² Theo <http://tintuonline.vietnamnet.vn/vn/print/kinhte/437205/index.html>

những tháng đầu năm 2008, đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các NH, dẫn tới thiếu thanh khoản, gây xáo trộn cơ cấu nguồn vốn. Đến thời điểm cuối năm 2008, để ngăn chặn đà suy giảm kinh tế, NHNN buộc phải điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và giảm dần các lãi suất chủ đạo. Tuy nhiên, tình hình vẫn chưa cải thiện khi vốn vay của các NHTM vẫn rất khó khăn; tình hình sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa cải thiện. Có thể nói, năm 2008 được ghi nhận là năm có nhiều rủi ro lớn về lãi suất, ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận các ngân hàng. Nhìn chung, nguồn thu của các Ngân hàng bị giảm sút và quản trị điều hành của các NHTM cũng bị động, luôn phải sẵn sàng xử lý các tình huống mới có thể xảy ra.

Sang năm 2009, hệ thống Ngân hàng phải đứng trước nhiều thách thức – vừa phải gia tăng cho vay tín dụng kích cầu đầu tư và tiêu dùng, chống lại nguy cơ suy giảm kinh tế trong khuôn khổ gói chính sách khẩn cấp chung của Chính phủ; mặt khác, vừa phải đề phòng nguy cơ tái lạm phát cao; vừa phải tăng cường đáp ứng nhu cầu về ngoại hối nói riêng và nguồn vốn cho doanh nghiệp nói chung trong bối cảnh suy giảm nguồn tiền huy động và nguồn thu ngân sách trong nước, nguồn thu tài chính từ nước ngoài.

Tuy nhiên, sau 02 năm gia nhập WTO, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng tạo ra một thị trường mở cửa và có tính cạnh tranh cao hơn, thúc đẩy khu vực dịch vụ ngân hàng tăng trưởng cả về quy mô và loại hình hoạt động, thích ứng nhanh hơn với những tác động từ bên ngoài, từ đó có khả năng đóng góp nhiều hơn và chủ động hơn vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Đến cuối năm 2008, vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống ngân hàng tăng 30% so với cuối năm 2007, tỷ lệ an toàn vốn tăng từ 8,9% lên 9,7%³. Năm 2009, vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng tăng 31,9% so với cuối năm 2008; tổng tài sản tăng 26,49%, chênh lệch thu - chi tăng 53,09%, nợ xấu chiếm 2,2% tổng dư nợ; và hầu hết các ngân hàng đã công bố lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch cả năm.

Năm 2010, sau 5 tháng tăng chậm, dư nợ tín dụng 6 tháng đầu năm của hệ thống ngân hàng đã tăng mạnh và ước đạt 10,52%. Theo báo cáo của NHNN, so với tháng trước, dư nợ tín dụng trong tháng 6 ước tăng khoảng 3,06%, mức cao nhất kể từ đầu năm. Đây là tín hiệu chứng tỏ các ngân hàng bắt đầu mở rộng tín dụng để đạt mức tăng trưởng theo chỉ tiêu cả năm 25%. Báo cáo của NHNN cũng cho thấy, không chỉ tín dụng tăng mạnh, tổng nguồn vốn huy động của toàn hệ thống ngân hàng 6 tháng đầu năm ước tăng 10,82%, tổng phương tiện thanh toán ước tăng 9,6%⁴.

10.2.2 Các nhân tố bên trong

Với tình hình kinh tế nói chung và tình hình ngành tài chính ngân hàng nói riêng, HDBank có những thuận lợi và rủi ro như sau:

*** Khó khăn**

- HDBank vừa phải khắc phục các khó khăn phát sinh từ hậu quả lạm phát và suy thoái kinh tế năm 2008 (phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu, thị phần hoạt động bị hạn chế, thương hiệu chưa được nhiều người biết đến...), vừa phải đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, vừa thực hiện các chính sách vĩ mô (tái cấu trúc mô hình tổ chức, phát triển mạng lưới, hiện đại hóa ngân hàng...) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện trên cơ sở lâu dài và bền vững.

³ Trích báo cáo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại trang tin công thông tin điện tử Chính phủ 1/2009.

⁴ Theo <http://infotv.vn/ngan-hang-tai-chinh/tin-tuc> ngày 15/06/2010

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi.
- Chênh lệch lãi suất đầu ra, đầu vào bình quân bị thu hẹp do lãi suất cho vay bị khống chế bởi mức lãi suất trần do NHNN quy định, trong khi đó chi phí đầu vào ngày càng cao do sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng trong việc thu hút vốn nhàn rỗi trong lưu thông.
- Tình trạng khan hiếm về ngoại tệ đã ảnh hưởng đến hoạt động Thanh toán quốc tế, tốc độ tăng trưởng tín dụng ngoại tệ.

*** Thuận lợi**

- Bộ máy tổ chức, hệ thống mạng lưới, công nghệ tin học, thương hiệu, công tác quản trị rủi ro, cơ cấu về nguồn huy động, chất lượng tín dụng và khách hàng tại HDBank được chú trọng, cải thiện và phát triển mạnh, đặc biệt trong năm 2009.
- Hành lang pháp lý cho các hoạt động nghiệp vụ của HDBank đã dần được hoàn thiện, bổ sung, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với cơ cấu mô hình tổ chức mới.
- Uy tín và thị phần hoạt động của HDBank ngày càng được nâng cao, mối quan hệ hợp tác giữa HDBank và các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng.

11. Vị thế của HDBank so với các ngân hàng khác trong cùng ngành

11.1 Vị thế của HDBank trong ngành ngân hàng

Với 21 năm hoạt động, và với kết quả kinh doanh khả quan trong các năm vừa qua, hiện nay HDBank được đánh giá là một trong những ngân hàng TMCP uy tín, năng động tại Việt Nam. HDBank vinh dự đón nhận giải thưởng “**Thương hiệu mạnh Việt Nam**” cho 2 năm liên tiếp 2008-2009. Đây là giải thưởng uy tín do Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục Xúc Tiến Thương Mại (Bộ Công Thương) tổ chức nhằm tôn vinh các đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, phát triển thương hiệu bền vững. Với việc đón nhận giải thưởng này, HDBank khẳng định bước chuyển mình mạnh mẽ trong việc phát triển thương hiệu HDBank – “**Ngân hàng tiết kiệm tốt nhất**”.

Trong thời gian tới, HDBank sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ để đáp ứng tốt những yêu cầu mới trong hoạt động kinh doanh: mở rộng mạng lưới, tăng trưởng về quy mô hoạt động, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, đầu tư mới công nghệ, phát triển các loại hình dịch vụ, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn theo quy định... Từ đó, HDBank có thể đảm bảo tăng trưởng bền vững, nằm trở thành một trong số những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam.

11.2 Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng

Đề án phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của NHNN gồm các nội dung cơ bản:

- Hình thành đồng bộ khung pháp lý minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống.
- Đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế về tài chính ngân hàng theo lộ trình và bước đi phù hợp với năng lực cạnh tranh của các TCTD và khả năng của NHNN về kiểm soát hệ thống.

- Cải cách căn bản, triệt để nhằm phát triển hệ thống các TCTD Việt Nam theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng, đa dạng về sở hữu và loại hình TCTD, có qui mô hoạt động và tiềm lực tài chính mạnh.
- Tăng cường năng lực tài chính của các TCTD theo hướng tăng vốn tự có và nâng cao chất lượng tài sản và khả năng sinh lời.

Theo chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng đến năm 2010 và tầm nhìn 2020 do NHNN công bố⁵, một số chỉ tiêu của ngành ngân hàng trong giai đoạn 2006-2010 là:

- Tăng trưởng huy động vốn bình quân: 18-20%/năm.
- Tăng trưởng tín dụng bình quân: 18-20%/năm.
- Tỷ trọng nguồn vốn trung, dài hạn trong tổng nguồn vốn huy động: 33-35%/năm.
- Tăng trưởng doanh số thanh toán qua ngân hàng bình quân: 25-30%/năm.
- Tỷ trọng dư nợ tín dụng trung, dài hạn trên tổng dư nợ tín dụng: 40-42%.
- Tỷ trọng nợ xấu so tổng dư nợ tín dụng đến năm 2010(chuẩn quốc tế): 5-7%.
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đến năm 2010: 8%.

11.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của HDBank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Với định hướng tiếp tục vươn lên top dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam, rút ngắn khoảng cách về quy mô với các ngân hàng thương mại Nhà nước, HDBank đã và đang tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển với các chỉ số tăng trưởng cao về tổng tài sản, huy động vốn, dư nợ tín dụng... Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, HDBank cũng rất chú trọng vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Ngân hàng đang hướng dần công tác quản trị và điều hành theo các chuẩn mực quốc tế. Các yếu tố đó thể hiện các định hướng và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành ngân hàng, sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

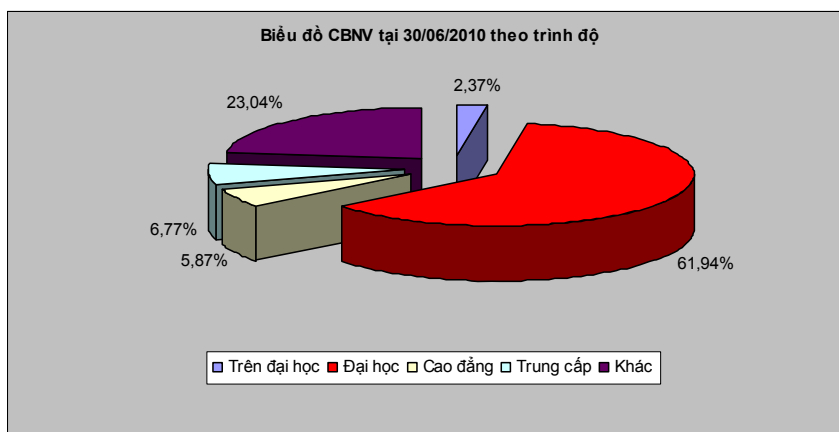
12. Chính sách đối với người lao động

HDBank luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Ngân hàng. Chính sách nhân sự của HDBank được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

Năm 2009 với việc tái cấu trúc và mở rộng mạng lưới lên 65 điểm trên toàn quốc, HDBank đã tuyển dụng hơn 600 người, nâng tổng số CBNV lên đến 1.286, tăng 64% so với năm 2008. Tính đến 30/06/2010, tổng số CBNV của HDBank là 1.432 người, tăng 11,35% so với cuối năm 2009.

Bên cạnh việc mở mới các điểm giao dịch, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là việc tất yếu của HDBank. CBNV có trình độ trên đại học và đại học tính đến 30/06/2010 là 921 người, chiếm 64,32% tổng số CBNV trên toàn hệ thống.

⁵ Theo Bản giới thiệu những nội dung trọng tâm của Chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng đến 2010 và tầm nhìn 2020 của Tiến sĩ Nguyễn Đại Lai ngày 02/10/2006.



Nguồn: HDBank

HDBank luôn có chính sách chế độ đãi ngộ linh hoạt dành cho CBNV. Năm 2009, tổng số khóa đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, hội nghị tập huấn HDBank đã thực hiện là 42 khóa với 893 lượt CBNV tham dự. Hằng năm, HDBank vẫn đào tạo cập nhật kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ tín dụng, giao dịch viên, kiểm ngân qua các khóa “Kỹ năng giao tiếp, chăm sóc khách hàng”, “chuyên viên quan hệ khách hàng chuyên nghiệp”, “phân biệt ngoại tệ, tiền giả”...

Ngoài việc cập nhật kiến thức, nâng cao nghiệp vụ, HDBank còn nâng cao kỹ năng truyền đạt với cán bộ quản lý qua khóa đào tạo “Giảng viên nội bộ HDBank” nhằm tạo đội ngũ kế thừa, tạo cơ hội cho CBNV phấn đấu để phát triển trong nghề nghiệp và thăng tiến.

Ngoài ra, HDBank cũng rất chăm lo tới đời sống của CBNV thông qua các chính sách: Thường xuyên khen thưởng CBNV hoàn thành kế hoạch vào định kỳ hàng Quý và cuối năm; Khám sức khỏe định kỳ 2 đợt/năm cho toàn thể CBNV theo đúng thỏa ước lao động tập thể; Tổ chức cho CBNV các sinh hoạt tập thể; Các tổ chức đoàn thể thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CBNV, tạo sự gắn bó, đoàn kết, nâng cao hiệu quả làm việc. Công đoàn HDBank đã được Liên đoàn lao động TP.HCM trao tặng giấy khen xuất sắc và Đoàn thanh niên HDBank cũng được Thành đoàn TP.HCM và Đoàn khối ngân hàng trao tặng danh hiệu xuất sắc trong hoạt động công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi 5 năm liền.

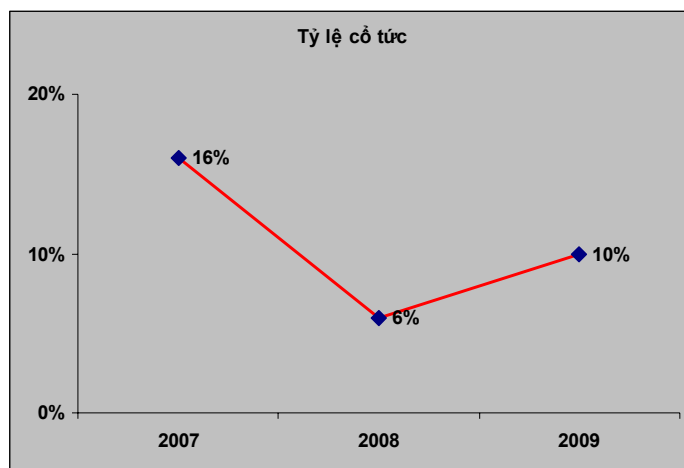
HDBank đang trong quá trình đổi mới để nâng cao quy mô, chất lượng hoạt động, mang đến cho khách hàng nhiều dịch vụ tài chính ngân hàng tốt nhất, bằng nguồn nhân lực “chất lượng cao”.

13. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của HDBank được thực hiện dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức;
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho cổ đông vào giữa kỳ nếu xét thấy khả năng chi trả phù hợp và đảm bảo lợi ích của HDBank.



Nguồn: HDBank

14. Tình hình tài chính

14.1. Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/06/2010 |
|---|------------|------------|------------|
| 1. Quy mô vốn | | | |
| Vốn điều lệ | 1.550.000 | 1.550.000 | 1.550.000 |
| Tổng tài sản có | 9.557,92 | 19.127,43 | 21.753,21 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | 28,66% | 15,67% | 12,40% |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | |
| Tổng vốn huy động | 7.772,21 | 17.119,14 | 19.636,23 |
| Tổng dư nợ | 6.175,40 | 8.230,88 | 7.442,4 |
| <i>Trong đó</i> | | | |
| - Nợ quá hạn | 229,02 | 134,82 | 147,03 |
| - Nợ xấu | 118,93 | 90,68 | 104,05 |
| 3. Hệ số sử dụng vốn | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | 3,58% | 10,81% | 6,51% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 0,63% | 1,02% | 0,46% |
| Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh | 0% | 0% | 0% |
| Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ | 3,71% | 1,66% | 1,98% |
| Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ | 1,93% | 1,10% | 1,40% |
| 4. Khả năng thanh khoản | | | |
| Khả năng thanh toán ngay (=Tài sản có động/tài sản nợ động) | 180% | 246% | 176% |
| Khả năng thanh toán chung (=Tổng dư nợ cho vay trung dài hạn/nguồn vốn dùng để cho vay trung, dài hạn) | 113% | 147% | 106% |

Nguồn: HDBank

Trong đó:

Nợ quá hạn = Nợ cần chú ý + Nợ dưới tiêu chuẩn + Nợ nghi ngờ + Nợ có khả năng mất vốn

Nợ xấu = Nợ dưới tiêu chuẩn + Nợ nghi ngờ + Nợ có khả năng mất vốn

14.2. Xếp hạng theo quy chế xếp loại của Ngân hàng Nhà nước

Theo kết quả đánh giá, xếp loại của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – chi nhánh TP.HCM: căn cứ báo cáo về kết quả tự đánh giá xếp loại HDBank số 262/NHNN-HCM.08.m ngày 31/12/2009, HDBank đạt hạng B trong năm 2008.

Căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12/03/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy định xếp loại ngân hàng thương mại cổ phần, HDBank đã tự đánh giá, xếp loại cho kết quả hoạt động của HDBank năm 2009 và gửi trình lên Ngân hàng Nhà nước theo quy định. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước chưa có thông báo về kết quả xếp loại của các ngân hàng trong năm 2009. Theo kết quả tự đánh giá, xếp loại của Ngân hàng, thì HDBank đạt hạng A trong năm 2009.

15. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

15.1 Hội đồng Quản trị

(1). Bà Lê Thị Băng Tâm - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **LÊ THỊ BĂNG TÂM** Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 16/4/1947
- Nơi sinh: Tuy Hòa, Phú Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số: 010 043 782 cấp ngày: 18/02/2008 tại: Công an Thành phố Hồ Chí Minh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 33, Ngõ số 2, Giảng Võ, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Nhà 33, Ngõ số 2, Giảng Võ, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế tại Liên Xô chuyên ngành tài chính tín dụng; Chứng chỉ tài chính quốc tế tại trường Noth University, London, Anh Quốc; Tốt nghiệp Khoa quản lý kinh tế cao cấp tại Liên Xô
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|---|--|
| 1969 | Đại học tài chính kế toán Hà Nội | Kế toán |
| 1982 - 1984 | Leningrat – Liên Xô | Quản lý kinh tế cao cấp |
| 1987 - 1989 | Đại học kinh tế tài chính Liên Xô | Nghiên cứu sinh tiến sỹ chuyên ngành tài chính, tín dụng |
| 2001 | Trường Noth University London, Anh Quốc | Chứng chỉ tài chính quốc tế |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-----------------|---|---|
| 1969 - 1974 | Trường Đại học Tài chính kế toán HN | Giảng viên |
| 1974 - 1982 | Bộ tài chính | Phó trưởng phòng |
| 1989 - 1995 | Kho bạc Nhà nước Trung ương | Phó cục trưởng, Cục trưởng, Tổng giám đốc |
| 1995 - 2006 | Bộ tài chính | Thứ trưởng, Ủy viên Ban cán sự |
| 2006 - 2008 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | Chủ tịch HĐQT |
| 3/2010 – 6/2010 | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM (HDBank) | Thành viên HĐQT độc lập |
| 6/2010 - nay | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM (HDBank) | Chủ tịch HĐQT |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **0** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

(2). Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO** Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 07/6/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số: 011 578 993 cấp ngày: 13/4/2004 tại: Công an Thành phố Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 52 Ngô Thị Nhậm, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: 128 Phú Gia, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng tại Học viện Thương mại Matcova, Cử nhân ngành Quản lý kinh tế lao động Trường Kinh tế Quốc dân Matcova, Tiến sỹ Học viện Mendeleev ngành điều khiển học kinh tế - Liên bang Nga.
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|----------------|----------------------|
|-----------|----------------|----------------------|

| | | |
|-------------|--------------------------------------|--------------------------------|
| 1993 - 1997 | Trường ĐH Thương mại – Liên bang Nga | Tài chính, tín dụng, ngân hàng |
| 1994 - 1997 | Học viên Mendeleev – Liên bang Nga | Hóa học |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---------------------------------------|--|
| 1988 - 2002 | Liên bang Nga, Việt Nam | Học tập và làm việc tại Liên bang Nga. Tham gia sáng lập, quản trị tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB), Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank) |
| 2002 - 2009 | Việt Nam | Làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bất động sản, thủy điện |
| 3/2008 – 01/2009 | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM | Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT |
| 01/2009 - nay | | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **3.839.443** cổ phần, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;

+ Sở hữu cá nhân: 3.839.443 cổ phần, chiếm 2,4771 % vốn điều lệ)

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng:

| Stt | Họ và tên | Quan hệ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn điều lệ |
|-----|-------------------|---------|--------------------------|----------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thanh Hùng | Chồng | 3.495.054 | 2,2549% |

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

(3). Ông Diệp Dũng - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **DIỆP DŨNG**

Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 01/8/1968

- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

- Giấy CMND số: 023 281 784 cấp ngày: 13/4/2009 tại: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 742 Nguyễn Chí Thanh, Phường 4, Quận 11, TP. HCM

- Chỗ ở hiện tại: 742 Nguyễn Chí Thanh, Phường 4, Quận 11, TP. HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Y khoa; Thạc sỹ khoa học ngành Tài chính doanh nghiệp; Đào tạo sau Đại học “Kinh tế ứng dụng vào phân tích chính sách” – Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright. Lý luận chính trị: đang học cao cấp chính trị
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------------|---|---|
| 1986 - 1992 | Trường Đại học Y Dược TP. HCM | |
| 8/1996 – 6/1997 | Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright | Đào tạo sau đại học “Kinh tế ứng dụng vào phân tích chính sách” |
| 4/1999 – 8/2002 | Bentley College, Boston, Massachussette, Hoa Kỳ | Thạc sỹ khoa học ngành Tài chính doanh nghiệp |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|--|--|
| 9/1992 – 4/1999 | Công ty liên doanh Xây dựng và Kinh doanh Khu Chế xuất Tân Thuận | Thư ký, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc, Chủ nhiệm dự án kiêm Trợ lý Phó Tổng Giám đốc |
| 8/2002 - 2008 | Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright | Giảng viên thỉnh giảng |
| 01/2003 – 11/2004 | Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận | Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Ban Ban quản trị điều hành Khu Công nghiệp Hiệp Phước |
| 12/2004 – 3/2010 | Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận | Phó Tổng Giám đốc |
| 3/2010 – nay | Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM | Tổng Giám đốc |
| 3/2010-nay | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM (HDBank) | Thành viên HĐQT |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **14.851.604** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức (Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM): 14.851.604 cổ phần, chiếm 9,5817 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

(4). Ông Nguyễn Hữu Thành – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN HỮU THÀNH** Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 1953
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số: 020 137 391 cấp ngày: 11/4/1998 tại: Công an Thành phố Hồ Chí Minh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 51B Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại: 51B Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Luật, Cao cấp chính trị
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|-------------------------------------|----------------------|
| 1975 - 1980 | Đại học Bách khoa TP. HCM | Kỹ sư xây dựng |
| 1994 - 1998 | Đại học Luật TP. HCM | Cử nhân Luật |
| 1997 - 1998 | Học viện chính trị quốc gia TP. HCM | Cao cấp chính trị |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---------------|--|---|
| 1980 - 1986 | Xí nghiệp Xây lắp thuộc Công ty Cơ khí – Bộ Cơ khí Luyện kim | Đội trưởng thi công, Chỉ huy trưởng công trường, Phó phòng Kỹ thuật |
| 1986 - 1987 | Văn phòng UBND Quận 3 | Cán bộ tổng hợp |
| 1987 - 1989 | Ban Quản lý công trình Quận 3 | Quyền Trưởng ban |
| 1989 - 1991 | Đội quản lý và phát triển Nhà Quận 3 | Đội trưởng |
| 1991 - 1998 | Công ty xây dựng và phát triển Nhà Quận 3 | Giám đốc |
| 1998 - 2008 | Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn | Phó TGD thường trực |
| 2008 – 6/2010 | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM | Chủ tịch HĐQT |
| 6/2010-nay | | Thành viên HĐQT |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **2.200.000** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 2.200.000 cổ phần, chiếm 1,4194 % vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

(6). Ông Lưu Đức Khánh - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **LƯU ĐỨC KHÁNH** Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 02/9/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số: 022 326 659 cấp ngày: 08/6/2007 tại: Công an Thành phố Hồ Chí Minh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 617/41A Nguyễn Kiệm, P. 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại: 617/41A Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế, Trường Đại học New England (Úc)
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1980-1984 | Trường ĐH Bách Khoa LVOB - Nga | Thiết bị Điện tử và Bán dẫn |
| 1989 - 1993 | Trường ĐH Kinh tế TP. HCM | Cử nhân Kinh tế Ngoại thương |
| 1992-1996 | Trường ĐH New EngLand - Úc | Thạc sỹ QTKD Quốc tế |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|--|-------------------------|
| 1984 - 1987 | Quân đội | |
| 1987 – 01/1995 | Công ty CCL Sài Gòn | Phó TGĐ |
| 01/1995 – 8/1995 | Ngân hàng Vietcombank | Giám đốc |
| 8/1995 – 02/2006 | Ngân hàng HSBC (Việt Nam) | Giám đốc chiến lược |
| 02/2006 – 11/2006 | Ngân hàng Techcombank | Phó TGĐ |
| 12/2006 – 11/2008 | Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank) | Tổng Giám đốc |
| 11/2008 – 12/2009 | Công ty cổ phần Sovico (Sovico Holdings) | Tổng Giám đốc điều hành |
| 03/2009 – đến nay | HDBank | Thành viên HĐQT |
| 01/2010 – đến nay | Công ty Wonder Buy | Chủ tịch HĐQT |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): 0 cổ phần, trong đó:

- + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15.2 Ban Kiểm soát

(1). Bà Đặng Thị Quý - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **ĐẶNG THỊ QUÝ** Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 02/11/1956
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 021727613 cấp ngày: 17/09/93 tại: CA TP.HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 63 Nguyễn Trọng Tuyển, P15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
- Chỗ ở hiện tại : 63 Nguyễn Trọng Tuyển, P15, Q. Phú Nhuận , TP.HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|--|--|
| 8/1999 | TT ĐT Ngân hàng Công thương VN | Nghịệp vụ Tín dụng Việt Đức |
| 12/2000 | Tòa Án nhân dân TP. HCM | Bồi dưỡng Pháp luật kinh tế |
| 6/2003 | TT ĐT Ngân hàng Công thương VN | Nghịệp vụ Tín dụng nâng cao |
| 11/2003 | TT ĐT Ngân hàng Công thương VN | Quản lý nghịệp vụ Tín dụng |
| 10/2004 | TT ĐT Ngân hàng Công thương VN | Marketing và quản trị dịch vụ khách hàng |
| 7/2005 | Trung tâm đào tạo nghịệp vụ Ngân hàng - MPDF | Kỹ năng quản lý dành cho lãnh đạo cơ sở |
| 04/2005 | ATTF | Internal Control and External Audit |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| 1980 - 2002 | Ngân hàng Công Thương Chi nhánh 1 | Cán bộ Tín dụng |

| | | |
|------------------|--|-----------------------------------|
| 2002 - 2003 | Ngân hàng Công Thương Chi nhánh 1 | Phó phòng Tín dụng |
| 2003 - 12/2004 | Ngân hàng Công Thương Chi nhánh 1 | Trưởng Phòng nguồn vốn - Tiếp thị |
| 12/2004 - 8/2006 | Techcombank | Trưởng Ban Kiểm soát Phía Nam |
| 9/2006 - 3/2008 | Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP.HCM (HDBank) - Hội sở | Trưởng Ban Tư vấn Tín dụng |
| 4/2008 đến nay | | Trưởng Ban Kiểm soát |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **16.708** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 16.708 cổ phần, chiếm 0,011 % vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

(2). Bà Nguyễn Thị Phụng - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ PHỤNG** Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 13/12/1973
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 022491222 cấp ngày: 29/03/2010 tại: CA TP. HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 107 Đường số 45 - Phường 6 - Quận 4 – TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại : 64/26/5, đường Nguyễn Khoái - Phường 2 - Quận 4 – TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Tài chính Tiền tệ - Ngân hàng
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|--------------------------|--|
| 1994-1999 | Đại học kinh tế | Tiền tệ tín dụng |
| 2006 | Hiệp hội ngân hàng | Bồi dưỡng Kiến thức Pháp luật |
| 6/2007 | Hiệp hội ngân hàng | Kiểm soát, kiểm toán nội bộ các tổ chức tín dụng |
| 10/2007 | Trường Đại học Ngân hàng | Phân tích tài chính doanh nghiệp |

| | | |
|--------|------|--------------------------------|
| 9/2009 | VCCI | Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp |
|--------|------|--------------------------------|

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ | Khen thưởng | Kỷ luật |
|----------------|---|-------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1995 – 2000 | Ngân hàng TMCP Gia Định - Hội sở | Thanh toán viên, kế toán tổng hợp | | |
| 2000 – 2002 | Ngân hàng TMCP Gia Định - Chi nhánh Đakao | Cán bộ Tín dụng | | |
| 2002 – 2003 | Ngân hàng TMCP Gia Định - Phòng Kế toán Hội sở | Kiểm soát viên | | |
| 2003 – 2007 | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM (HDBank) | Chuyên viên Kiểm soát nội bộ Hội sở | | |
| 2007 - 3/2008 | | Kiểm toán viên (Kiểm toán nội bộ) | Kiểm toán viên xuất sắc năm 2007 | |
| 4/2008 đến nay | | Thành viên Ban kiểm soát | | |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **1.806** cổ phần, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;

+ Sở hữu cá nhân: 1.806 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ)

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

(3). Ông Đào Duy Tường – Thành viên Ban Kiểm soát bán chuyên trách

- Họ và tên : **ĐÀO DUY TƯỜNG** Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 13/4/1970

- Nơi sinh : Hải Phòng

- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

- Giấy CMND số: 025149993 cấp ngày: 29/6/2009 tại: CA TP. HCM

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D507 C/c Phan Xích Long, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

- Chỗ ở hiện tại : D507 C/c Phan Xích Long, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-------------|--------------------------------|--|
| 1991 - 1996 | Trường ĐH KT Quốc dân Hà Nội | Kế toán tổng hợp |
| 1996 | Trường ĐH KT Quốc dân Hà Nội | Chứng chỉ Kế toán trưởng |
| 2006 | Trường Đại học Kinh tế TP. HCM | Chứng chỉ Giám đốc tài chính |
| 2007 | Trường Đại học Ngân hàng | Phân tích Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|--|---|
| 01/1997 – 6/2004 | Công ty Sông Hồng – Bộ Quốc phòng | Kế toán trưởng XN347 |
| 6/2004 – 6/2007 | CTCPĐT XD&PTHT Phú An | Kế toán trưởng |
| 7/2007 đến nay | CTCP Đầu tư Sóng Việt | Kế toán trưởng |
| 3/2010 đến nay | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM (HDBank) | Thành viên Ban kiểm soát bán chuyên trách |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): 0 cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15.3 Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính:

(1). Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

(Đã trình bày ở trên)

(2). Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN ĐOÀN DUY ÁI - Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 29/12/1963
- Nơi sinh : Quy Nhơn

- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 021080963 cấp ngày: 22/02/1999 tại: CA TP. HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C170 Bis Đường Xóm Chiếu, P.14, Quận 4, TP.HCM
- Chỗ ở hiện tại : C170 Bis Đường Xóm Chiếu, P.14, Quận 4, TP.HCM
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Ngân hàng (Tín dụng)
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|-------------------------------------|-------------------------|
| 1982-1986 | Trường Đại học Ngân hàng | Tín dụng |
| 11/2006 | Công ty đào tạo nghiệp vụ ngân hàng | Kỹ năng quản lý cao cấp |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|----------------|---|--------------------------------|
| 1986 - 1989 | Trường Đại học Ngân hàng | Giảng viên |
| 1990 - 1994 | Công ty lương thực Thành phố | Chuyên viên XNK |
| 1995 - 1996 | Ngân hàng Credit Lyonnais | Chuyên viên Thanh toán Quốc tế |
| 1996 - 1998 | VP đại diện công ty Recofi | Trợ lý Tổng Giám đốc |
| 1999 - 2000 | Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương, Chi nhánh HCM | Phó Giám đốc |
| 2000 - 2002 | Ngân hàng VPBank, Chi nhánh HCM | Phó Giám đốc |
| 2002 - 2004 | Ngân hàng Kỹ thương, Chi nhánh Gia Định | Phó Giám đốc |
| 2004 – 2007 | | Giám đốc |
| 8/2007 đến nay | Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP.HCM (HDBank) | Phó Tổng Giám đốc |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **9.136** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 9.136 cổ phần, chiếm 0,006 % vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

(3). Ông Nguyễn Hữu Đặng - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **NGUYỄN HỮU ĐẶNG** Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 20/12/1970
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 024370051 cấp ngày: 18/02/2005 tại: CA TP.HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 7A/134 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại: 7A/134 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Ngân hàng
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|-----------------------------|--------------------------------------|
| 9-10/2002 | Học viện Ngân hàng | Kỹ thuật thẩm định giá |
| 8-9/ 2002 | Bộ Tài Chính | Quản trị rủi ro Ngân hàng |
| 2-3/ 2005 | Bộ Tài Chính | Xây dựng hệ thống tài chính bền vững |
| 3-7/ 2006 | PACE | Giám đốc điều hành |
| 4/2006 | Hiệp hội Ngân hàng | Quản trị rủi ro |
| 3/2007 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Quản trị rủi ro Ngân hàng |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|--|--|
| 07/1993 - 7/1995 | Ngân hàng Nhà Nước tỉnh Đồng Tháp | Cán bộ chuyên quản các TCTD ngoài quốc doanh |
| 07/1995 - 7/1999 | Ngân hàng Công Thương Long An | Cán bộ Tín dụng |
| 7/1999 - 9/2002 | Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM (HDBank) - Hội sở | Chuyên viên Kinh doanh - Phòng KD |
| 9/2002 -3/2004 | | Phó phòng Kinh doanh |
| 3/2004 -10/2007 | | Trưởng Phòng Kinh doanh |
| 10/2007 đến nay | | Phó Tổng Giám đốc |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **66.188** cổ phần, trong đó:

- + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
- + Sở hữu cá nhân: 66.188 cổ phần, chiếm 0,043 % vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

(4). Ông Nguyễn Mạnh Quân - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **NGUYỄN MẠNH QUÂN** Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 02/04/73
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 011691034 cấp ngày: 16/08/2007 tại: CA Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34 , ngõ 178/1 Thái Hà, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại : Phòng 1.1 và 1.2, Chung cư 35 Nguyễn Văn Tráng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế toán tài chính; Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|-----------------------------|--------------------------|
| 1994 | Đại học Ngoại thương Hà Nội | Nghiệp vụ Xuất nhập khẩu |
| 1998 | Citibank, Manila | Kế toán và Kiểm toán |
| 1998 | Citibank, TP.HCM | Cán bộ quản lý |
| 1998 | Citibank, Singapore | Dịch vụ khách hàng |
| 2000 | Citibank, HongKong | Cán bộ quản lý dự án |
| 2002 | Citibank, HongKong | Cán bộ tuân thủ |
| 2003 | Citibank, Manila | Quản lý rủi ro |
| 2004 | Citibank, Bangkok | Phân tích tài chính |
| 2004 | Citibank, HongKong | Nâng cao về tuân thủ |
| 2005 | KPMG, Hà Nội | Kiểm toán nâng cao |

| | | |
|------|----------------|----------------|
| 2005 | HSBC, HongKong | Cán bộ quản lý |
|------|----------------|----------------|

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|-----------------|--|
| 1994 - 1997 | VID Public Bank | Trưởng Phòng Dịch vụ tài khoản |
| 1997 - 1999 | Citibank VN | Giám đốc phụ trách nghiệp vụ thanh toán và XNK |
| 1999 - 3/2003 | Citibank VN | Giám đốc phụ trách dịch vụ |
| 2000 - 6/2005 | Citibank VN | Giám đốc quản lý chất lượng |
| 4/2002 - 6/2005 | Citibank VN | Phó Giám đốc tuân thủ |
| 3/2003 - 06/2005 | Citibank VN | Giám đốc Kiểm soát nội bộ |
| 07/2005 - 10/2007 | HSBC | Giám đốc Pháp chế, Tuân thủ, Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro |
| 10/2007 - 2/2009 | SeAbank | Phó Tổng GD phụ trách miền Trung và miền Nam kiêm Giám đốc chi nhánh HCM |
| 02/2009 đến nay | HDBank | Phó Tổng Giám đốc |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010.): **0** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: **0** cổ phần, chiếm **0 %** vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0 %** vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

(5). Ông Lê Hồng Sơn - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **LÊ HỒNG SƠN** Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 29/07/1964
- Nơi sinh : Yên Bái
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 025050144 cấp ngày: 18/12/2009 tại: CA TP. HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 42/3 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM
- Chỗ ở hiện tại : K1.13, Khu dân cư Tân Quy Đông, P.Tân Phong, Quận 7, TP. HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh ; Cử nhân ngành Ngoại ngữ Tiếng Anh; Cử nhân ngành Kinh tế ngoại thương; Cử nhân ngành Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|-----------------------------|----------------------|
| 1987-1991 | Đại học Kinh tế Đà Nẵng | KHH Kinh tế quốc dân |
| 1994-1998 | Đại học Ngoại ngữ Hà Nội | Tiếng Anh |
| 1994-1997 | Đại học Ngoại thương Hà Nội | Kinh tế đối ngoại |
| 2003-2006 | Đại học Kinh tế TP.HCM | MBA |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---|---|
| 1983 - 1987 | Ngân hàng Thành phố Đà Nẵng (Ngân hàng Công Thương Đà Nẵng) | Cán bộ phòng Tiền tệ; Cán bộ Tín dụng |
| 1987 - 1991 | Nhà xuất bản Đà Nẵng | Nhân viên Ban quản lý xuất bản ; Kế toán Tổng hợp |
| 1991 - 1994 | Vietcombank Đà Nẵng - Phòng Thanh toán Quốc tế | Nhân viên |
| 1994 - 1995 | Vietcombank Đà Nẵng | Kiểm soát Trưởng |
| 1995 - 2002 | Vietcombank Đà Nẵng | Trưởng Phòng Kinh doanh dịch vụ |
| 01/2002 - 4/2007 | Ngân hàng Ngoại thương , TP. HCM (VCB); Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương (VCBS) | Giám đốc chi nhánh TP.HCM - VCB; Phó Giám đốc VCBS |
| 04/2007 - nay | Công ty CP chứng khoán Phú Gia | Tổng Giám đốc |
| 02/2009 - 5/2009 | Ngân hàng TMCP Phát Triển nhà TP. HCM (HDBank) | Trợ lý Tổng Giám đốc về vận hành Hệ thống |
| 05/2009 đến nay | | Phó Tổng Giám đốc |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **0** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

(6). Ông Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN MINH ĐỨC Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 06/01/1962
- Nơi sinh : Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 024749708 cấp ngày: 12/03/2008 tại: CA TP. HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 238/4 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Quận 3, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại : 238/4 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Quận 3, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế; Cử nhân Luật
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|---|--|
| | Đại học Kinh tế | Giám đốc điều hành |
| 1995 | Asian Bankers Associaton | Bank Management |
| 1997 | Swedish Sida/ World bank project for the Development of the Vietnamese Banking Sector | Advanded Bank Management |
| 2010 | Asian Bankers Associaton | Các nghiệp vụ Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|--|---|
| 1985 - 7/1992 | Đại học Hàng Hải | Giảng viên Khoa Kinh tế |
| 9/1992-10/2002 | Maritime Bank | Trưởng Phòng Kế toán; Phó Giám đốc; Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc |
| 10/2002-05/2009 | Maritime Bank – Chi nhánh Tp.HCM | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh |
| 01/8/2009 đến nay | Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM (HDBank) | Phó Tổng Giám đốc |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): 0 cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;

+ *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

(7). Ông Lê Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **LÊ THANH TÙNG** Giới tính: Nam
- Sinh ngày : 30/12/1971
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số: 024177034 cấp ngày: 25/08/2003 tại: CA TP. HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 791/92 Trần Xuân Soạn, KP4, P.Tân Hưng, Q.7, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại: 791/92 Trần Xuân Soạn, KP4, P.Tân Hưng, Q.7, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật; Cử nhân Tài chính
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|--|---|
| 1995-1996 | Trường Đại học Ngân hàng | Chuyên viên thị trường chứng khoán |
| 06/1998 | Tổ chức SIDA tập huấn | Quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng |
| 07/2002 | Trường Đại học kinh tế TP.HCM | Cán bộ TD Ngân hàng thương mại |
| 08/2002 | Bộ Tài Chính | Quản lý rủi ro ngân hàng |
| 08/2002 | Học viện Ngân hàng – Phân viện TP. HCM | Nghiệp vụ phân tích tín dụng |
| 10/2002 | Bộ Tài Chính | Kỹ năng dành cho nhà quản lý |
| 2002-2005 | Trường Đại học Luật TP.HCM | Cử nhân luật |
| 09/2006 | Trường Doanh nhân PACE | PRO_CEO Giám đốc điều hành của ILM Anh Quốc |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------|-----------------------------|-----------|
| 1993 - 1996 | Công ty Tài chính Seaprodex | Nhân viên |

| | | |
|-------------------|---|---|
| 1996 - 1998 | Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương | Chuyên viên tín dụng |
| 1998 - 11/2002 | Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM (HDBank) | Chuyên viên Kinh doanh |
| 11/2002 - 2004 | | Q. Trưởng Phòng Giao dịch Quận 5 |
| 02/2004 - 05/2009 | | Giám đốc chi nhánh Nguyễn Trãi |
| 05/2009 - 09/2009 | | Giám đốc khu vực kiêm Giám đốc chi nhánh Nguyễn Trãi |
| 09/2009 đến nay | | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Nguyễn Trãi |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **64.141** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 64.141 cổ phần, chiếm 0,041 % vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

(8). Ông Phạm Văn Đầu - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **PHẠM VĂN ĐẦU** Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 10/05/1973
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Giấy CMND số: 311842506 cấp ngày: 06/02/2006 tại: CA Tiền Giang
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, Cái Bè, Tiền Giang
- Chỗ ở hiện tại : 217/70/32 Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo |
|-----------|--------------------|-------------------------------|
| 01/2006 | Hiệp hội ngân hàng | Bồi dưỡng kiến thức Pháp luật |
| 2006 | PACE | Giám đốc Tài chính |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|---|--|
| 1995 -1999 | Ngân hàng TMCP Đệ Nhất | Chuyên viên tín dụng |
| 1999 | Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM (HDBank) | Chuyên viên |
| 11/2002 | | Phó phòng Kinh doanh |
| 03/2005 -03/2008 | | Trưởng Phòng Kế hoạch Phát triển |
| 03/2008 -05/2008 | | Trưởng Phòng Kế hoạch Phát triển kiêm Trưởng PGD Phú Mỹ Hưng |
| 05/2008 -08/2008 | | Phó Giám đốc chi nhánh Nguyễn Trãi kiêm Trưởng PGD Phú Mỹ Hưng |
| 08/2008 - 09/2009 | | Trưởng Phòng Kế hoạch Phát triển |
| 16/9/2009 đến nay | | Giám đốc Tài chính kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp |

- Số cổ phần nắm giữ (Tính đến 30/6/2010): **12.923** cổ phần, trong đó:
 - + Đại diện phần vốn của tổ chức: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu cá nhân: 12.923 cổ phần, chiếm 0,0083 % vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng : Không có
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

16. Tài sản

16.1 Danh mục tài sản của Ngân hàng

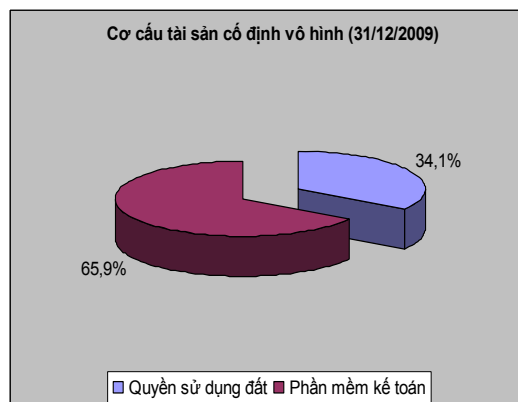
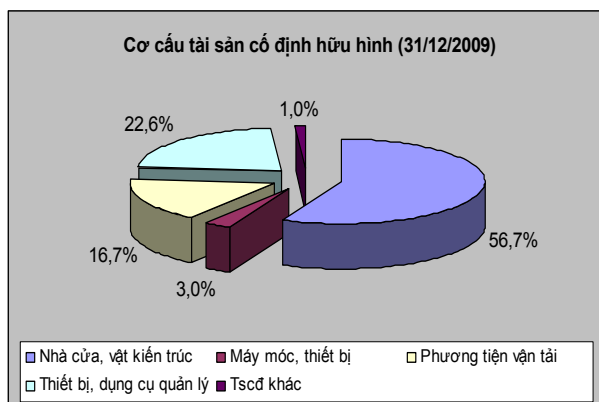
Danh mục tài sản của Ngân hàng

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/Nguyên giá |
|--------------------------------|---------------|-----------------|------------------------------|
| 31/12/2008 | 167,95 | 150,49 | 89,60% |
| Tài sản cố định hữu hình | 144,49 | 127,57 | 88,29% |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 0,00 | 0,00 | - |
| Tài sản cố định vô hình | 23,55 | 22,92 | 97,33% |
| 31/12/2009 | 281,86 | 250,62 | 88,91% |
| Tài sản cố định hữu hình | 215,78 | 187,26 | 86,79% |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 0,00 | 0,00 | - |
| Tài sản cố định vô hình | 66,09 | 63,36 | 95,87% |

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/Nguyên giá |
|--------------------------------|---------------|-----------------|------------------------------|
| 30/06/2010 | 299,99 | 262,32 | 85,30% |
| Tài sản cố định hữu hình | 230,03 | 196,63 | 85,48% |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 0,00 | 0,00 | - |
| Tài sản cố định vô hình | 69,97 | 65,69 | 93,88% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II năm 2010 của HDBank)



16.2 Danh mục bất động sản thuộc quyền sở hữu của HDBank

Danh mục bất động sản thuộc quyền sở hữu của HDBank tính đến ngày 30/06/2010

Đơn vị: tỷ đồng

| TT | Nội dung | Diện tích | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
|----|---|-------------------|------------|-----------------|
| | | (m ²) | | |
| 1 | Toà nhà 174 Phan Đăng Lưu, Q.PN, TP.HCM | 287,3 | 8,35 | 6,95 |
| 2 | Nhà 69 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP.HCM | 250,76 | 21,38 | 20,59 |
| 3 | Đất số 8,10,11 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng | 345 | 8,63 | 8,63 |
| 4 | Đất chợ đầu mối, P.Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM | 589 | 3,59 | 3,59 |
| 5 | Nhà 281 B Lãnh Binh Thăng, Q.11, TP.HCM | 152,8 | 2,40 | 0,86 |
| 6 | Nhà 207-209 Nguyễn Trãi, Q.5, TP.HCM | 286,2 | 3,47 | 1,46 |
| 7 | Nhà 440A Cộng Hoà, Q.Tân Bình, TP.HCM | 134,7 | 5,45 | 4,64 |
| 8 | Nhà 119 Trần Hưng Đạo, TP. Phan Thiết, Bình Thuận | 225 | 12 | 12 |
| 9 | Nhà 70 Yersin, TP. Nha Trang, Khánh Hòa | 185,11 | 9,39 | 9,39 |
| 10 | Nhà 2B Lý Thái Tổ, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang | 156,2 | 6,31 | 6,31 |
| 11 | Đất Khóm 1, P.4, TX. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long | 591,2 | 9,37 | 9,37 |
| 12 | Nhà 558 Đại Lộ Bình Dương, TX. Thủ Dầu Một, | 1.086,80 | 32,04 | 30,01 |

| | | Diện tích | | |
|------------------|----------------------------------|----------------|---------------|---------------|
| | Bình Dương | | | |
| 13 | Nhà 199 Lê Văn Việt, Q.9, TP.HCM | 342,2 | 5,23 | 4,45 |
| Tổng cộng | | 4632,27 | 127,61 | 118,25 |

Nguồn: HDBank

17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

17.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2010 | | 2011 | |
|--|---------|----------------|---------|----------------|
| | Giá trị | ±% so với 2009 | Giá trị | ±% so với 2010 |
| Vốn điều lệ | 3.500 | 125,81% | 4.000 | 33,33% |
| Tổng vốn huy động | 21.000 | 22,58% | 21.500 | 38,71% |
| Dư nợ cho vay | 10.500 | 27,57% | 13.000 | 30,00% |
| Tổng Thu nhập hoạt động | 1.650 | 234,93% | 2.300 | 39,39% |
| Lợi nhuận sau thuế | 225 | 15,86% | 450 | 50,00% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập hoạt động (%) | 13,64% | -65,41% | 19,57% | 1,39% |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 13,85% | 28,10% | 14,21% | 0,36% |
| Tỷ lệ cổ tức (%) | ≥11% | 10% | 12% | 0% |

Nguồn: HDBank

17.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Việc đưa ra các chỉ tiêu cụ thể trong giai đoạn các năm tiếp theo đã được Ngân hàng tính toán một cách cẩn trọng, có xét tới những yếu tố sau đây:

17.2.1. Dự báo về phát triển kinh tế Việt Nam

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) nhìn nhận về kinh tế Việt Nam năm 2009 công bố vào ngày 15/04/2009 cho thấy, những rủi ro cũng như điểm yếu của năm 2008 đã được giảm nhẹ, hoặc cải thiện tương đối tốt trong năm 2009.

Năm 2010 nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ có những bước hồi phục tốt và cũng là bước đệm phát triển mạnh hơn cho các năm tiếp theo. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tính chung 6 tháng đầu năm tổng sản phẩm trong nước tăng 6,16% so với cùng kỳ năm trước và tăng đều cả 3 khu vực (bắc, trung, nam). Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2009 so với cùng kỳ năm 2008 là 3,87%. GDP 2 Quý đầu năm 2010 ở khu vực dịch vụ vẫn đạt mức tăng trưởng cao với tỷ lệ 7,2%. Tổng cục thống kê dẫn nguồn thông tin từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết, cán cân tổng thể đã có cải thiện nhất định, 6 tháng đầu năm 2010, cán cân thanh toán tổng thể âm 2,84 tỷ USD, trong khi 6 tháng đầu năm 2009 là âm 3,3 tỷ USD. Đầu tư bằng các nguồn vốn trong nước và vốn nước ngoài tiếp tục được duy trì ở mức cao: tổng vốn đầu tư toàn xã hội được thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2010 ước đạt 337.000 tỷ đồng, bằng 43,5% GDP (Quốc

hội đề ra là 41%), trong đó, riêng thực hiện vốn FDI ước đạt 5,4 tỷ USD, tăng khoảng 6% so với cùng kỳ năm trước. Những số liệu nêu trên cho thấy, tình hình kinh tế năm 2010 của Việt Nam đang rất khả quan. Tháng 11 năm 2009, Quốc hội thông qua nội dung nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 với chỉ tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6,5%. Nhận định về khả năng đạt được tốc độ tăng trưởng 6,5% năm 2010 hay không, ông Đỗ Thức, quyền Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê cho biết trong 6 tháng cuối năm khả năng GDP sẽ tăng 6,8 đến 7,3%. Như vậy GDP năm 2010 hoàn toàn có thể đạt và vượt con số 6,5%⁶.

17.2.2. Dự báo về phát triển của ngành ngân hàng

Năm 2008 qua đi với nhiều sự kiện trong ngành ngân hàng. Tuy nhiên, kết thúc năm 2008, lợi nhuận của nhiều ngân hàng, dù có thể chưa đạt được như kế hoạch ban đầu, nhưng vẫn cao hơn năm 2007. Với một năm khó khăn, kết quả như vậy có thể coi là khả quan. Năm 2009 vẫn được đánh giá là một năm hoạt động có nhiều thách thức đối với ngành ngân hàng, tuy nhiên, hầu hết các ngân hàng đã công bố lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch cả năm.

Lĩnh vực tài chính - ngân hàng Việt Nam được đánh giá sẽ tăng trưởng đầu tiên khi kinh tế phục hồi, dự kiến vào các quý cuối năm. Có thể nói, với tầm nhìn trung và dài hạn, các cơ hội đầu tư tại Việt Nam, đặc biệt là ngành ngân hàng đều vẫn hấp dẫn với các nhà đầu tư.

17.2.3. Các chương trình hành động của HDBank trong các năm tới

Là một ngân hàng mới và năng động, HDBank đã đạt được những kết quả hoạt động tốt trong bối cảnh nền kinh tế và ngành ngân hàng có nhiều khó khăn. Giai đoạn tiếp theo, để chuẩn bị cho quá trình cạnh tranh và vượt qua những khó khăn của nền kinh tế, HDBank đặt mục tiêu tiếp tục tăng vốn điều lệ và phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đồng thời, từng bước triển khai, xây dựng các chương trình hành động cụ thể, chi tiết như sau:

- Phát triển mạng lưới giao dịch

Trong các năm tới, HDBank sẽ tiếp tục phát triển mạng lưới mạnh mẽ trên toàn quốc (năm 2010 dự kiến đạt 90 điểm giao dịch). Với việc mở rộng mạng lưới, HDBank sẽ có điều kiện tiếp cận với số lượng khách hàng trong phạm vi rộng khắp. Qua đó, công tác huy động vốn, cấp tín dụng và các dịch vụ khác của Ngân hàng được triển khai sâu rộng hơn. Bên cạnh đó, phát triển mạng lưới cũng nhằm thực hiện theo lộ trình phát triển của HDBank trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại.

- Nâng cao tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ trong tổng thu hoạt động kinh doanh

HDBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm nguồn ngoại tệ, phát triển các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ như kinh doanh tự doanh trong nước và kinh doanh trên tài khoản nước ngoài, kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài và kinh doanh vàng vật chất trong nước; khai thác và kinh doanh có hiệu quả nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng; hoàn thiện các sản phẩm đang có, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; phát triển thêm các sản phẩm mới như tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu, kinh doanh và đầu tư trái phiếu trên thị trường sơ cấp và thứ cấp; bên cạnh các sản phẩm tài trợ thương mại, HDBank cũng đẩy mạnh và phát triển các sản phẩm thanh toán quốc tế khác như: chuyển tiền du học, chuyển tiền cho thân nhân ở nước ngoài, chuyển tiền phục vụ cho việc định cư, du lịch,

⁶ Theo <http://www.namcuong.com.vn/web> ngày 01/07/2010

chữa bệnh...; nắm bắt nhanh nhạy các thông tin thị trường để đề ra các chính sách kinh doanh phù hợp.

- *Tăng trưởng tín dụng và mạng lưới khách hàng*

Trong thời gian tới HDBank sẽ phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ nhằm tăng tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động phi tín dụng, tuy nhiên hoạt động tín dụng vẫn là hoạt động chủ đạo của Ngân hàng. Theo dự kiến, HDBank sẽ đẩy mạnh hoạt động tín dụng thông qua một số biện pháp sau:

- + Phát huy thế mạnh truyền thống về tài trợ nhà ở của HDBank thông qua việc tiếp cận các chủ đầu tư dự án để ký hợp đồng hợp tác tài trợ cho khách hàng mua nhà; tiếp cận và tài trợ vốn các chủ dự án cao ốc văn phòng ở khu vực trung tâm;
- + Tăng cường cho vay các doanh nghiệp phục vụ sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư tại các khu công nghiệp như Khu công nghiệp Hiệp Phước, Khu công nghiệp Long Hậu, Khu công nghiệp Việt Hương,...
- + Đẩy mạnh hoạt động tài trợ cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu;
- + Phát triển các sản phẩm tín dụng cá nhân mới cùng các sản phẩm tín dụng cho doanh nghiệp ứng dụng từ core banking.

- *Đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ*

Trong kế hoạch phát triển sản phẩm dịch vụ của HDBank, tập trung đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại với chất lượng phục vụ cạnh tranh là định hướng chiến lược. Năm 2009, HDBank dự kiến phát triển tối thiểu 10 sản phẩm đến 20 sản phẩm mới. HDBank sẽ tiếp tục cho ra mắt nhiều sản phẩm tiết kiệm, thanh toán mới dành cho cá nhân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc triển khai E-Banking giúp cho HDBank có thể mạnh trong cạnh tranh với các TCTD khác và tăng lượng khách hàng. Công nghệ Core Banking do HDBank đầu tư đến nay đã mang lại những lợi ích thiết thực trong công tác quản trị ngân hàng và phát triển sản phẩm dịch vụ.

Ban hành chính sách chăm sóc khách hàng một cách hữu hiệu, linh hoạt nhằm phát triển bền vững mọi nguồn vốn ổn định. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình nghiệp vụ theo hướng “*Lấy khách hàng làm trọng tâm*” nhằm khai thác tối đa mảng công nghệ thông tin, nâng cao trình độ tác nghiệp của CBNV theo tiêu chí “*Sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ là sự phát triển và thành công của HDBank*”. Đồng thời, thực hiện chính sách “*Mỗi nhân viên Ngân hàng đều góp sức trong việc tăng trưởng nguồn vốn huy động và cho vay nhằm xây dựng hình ảnh HDBank năng động đối với khách hàng có giao dịch*”.

- *Chú trọng quản trị rủi ro*

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo phục vụ tốt cho việc quản trị điều hành. HDBank đã hoàn tất việc xếp hạng tín dụng nội bộ theo tiêu chuẩn quốc tế và theo quy định của NHNN, từ đó tăng trưởng tín dụng lành mạnh theo cơ cấu danh mục cho vay ban hành từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục tái cấu trúc bộ máy hoạt động theo hướng hội nhập chuẩn mực quốc tế, phân tách rõ ràng các khối hoạt động trong Ngân hàng, chú trọng quản trị rủi

ro với phương châm khách hàng là trọng tâm phát triển.

- *Phát huy thế mạnh của hệ thống công nghệ thông tin Ngân hàng*

Ngày 02/05/2008, hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Core Banking của Ngân hàng đã được chính thức đưa vào sử dụng. Với hệ thống công nghệ này, HDBank sẽ nâng cao khả năng quản lý hoạt động kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh việc triển khai các sản phẩm dịch vụ mới như thẻ ATM, Internet banking, phone banking,... Đồng thời với việc khai thác phần mềm này đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng và nhu cầu quản lý của Ngân hàng, HDBank luôn chú trọng nâng cao tính an toàn và bảo mật cho khách hàng. Dịch vụ ngân hàng điện tử hứa hẹn sẽ đem lại nguồn thu không nhỏ trong hoạt động của Ngân hàng.

- *Đẩy mạnh hoạt động PR và Marketing*

Để triển khai cung ứng dịch vụ ngân hàng trên diện rộng với quy mô lớn, hoạt động PR sẽ được đẩy mạnh qua nhiều kênh truyền thông: báo, tạp chí, website, truyền hình,... Đồng thời, công tác PR sẽ được thực hiện hoàn chỉnh về mặt đối nội và đối ngoại nhằm nâng cao thương hiệu HDBank.

- *Tái cấu trúc bộ máy tổ chức hoạt động và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực*

Tiến hành tái cấu trúc bộ máy hoạt động theo mô hình tổ chức mới, tiến gần những chuẩn mực quốc tế của một ngân hàng hiện đại trong giai đoạn hội nhập hiện nay, các nghiệp vụ chuyên nghiệp hơn và định hướng lấy yêu cầu khách hàng làm trọng tâm cho mọi hoạt động, đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt hơn, nhanh chóng nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro.

Hệ thống quản lý chất lượng sẽ được xây dựng theo tiêu chuẩn ISO. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực sẽ được chú trọng đầu tư và phát triển phù hợp với quy mô và tổ chức của Ngân hàng.

- + Thành lập trung tâm đào tạo nội bộ của HDBank;
- + Cử cán bộ quản lý khung dự kiến để đào tạo chuyên sâu nhằm đáp ứng nguồn nhân lực quản lý cấp cao trong tương lai cho Ngân hàng;
- + Triển khai chính sách lương, thưởng phù hợp với khối lượng, chất lượng tương ứng theo trách nhiệm và hiệu quả công việc được giao trên cơ sở áp dụng phần mềm quản lý nhân sự;
- + Đảm bảo số lượng cán bộ quản lý, điều hành chi nhánh, phòng giao dịch sẽ mở mới trong năm 2010. Rà soát, sắp xếp lại nhân sự nhằm chuẩn bị tốt cho việc mở rộng mạng lưới, tăng sức mạnh về đối ngoại và giảm thiểu thời gian giao dịch đối với khách hàng;
- + Ban hành quy chế khen thưởng và xử phạt nhằm khuyến khích động viên kịp thời CBNV thực hiện tốt, xuất sắc nhiệm vụ; đồng thời kiên quyết xử lý đối với CBNV có tình vi phạm quy chế, quy trình gây thiệt hại về vật chất cũng như thương hiệu của HDBank.

18. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của HDBank, cùng với việc phân tích tình hình thị trường trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của HDBank dự

kiến trong giai đoạn 2010-2011 là có thể đạt được nếu không ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro bất khả kháng.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Các cam kết tính đến ngày 30/06/2010

| STT | Các cam kết | Giá trị (tỷ đồng) |
|----------|--------------------------------|-------------------|
| 1 | Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn | 950,24 |
| a | Bảo lãnh vay vốn | 0 |
| b | Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 150,77 |
| c | Bảo lãnh khác | 799,47 |
| 2 | Các cam kết đưa ra | 0 |
| a | Cam kết tài trợ cho khách hàng | 0 |
| b | Các cam kết khác | 0 |
| | Tổng cộng | 950,24 |

Nguồn: BCTC Q2/2010 của HDBank

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới HDBank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành.

- Không có.

V. CỔ PHẦN PHÁT HÀNH THÊM

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần đăng ký phát hành dự kiến

3.1. Tổng số cổ phần đăng ký phát hành:

Tổng số cổ phần đăng ký phát hành dự kiến là 145.000.000 cổ phần (tương đương với 1.450.000.000.000 đồng Việt Nam), bằng 93,5% so với tổng số lượng cổ phần đang lưu hành. Việc phát hành được chia ra làm 02 giai đoạn (khoảng cách giữa 02 giai đoạn không quá 12 tháng):

3.1.1. Giai đoạn 1 – phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 1.550 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Phát hành 45.000.000 cổ phần (tương ứng với 450 tỷ đồng tính theo mệnh giá cổ phần) cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách để nhận quyền mua cổ phần với tỷ lệ thực hiện quyền là 4: 1,16129032258065 (mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua, 04 quyền mua sẽ được mua thêm 1,16129032258065 cổ phần mới). Số cổ phần cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 105 cổ phần HDBank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông phát hành giai đoạn 1, khi thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu, sẽ có 105 quyền mua. Vậy số cổ phần cổ đông A sẽ được quyền mua là: $105 \times (1,16129032258065/4) = 30,4838709677419$ cổ phần, được làm tròn xuống là 30 cổ phần.

3.1.2. Giai đoạn 2 – phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu, cho cán bộ nhân viên (giai đoạn 2 thực hiện sau giai đoạn 1 không quá 12 tháng):

a) Chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Phát hành 95.000.000 cổ phần (tương đương 950 tỷ đồng tính theo mệnh giá cổ phần) cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách để nhận quyền mua cổ phần với tỷ lệ thực hiện quyền là 3:1,425 (mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua, 03 quyền mua sẽ được mua thêm 1,425 cổ phần mới). Số cổ phần cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 105 cổ phần HDBank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông phát hành giai đoạn 2, khi thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu, sẽ có 105 quyền mua. Vậy số cổ phần cổ đông A sẽ được quyền mua là: $105 \times (1,425/3) = 49,875$ cổ phần, được làm tròn xuống là 49 cổ phần.

b) Chào bán cho cán bộ nhân viên:

Phát hành 5.000.000 cổ phần (tương đương với 50 tỷ đồng tính theo mệnh giá cổ phần) cho cán bộ nhân viên của HDBank.

Tiêu chí lựa chọn CBNV:

- Chào bán 2.500.000 cổ phần cho Thành viên HĐQT, Thành viên BKS.
- Chào bán 2.500.000 cổ phần cho cán bộ quản lý chủ chốt gồm: từ cấp Trưởng phòng giao dịch, Ban Giám đốc Chi nhánh; Trưởng, phó phòng Hội sở trở lên không kể thời gian công tác tại HDBank tính đến ngày 31/5/2010.

Tiêu chuẩn phân bổ và nguyên tắc phân phối cổ phần chào bán cho CBNV:

- Đối với Thành viên HĐQT, Thành viên BKS

| TT | Chức danh | Số cổ phần phân phối (cổ phần/người) | Số người (người) | Tổng số cổ phần phân phối (cổ phần) |
|------------------|--|--------------------------------------|------------------|-------------------------------------|
| 1. | Hội đồng Quản trị | | | |
| | Chủ tịch HĐQT | 1.650.000 | 01 | 1.650.000 |
| | Phó Chủ tịch HĐQT | 120.000 | 02 | 240.000 |
| | Thành viên HĐQT | 70.000 | 05 | 350.000 |
| 2. | Ban Kiểm soát | | | |
| | Trưởng BKS | 70.000 | 01 | 70.000 |
| | Thành viên BKS | 17.000 | 01 | 17.000 |
| 3. | Trưởng hợp đặc cách đặc biệt (theo quyết định của HĐQT) | | | |
| | | 17.300 | | 17.300 |
| TỔNG CỘNG | | | | 2.500.000 |

- Đối với cán bộ quản lý chủ chốt

Phân loại 3 bậc căn cứ thâm niên của mỗi chức danh (từ cấp Trưởng phòng giao dịch, Ban Giám đốc Chi nhánh; Trưởng, phó phòng Hội sở trở lên) như sau:

| THÂM NIÊN | BẬC |
|---------------------------|-------|
| Từ 01 năm đến dưới 03 năm | Bậc 1 |
| Từ 03 năm đến dưới 07 năm | Bậc 2 |
| Từ trên 07 năm | Bậc 3 |

Số lượng cổ phần phân bổ cụ thể theo chức danh và theo bậc như sau:

| Đối tượng được mua | Số người (người) | Số cổ phần phân bổ (cổ phần/ người) | Tổng cộng số cổ phần phân bổ (cổ phần) | Tính cho các chức danh |
|--------------------|------------------|-------------------------------------|--|---|
| TGD | 1 | 200.000 | 200.000 | Tổng giám đốc |
| PTGD3 | 2 | 120.000 | 240.000 | Phó Tổng giám đốc |
| PTGD2 | 0 | 110.000 | 0 | |
| PTGD1 | 3 | 100.000 | 300.000 | |
| GĐTC | 1 | 70.000 | 70.000 | Giám đốc Tài chính |
| GĐ.A3 | 0 | 50.000 | 0 | Giám đốc chi nhánh loại A/ Trưởng phòng Trụ sở chính loại A |
| GĐ.A2 | 2 | 45.000 | 90.000 | |
| GĐ.A1 | 2 | 40.000 | 80.000 | |
| PGĐ.A3 | 2 | 38.000 | 76.000 | Phó Giám đốc chi nhánh loại A/Phó Phòng Trụ sở chính loại A/ Phó Trung tâm kinh doanh |
| PGĐ.A2 | 0 | 32.000 | 0 | |
| PGĐ.A1 | 2 | 34.000 | 68.000 | |
| GĐ.B3 | 6 | 29.000 | 174.000 | Giám đốc chi nhánh loại B/ Trưởng phòng Trụ sở chính bình thường |
| GĐ.B2 | 5 | 26.000 | 130.000 | |
| GĐ.B1 | 6 | 23.000 | 138.000 | |
| PGĐ.B3 | 12 | 20.000 | 240.000 | Phó Giám đốc chi nhánh loại B/Phó Phòng Trụ sở chính bình thường |
| PGĐ.B2 | 9 | 19.000 | 171.000 | |
| PGĐ.B1 | 8 | 18.000 | 144.000 | |
| TPGD3 | 4 | 17.000 | 68.000 | Trưởng/Phó phụ trách phòng giao dịch/Trưởng Ban Trụ sở chính /Trưởng Phòng Trung tâm kinh doanh |
| TPGD2 | 11 | 16.000 | 176.000 | |
| TPGD1 | 9 | 15.000 | 135.000 | |
| TỔNG | 85 | | 2.500.000 | |

3.2. Phương án xử lý số cổ phiếu không được đặt mua hết khi kết thúc đợt chào bán (nếu có)

Đối với số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên không đặt mua hết (nếu có), số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị (nếu có) và số cổ phần không được thực hiện quyền phát sinh từ cổ phiếu quỹ (nếu có):

Toàn bộ số cổ phần phát sinh như trên (nếu có), HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với mức giá và điều kiện chào bán phù hợp, nhưng mức giá chào bán không thấp hơn mệnh giá.

Trong trường hợp kết thúc 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng cho từng giai đoạn phát hành (giai đoạn 1 và 2) mà số lượng cổ phiếu còn dư chưa được phân phối hết, giao cho HĐQT xin phép NHNN và UBCKNN gia hạn thời gian chào bán để tiếp tục phân phối (nếu cần thiết).

Trường hợp kết thúc thời gian chào bán kể cả gia hạn (nếu có) mà số cổ phần vẫn chưa được chào bán hết, thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

4. Giá dự kiến chào bán

- Giá dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu (cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2): 10.000 đồng/ cổ phần.
- Giá dự kiến chào bán cho cán bộ nhân viên: 10.000 đồng/ cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

- Giá chào bán dự kiến cho Cổ đông hiện hữu của HDBank là giá bằng mệnh giá. Đây là mức giá để đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông hiện hữu.
- Giá chào bán dự kiến cho cán bộ nhân viên của HDBank cũng là giá bằng mệnh giá. Đây là mức giá để khuyến khích cán bộ nhân viên trở thành cổ đông của HDBank, gắn bó và cống hiến cho sự phát triển của HDBank.

6. Phương thức phân phối

Cổ phần phát hành cho Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên được phân phối trực tiếp tại HDBank.

7. Thời gian phân phối

Thời gian phân phối cổ phần (cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2) được dự kiến thực hiện trong năm 2010 (sau khi được chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước). Trường hợp thời gian thực tế thực hiện kéo dài hơn dự kiến, khoảng cách giữa hai giai đoạn không quá 12 tháng.

Lịch trình phân phối đối với mỗi giai đoạn là 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN cho phép thực hiện phát hành. Dự kiến các giai đoạn sẽ như sau:

| TT | Công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---------------------|
| A | GIAI ĐOẠN 1 (tăng vốn từ 1.550 tỷ lên 2.000 tỷ đồng) | |
| 1 | Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN | D |
| 2 | - Công bố thông tin trên báo chí về đợt chào bán (giai đoạn 1) - Thông báo ngày chốt danh sách cho cổ đông hiện hữu | D đến D +7 |
| 3 | Chốt danh sách phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu | D+10 |
| 4 | Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu | D+11 đến D+30 |

| | | |
|----------|--|-----------------|
| 5 | - Tổng hợp danh sách các cổ đông hiện hữu đặt mua cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ - Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết - Chuyển số tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản Ngân hàng phong tỏa | D+31 |
| 6 | Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết, số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không được thực hiện quyền (nếu có) | D+32 đến D+35 |
| 7 | Báo cáo kết quả đợt phát hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước | D + 45 |
| 8 | Trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu | D+35 đến D+65 |
| B | GIAI ĐOẠN 2 (tăng vốn từ 2.000 tỷ lên 3.000 tỷ đồng) | |
| 1 | Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN | D' |
| 2 | - Công bố thông tin trên báo chí về đợt chào bán (giai đoạn 2) - Thông báo ngày chốt danh sách cho cổ đông hiện hữu | D' đến D' +7 |
| 3 | - Chốt danh sách phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu - Thông báo thời hạn nộp tiền đối với cán bộ nhân viên | D'+10 |
| 4 | Các cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên tiến hành đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu | D'+11 đến D'+30 |
| 5 | Tổng hợp danh sách các cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên đặt mua cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết Chuyển số tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản Ngân hàng phong tỏa | D'+31 |
| 6 | Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết, số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không được thực hiện quyền (nếu có) | D'+32 đến D'+35 |
| 7 | Báo cáo kết quả đợt phát hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước | D' + 45 |
| 8 | Trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu | D'+35 đến D'+65 |

(Chú thích: - D là ngày HDBank được UBCKNN cho phép thực hiện đợt chào bán giai đoạn 1, trùng với ngày HDBank được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng)

- D' là ngày HDBank được UBCKNN cho phép thực hiện đợt chào bán giai đoạn 2)

8. Đăng ký mua cổ phần

* Đối với cổ đông hiện hữu:

HDBank sẽ tiến hành thông báo về đợt chào bán tới các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách. Trong thời hạn 20 ngày (hoặc thời hạn khác dài hơn do HDBank thông báo) làm việc kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký mua cổ phần và trực tiếp nộp tiền mua theo chỉ định của Ngân hàng

hoặc bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần của Ngân hàng. Sau thời hạn này, các quyền mua không được thực hiện sẽ đương nhiên hết hiệu lực, cổ đông sở hữu quyền mua đó sẽ không nhận được bất cứ sự đền bù nào từ phía Ngân hàng.

*** Đối với cán bộ nhân viên HDBank:**

HDBank sẽ tiến hành thông báo về đợt chào bán tới các CBNV có tên trong danh sách được mua cổ phần. CBNV tiến hành đăng ký và nộp tiền mua cổ phần tại trụ sở chính của Ngân hàng theo thủ tục và trong thời hạn quy định.

9. Phương thức thực hiện quyền

Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua sẽ tiến hành đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần theo tỷ lệ được mua đã quy định và trong thời hạn 20 ngày (hoặc thời hạn khác dài hơn do HDBank thông báo) kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực.

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Người sở hữu quyền mua trực tiếp tìm đối tác và thỏa thuận mức giá chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại trụ sở của đơn vị tư vấn quản lý sở cổ đông của Ngân hàng theo các thủ tục quy định trong vòng 17 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua có hiệu lực.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Nghị định số 69/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/04/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam quy định chi tiết về tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thì:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của NHNN Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Cũng theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam vừa được Thủ tướng ban hành và có hiệu lực từ

1/6/2009 thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng Việt Nam vẫn được giữ ở mức 30%.

Hiện nay, Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng hiện nay là 0%. Khi thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên, không có nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Ngân hàng.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

*** Đối với cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu:**

Toàn bộ số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

*** Đối với cổ phần phát hành cho cán bộ nhân viên HDBank thì có những hạn chế sau:**

- CBCNV phải có cam kết làm việc tại HDBank tối thiểu 02 năm kể từ ngày mua cổ phần. Nếu thôi việc tại HDBank vì bất cứ lý do gì (tự thôi việc, bị buộc thôi việc hoặc các hình thức thôi việc khác) thì số cổ phần này sẽ bị thu hồi lại.
- CBCNV chỉ được chuyển nhượng cổ phần sau 02 năm kể từ ngày mua cổ phần theo quy định của đợt phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

*** Thuế giá trị gia tăng:** Phí và hoa hồng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp khấu trừ, giao dịch kinh doanh ngoại tệ và vàng chịu thuế giá trị gia tăng là 10% theo phương pháp trực tiếp. Các nghiệp vụ ngân hàng khác không chịu thuế giá trị gia tăng.

*** Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với Ngân hàng hiện tại là 25%.

*** Các loại thuế khác:** Ngân hàng kê khai và nộp theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên tài khoản: Tài khoản tập trung tiền mua cổ phần của HDBank
- Số tài khoản: 200034849001002
- Mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – Sở Giao Dịch 1

V. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Nhu cầu khách quan của việc tăng vốn điều lệ

1.1 Đáp ứng nhu cầu cạnh tranh và gia nhập WTO

Năm 2007 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong cho nền kinh tế Việt nam khi trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Kể từ khi gia nhập WTO, cùng với nhiều cơ hội để phát triển, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng cũng phải đương đầu với không ít những khó khăn thách thức theo tiến trình hội nhập.

Ngoài ra, nhu cầu tăng vốn điều lệ là một điều kiện cần thiết đối với các ngân hàng thương mại cổ phần theo yêu cầu của NHNN để nâng cao năng lực tài chính, tạo nền tảng để phát triển mạng lưới chi nhánh, mở rộng thị phần và quy mô kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ngân hàng,... Ngày 22/11/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 141/2006/NĐ-CP về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng. Theo đó, đối với loại hình: Ngân hàng thương mại cổ phần, liên doanh; Ngân hàng 100% vốn nước ngoài; Quỹ tín dụng nhân dân TW phải có mức vốn pháp định áp dụng cho đến năm 2008 là 1.000 tỷ đồng, đến năm 2010 là 3.000 tỷ đồng; Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng đầu tư: 3.000 tỷ đồng.

1.2 Đạt được hiệu quả kinh doanh, đạt các chỉ tiêu tăng trưởng cần thiết và đảm bảo các hệ số an toàn

Việc tăng vốn điều lệ sẽ giúp cho HDBank thực hiện thành công mục tiêu phát triển ổn định và bền vững trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế; giữ vững và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bằng các giải pháp: tái cấu trúc bộ máy quản lý-điều hành các cấp theo mô hình ngân hàng hiện đại, đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai phần mềm quản lý hiện đại, nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ ngang tầm với việc phát triển mạng lưới và quy mô kinh doanh.

Theo dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2010 của HDBank, thì một số chỉ tiêu cơ bản sẽ như sau:

| | |
|---|-------------------------|
| - Tổng tài sản | : 25.000 tỷ đồng |
| - Tổng vốn huy động | : 21.000 tỷ đồng |
| <i>Trong đó: Vốn huy động từ thị trường 1</i> | <i>: 15.000 tỷ đồng</i> |
| <i>Vốn huy động từ thị trường 2</i> | <i>: 6.000 tỷ đồng</i> |
| - Dư nợ tín dụng | : 10.500 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ nợ xấu | : 2% tổng dư nợ |
| - Tỷ lệ thu phí tín dụng | : 30% tổng thu nhập |
| - Lợi nhuận trước thuế | : 300 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ lợi nhuận/vốn điều lệ (ROA) | : 1,02% |
| - Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROE) | : 11,8% |
| - Cổ tức có thể chia cho các Cổ đông | : tối thiểu 11% |
| - Phát triển mạng lưới | : 90 điểm giao dịch |

1.3 Bổ sung vốn kinh doanh

Bên cạnh đó, trước những yêu cầu mới trong hoạt động kinh doanh, HDBank cần phải mở rộng mạng lưới, quy mô hoạt động, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, đầu tư mới công nghệ, phát triển các loại hình dịch vụ để nâng cao sức cạnh tranh của HDBank trên thị trường tài chính ngân hàng, cụ thể:

- Có được nguồn vốn dài hạn đáp ứng nhu cầu đầu tư, mua sắm tài sản cố định để nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới, đầu tư công nghệ ngân hàng để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn và đảm bảo quản trị rủi ro
- Có nguồn vốn để mở rộng cho vay dài hạn, đảm bảo thanh khoản và đáp ứng đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng

- Tăng quy mô về vốn hoạt động, tăng sức cạnh tranh và mở rộng quy mô cho vay, tài trợ các dự án.

2. Phương án sử dụng vốn

Số vốn huy động dự kiến (tính theo giá trị mệnh giá cổ phần) từ đợt phát hành 145.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên (gồm cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2), sẽ là 1.450.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam*).

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của HDBank, trong giai đoạn 2 của đợt tăng vốn, ngoài việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên, HDBank còn thực hiện phát hành riêng lẻ 50.000.000 cổ phần cho đối tác chiến lược. Sau khi hoàn thành các đợt phát hành này, vốn điều lệ của Ngân hàng sẽ đạt 3.500 tỷ đồng.

Như vậy, thông qua việc phát hành 145.000.000 cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ 50.000.000 cổ phần cho đối tác chiến lược, tổng số vốn huy động dự kiến (tính theo giá trị mệnh giá cổ phần) sẽ là 1.950.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn chín trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam*).

Tổng số vốn huy động này được sẽ được sử dụng theo phương án như sau:

| TT | Nội dung | Vốn huy động được từ đợt phát hành dự kiến sử dụng | % Vốn đầu tư/Tổng vốn huy động được từ đợt phát hành |
|----|---|--|--|
| 1 | Góp vốn, mua cổ phần | Tối đa 780 tỷ đồng | 40% |
| 2 | Trang bị tài sản cố định phục vụ cho mục tiêu mở rộng mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng | Tối đa 780 tỷ đồng | 40% |
| 3. | Bổ sung nguồn vốn trung dài hạn | 390 tỷ đồng | 20% |
| | Tổng cộng | 1.950 tỷ đồng | 100% |

Về góp vốn mua cổ phần: Năm 2009, thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần của HDBank đạt 15,28 tỷ đồng, tăng 68,28% so với năm 2008. Bình quân giai đoạn 2008-2009, thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần chiếm 3,67% tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng. Để nâng cao mức đóng góp cũng như tỷ lệ đóng góp thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần vào tổng thu nhập hoạt động, trong năm 2010, HDBank có kế hoạch sẽ tăng mức đầu tư cho hoạt động này thông qua việc nỗ lực tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp với lợi nhuận kỳ vọng và mức độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng.

Về trang bị tài sản cố định: Việc tăng cường trang bị tài sản cố định là rất cần thiết để phục vụ cho mục tiêu mở rộng mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng. HDBank dự kiến trong năm 2010 sẽ tiếp tục phát triển mạng lưới mạnh mẽ để đạt 90 điểm giao dịch trên toàn quốc và sẽ tiếp tục vươn tầm hoạt động đến các trung tâm kinh tế mới nổi, nhiều tiềm năng khác trên phạm vi cả nước trong những năm tiếp theo. Song song với phát triển về chiều rộng, HDBank đồng thời phát triển cả về chiều sâu với việc không ngừng nâng cao, đổi mới về mặt công nghệ, trong đó đặc biệt lưu tâm đến việc duy trì trung tâm dữ liệu chính cũng như trung

tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo sự thông suốt, độ tin cậy và vẹn toàn dữ liệu cho mỗi giao dịch phát sinh trong hệ thống HDBank.

Về bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn: Tính đến thời điểm 31/03/2010, nguồn vốn trung dài hạn của HDBank vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu kinh doanh (cho vay trung, dài hạn hay các hoạt động đầu tư trung, dài hạn khác). Để chủ động trong việc triển khai các sản phẩm cho vay trung và dài hạn (cho vay mua nhà trả góp đối với CBCNV, vay đầu tư dự án...), HDBank cần được bổ sung vốn trung và dài hạn. Ngoài ra, việc đầu tư vào mảng trái phiếu, tín phiếu cũng nằm trong kế hoạch đầu tư trong giai đoạn tới của Ngân hàng.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số vốn huy động được từ đợt phát hành sẽ được đầu tư theo lịch trình như sau:

Lịch trình sử dụng vốn phát hành thêm

| TT | Nội dung | Thời gian đầu tư dự kiến |
|-----------|---|---------------------------------|
| 1 | Góp vốn, mua cổ phần | Quý III/2010 – 31.12.2010 |
| 2 | Trang bị tài sản cố định phục vụ cho mục tiêu mở rộng mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng | Quý III/2010 – 31.12.2010 |
| 3. | Bổ sung nguồn vốn trung dài hạn | Quý III/2010 – 31.12.2010 |

Nguồn: HDBank

Trường hợp việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, người lao động trong Ngân hàng, số vốn huy động được không đủ so với dự kiến, HDBank sẽ sử dụng các hình thức huy động vốn khác (như phát hành các loại chứng chỉ tiền gửi, phát hành trái phiếu, dùng nguồn vốn huy động,...) để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Cao ốc Sài Gòn Riverside, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84.8) 3 824 5252 Fax: (84.8) 3 824 5250

Website: www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 3, Số 59, phố Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 04.3944 58 88

Fax: 04.3944 58 89

Website: www.vise.com.vn

Email: vise@vise.com.vn

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của HDBank, cùng với việc phân tích tình hình thị trường trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam cho rằng, đợt phát hành có khả năng thành công cao nếu không ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro bất khả kháng.

VIII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của HDBank
- 2. Phụ lục II** : Bản sao hợp lệ Điều lệ HDBank
- 3. Phụ lục III** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009
- 4. Phụ lục IV** : Báo cáo tài chính Quý II/2010
- 5. Phụ lục V** : Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
- 6. Phụ lục VI** : Nghị quyết của HĐQT thông qua tiêu chuẩn của người lao động được tham gia chương trình phát hành, nguyên tắc xác định giá bán và thời gian thực hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

CHỮ KÝ XÁC NHẬN
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, TỔNG
GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN NHÀ TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CHỦ TỊCH HĐQT

ĐẶNG THỊ QUÝ

LÊ THỊ BĂNG TÂM

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN ĐẦU

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

TỔ CHỨC TƯ VẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHẠM LINH